

Hồ Đình Ba

MỐI TÌNH NGHIỆT NGÃ

(Tiểu thuyết luận đề)

NGHĨA TỬ

Bà Hạc ngồi đợi trong phòng khách nhà xứ khoảng mười phút thì cha phó xuất hiện, quần dài đen áo sơ mi trắng; bà đứng dậy chào,

-“Con xin phép chào cha...”

-“Bà Hạc phải không?”

-“Dạ phải.”

Rồi theo bàn tay ra hiệu của chủ nhà, bà Hạc ngồi xuống. Khi cả chủ khách yên vị, cha phó nói,

-“Bà có việc gì quan trọng mà ra tận xứ nghèo này, nói xem.”

-“Dạ hôm nay con đem ít quà lên đây để “tạ” cha đã chủ sự hôn lễ của con gái lớn con là Thúy Hằng. Nhờ cha làm phép mà hôn lễ của em nó thành-sự mang lại vui mừng cho hai họ.”

-“Bà lại khéo vẽ chuyện rồi. Cần gì đến quà cáp, chẳng phải bà đã cảm ơn tôi và cả ca đoàn sau khi kết lễ hay sao. Lúc ấy bà còn ví von một linh mục trẻ như tôi làm phép cưới cho con bà như một anh trai của cô ấy.”

-“Vâng lúc đó con đơn sơ và mạo muội nói thế, hẳn đã phiền lòng cha.”

-“Không sao cả, thậm chí bà muốn coi tôi là dưỡng tử của bà cũng được vì tôi cũng đã coi bà Phụng như mẹ nuôi tôi khi tôi về tạm trú nhà bà ấy để chờ ngày vào chủng viện. Đó là chuyện cách nay đã lâu,” cha phó mà quý danh là Hoàng Long Đạt ngừng lại một lúc rồi nói tiếp, “Nhưng bà với bà Phụng họ hàng thế nào với nhau?”

-“Dạ con và bà Phụng là chị em họ con chú con bác.”

-“Thế à trong khi cha tôi và chú Thi chồng bà Phụng là anh em ruột?”

-“Vâng con biết nên khi bà Phụng nói cha về giáo xứ Nam Hòa thăm bà và ở chơi mấy ngày nên con mới cậy cha làm phép cưới cho Thúy Hằng nhà con.”

-“Thì ra thế,” linh mục Long Đạt cười nói, trong lúc bà Hạc tỏ vẻ ngật ngừng lúng túng, sau cùng bà nói,

-“Con xin cha tha lỗi nếu hôm nay con cũng mạo muội coi cha như một người con trong gia đình con, vì con đã không có con trai, và thỉnh thoảng cho phép con được đến thăm cha, ăn mày của cha ít nhiều ơn phúc.”

-“Nghĩa là bà muốn nhận tôi làm nghĩa tử?”

-“Vâng đúng vậy và cũng xin cha tha lỗi cho con sự mạo muội này.”

Trong khi chờ đợi câu trả lời, hình ảnh một hài nhi đỏ hồng ngày xưa bà sinh ra và cho bú mớm trong một vườn trà. Hài nhi của hơn hai mươi năm trước chính là Long Đạt ngày nay. Long Đạt cau mày nhìn bà giáo dân mới quen một lúc, tuy lớn tuổi nhưng còn phảng phất nét đẹp thanh xuân. Chỉ sau khi nghĩ bà này có họ hàng con bác, con chú với bà Phụng, người thím đã thường giúp đỡ vật chất cho anh khi anh còn tu học, linh mục Long Đạt mới nói,

-“Có sao đâu, chỉ sợ phiền bà mất công cầu nguyện cho tôi sống tốt ơn gọi. Nhưng trước hết bà không được xưng ‘con’ với tôi và không được gọi tôi bằng ‘cha’. Cứ xưng bà bằng bác hoặc tôi và gọi tôi bằng anh cho dễ nghe, khi nào bà rồi bà cứ ra đây chơi tôi sẽ nhờ người dẫn bà đi thăm vài chỗ; phần tôi, tôi sẽ cầu nguyện đặc biệt cho bà.”

Sau đó chủ khách nói thêm vài câu rồi bà Hạc xin phép ra về. Khi ra khỏi cổng nhà thờ, nước mắt mà bà kềm nén đã trào ra. Sau hai mươi lăm năm bà mới gặp lại con bà và xin được làm mẹ nuôi của nó. Bà đã bị tước cái quyền làm mẹ suốt ngần ấy năm: bà khóc vì tủi hổ lẫn lộn nỗi vui mừng.

Khi bà Hạc ngồi xuống băng ghế áp cuối của chiếc xe đò về lại Sài-gòn, trời đổ cơn mưa như trút. Xe chạy trong mưa tốc độ chậm lại, cửa kính nhật nhòa làm phong cảnh hai bên đường mờ mịt như sương như khói. Cái lạnh bắt đầu xâm nhập vào lòng xe. Lòng bà tê tái và quá khứ thời con gái quay về: cũng trong một chiếc xe đò chạy trong mưa từ Sài-gòn lên Bảo Lộc, mẹ bà đã đưa bà đến nhà một người bà con có vườn trà để giấu cái bào thai tháng thứ năm mà bà mang trong bụng. Bà sẽ sinh nở ở đó, trong một cái chòi giữa vườn trà vì đứa con bà mang trong bụng là con hoang và tác giả của nó là cha xứ Lê Long Đình chánh xứ của giáo xứ Hòa Bình ở một quận ngoại thành .

Câu chuyện bắt đầu khi hồi đó cha mẹ cô sửa lại ngôi nhà vách ván mái tôn thành ngôi nhà gạch mái ngói. Lúc ấy Hạc chuẩn bị thi vào trường Sư phạm tiểu học. Trong thời gian sửa nhà cha mẹ cô đã thuê một gian nhà nhỏ trong xóm. Buổi tối cả nhà nằm trên nền gạch tàu, bốn xung quanh là các thùng giấy các-tông đựng đồ đạc của cả nhà. Cha xứ thấy thế liền nói với cha mẹ Hạc,

-“Hai bác cho Hạc đến văn phòng giáo xứ để học thi. Nhà cửa chưa xây xong lấy chỗ đâu mà ngồi học thi.”

-“Vâng con cảm ơn cha xứ.” Cha Hạc cung kính đáp lại xưng mình là con mặc dù ông lớn hơn cha xứ mười tuổi. Và ngay buổi tối hôm đó cô đã mang sách vở bút viết đến văn phòng nhà xứ để học thi.

Án tượng đầu tiên và cũng rất khó chịu mà Hạc có trong thời gian học thi ấy là cô thường bắt gặp cái nhìn trân trân, đăm đăm và cả thèm khát của cha Lê Long Đình chiếu vào cô khi thì từ sau lưng, khi thì nhìn nghiêng, khi thì chính diện và kết thúc bằng một nụ cười gượng gạo, một cái nhếch mép.

Có một sự cố xảy ra trong thời gian học thi ấy. Chiều hôm ấy cha Long Đình có việc phải qua tu viện gần đó vì cha vốn là cha dòng coi xứ. Trước khi đi cha khóa trái văn phòng giáo xứ lại; Hạc đang ngồi học bài bên trong thấy vậy chạy lại cửa sổ giậm chân nói lớn,

-“Cha khóa trái cửa lại, lát nữa làm sao con về?”

-“Ta qua tu viện họp với giáo dân bên đó, trong vòng bốn năm phút sẽ về ngay.”

Cô định phản đối việc giam cầm cô như ông vua phong kiến giam cầm cung phi trong hậu cung của vua, thì bên ngoài có tiếng một ông giáo dân nói với Long Đình lúc này đã bước ra đường hẻm lớn, “Cha cũng đi họp bên tu viện phải không?”; Long Đình đáp, “Phải, cha con mình cùng đi nào.” Nghe câu chuyện bên ngoài ấy, Hạc mới an tâm, ngồi lại bàn học tiếp tục bài làm dang dở. Gần một giờ sau, có tiếng vài giáo dân ra về trò chuyện, trao đổi ý kiến về cuộc họp vừa qua. Sau cùng Long Đình cũng đã trở về nhà xứ, ông đứng lặng lẽ trước cửa sổ, ngắm Hạc từ sau lưng; mái tóc cô xòa ngang vai, cái lưng thanh tú kéo xuống cái eo nhỏ nhắn và đôi bờ mông tròn đầy đặn. Sau nửa phút, như có cảm giác bị nhìn, cô đứng dậy chạy ra cửa sổ, hai tay nắm vào song cửa nói,

-“Cha mở cửa cho con về.”

-“Về thì về,” vừa nói Long Đình vừa nắm lấy hai cánh tay của Hạc kéo sát vào song cửa và qua song cửa ông hôn vào trán cô lùa xòa vài lọn tóc và nói,

-“Ôi, bé Hạc xinh đẹp và ngoan ngoãn của ta. Hôm nay học được nhiều không... Ta nghĩ là con sẽ thi đậu.”

Nụ hôn làm Hạc ngây ngất nhưng cô đã vội lùi lại vì hình như có bóng một phụ nữ mới đi ngang qua. Sau đó Long Đình mở khóa cửa, phần Hạc cô chộp lấy vài cuốn sách và vội nháp thẹn thùng chào cha rồi đi vội về nhà. Lòng cô bối rối nên cô không thấy bóng người phụ nữ quay trở lại có vẻ rụt rè, sau đó đã đi vào căn phòng cô vừa ra khỏi chỉ khép hờ. Khi gần đến nhà, Hạc chợt nhớ cô đã để quên cây thước kẻ ở bàn học. Khi quay lại cô thấy trong phòng chỉ có ánh sáng lờ mờ từ cái đèn ngủ cuối phòng hắt ra. Cô kéo màn cửa sổ và nhìn vào bên trong, nhưng không thấy gì ngoài những tiếng rên rỉ thốt khỏi của một phụ nữ và những lời như mê sảng: “Ôi anh thật tuyệt vời, hoàng thượng của lòng em...” Cô bịt tai lại chạy vội về nhà. Cô muốn quên mọi việc mà cô chứng kiến trừ lời khen của Long Đình rằng cô “xinh đẹp” và “ngoan ngoãn”, một lời khen mà cô chưa từng nghe được.

Thật vậy trong gia đình, cô không bao giờ nhận được một lời khen đến nỗi cô nghĩ mình xấu xí. Mọi lời khen ngợi cha mẹ cô đều dành cho hai đứa em trai, đặc biệt đứa lớn: “Ôi con trai xinh

đẹp và giỏi giang của mẹ v.v...” Còn cô thì nào là đã xấu như quỷ mà còn ngu si đần độn không được cái nước gì, rồi như lời mẹ cô có lần đã chửi, “Mày bày đặt trang điểm từ lúc nào vậy? áo đi đàng áo, người đi đàng người.” Hạc đau buồn và thường hay khóc thầm về những câu nói mỉa mai đó. Dù rằng cách ứng xử trọng nam khinh nữ là một phần văn hóa truyền thống của Á Đông, nhưng thái độ trong những lời nói ấy của mẹ cô thật là nhẫn tâm và quá quác. Vì thế câu nói của cha xứ: “Ôi bé Hạc xinh đẹp và ngoan ngoãn của ta” đã mang lại cho cô một niềm an ủi rất lớn, đồng thời làm cô phần nào vượt qua mặc cảm tự ti mà hầu hết các phụ nữ đều bị khi sống trong một bầu khí văn hóa phụ quyền gia trưởng.

Hạc còn nhớ buổi học cuối cùng trước ngày đi thi, cha xứ Long Đình chúc cô thi đậu, ông nói,

-“Ta sẽ cầu nguyện cho Hạc thi đậu. Yên tâm làm bài thi cho tốt,” rồi ông nắm lấy hai bàn tay trắng trẻo mềm mại của cô bóp nhẹ nói tiếp, “Khi nào Hạc cần gì cứ đến gặp ta đừng ngại. Phần ta, ta sẽ nhớ Hạc luôn.” Sở dĩ ông xưng hô mình là ‘ta’ vì ông chỉ lớn hơn Hạc có chín tuổi, và lại ông không muốn xưng hô ‘cha-con’ với Hạc, một thiếu nữ xinh đẹp, với đôi môi trái tim và chiếc răng khênh nhẹ kín đáo ở một góc môi; cách xưng hô trịnh trọng đó tạo ra khoảng cách mà ông muốn thu hẹp dần và xóa bỏ.

-“Con tưởng cha đã có người để an ủi rồi...”

-“Hạc thì khác... Và lại nếu có ai đến với ta đều là những khách không mời mà đến, ta phải miễn cưỡng tiếp họ.” Vừa nói ông vừa đưa khuôn mặt ông sát vào khuôn mặt của Hạc với đôi mắt sắc cạnh như của một người thôi miên. Sau cùng ông nâng hai lưng bàn tay cô lên hôn rất điệu nghệ rồi để cô ra về. Nhìn theo bóng Hạc xa dần, lòng ông tự nhủ, “Rồi em cũng phải quay lại cùng ta thôi, vấn đề là mau hay chậm. Dù sao ta cũng luôn sẵn sàng”. Ông rất tự tin vào điều này vì ông được Chúa-Tình-Yêu chọn làm người đại diện cho Ngài; khổ nỗi trình độ yêu mến của ông còn rất thấp và chỉ loanh quanh ở tình yêu nhục cảm. Mặt khác ông thừa hưởng dự lực ấy từ một nhà nho, một ông quan huyện là tổ nội của ông. Ông này là chồng của ba bà vợ sống chung trong một ngôi nhà ngói to nhất làng, một mực ngoan ngoãn và phục tùng ông. Sau cùng Long Đình ra vườn nhìn chim chóc đuổi nhau, sau đó ông vào phòng quý dưới chân tượng Đức Mẹ Maria, cầu xin cho Hạc thi đậu như lời ông đã hứa.

CHIỀU MƯA ĐÔNG GIÓ

Gần nửa năm nay việc học ở trường sư phạm chiếm nhiều thời gian nên dù không thiếu nỗi buồn từ sự khinh chê của cha mẹ, cô không ghé thăm cha xứ Lê Long Đình, một ân nhân của cô đã tạo điều kiện cho cô thi đậu. Một buổi chiều u ám mây trời vần vũ mẹ cô sai cô mang gà-mên đựng món cà-ri mà bà đã bỏ ra cả buổi chiều để nấu. Nó chế biến bằng thịt dê rừng mắc bẫy mà một người bà con từ Bảo Lộc đem xuống. Mẹ cô nấu một nồi to nhưng đặc biệt cho cha cô và hai em trai trong nhà. Con gái như cô không được chia phần. Mẹ cô cũng thế, ngoài việc nêm nếm, bà không đụng vào món ăn khi đã nấu xong. Và phần ngon nhất trong nồi được múc làm quà cho cha xứ. Ngoài món cà-ri trong gà-mên cô còn cầm một ổ bánh mì to gói trong một tờ báo.

Khi đến nhà xứ, sau khi nói vài câu lễ phép theo lời dặn của mẹ cô, Hạc vội chạy ra nhà sau lấy tô đĩa sứ nhập từ Nhật Bản, muổng nĩa bằng bạc bày món ăn ra bàn, rồi cô nói,

-“Mời cha ăn luôn kẻo nguội, con xin phép về.” Nói xong cô gài mấy ngăn của gà mên lại,

-“Khoan đã, ta có việc này muốn nói với Hạc.”

-“Cha ăn cho nóng, việc gì cha để hôm khác hãy nói, con sẽ trở lại.”

-“Hạc cần về đến thế sao...”

Lúc đó một tiếng sấm nổ lớn bên ngoài, rồi cơn mưa lớn trút xuống, Hạc sợ hãi kêu lên, mắt nhìn về Long Đình. Đôi mắt thôi miên của ông bất động như muốn trấn an cô, Ông nói,

-“Không sao đâu... dù sao Hạc cũng phải chờ tạnh mưa.” Nói rồi ông đến bật đèn điện, đóng cửa sổ và cài chặt cửa ra vào. Sau đó, ông kéo tay Hạc ngồi xuống cái ghế bên cạnh ông, ông nói,

-“Thức ăn đã ngon lại nhiều Hạc ăn phụ với ta đi,” Ông lấy một khoanh bánh mì chấm vào cà ri đưa vào miệng Hạc, cô nói,

-“Cha ăn trước đi...”

-“Ai ăn trước mà chẳng được.” Miếng bánh đã được Hạc nhận lấy. Cả hương lẫn vị ngon ngọt, cay cay làm cô thích thú. Sự trân trọng này của Long Đình còn hơn một lời tâm bốc. Vốn luôn kính trọng đúng phép một “đấng bậc”, giờ đây cô bỗng cảm thấy tự tin để ứng xử tự nhiên với Long Đình. Ông đứng dậy lấy chai rượu lễ đã làm phép ra với hai cái ly thấp rót cho ông và Hạc một ly đầy. Chát rượu làm cô hưng phấn vui tươi. Cô đứng dậy nói,

-“Con phải đợi mưa về thôi, mưa dai quá.”

-“Ừ nhưng hãy đi rửa mặt rồi về,“

Nhưng khi Hạc đưa hai bàn tay hứng nước từ bồn rửa, Long Đình từ sau áp sát vào lưng cô và hôn vào gáy cô, làm cô tê dại và bất động. Vòng tay ông kéo cái eo mảnh mai quay lại sát vào người ông và ông nói, “Hạc có biết ta yêu Hạc từ lâu lắm không?” rồi đôi môi ham hố của ông mạnh mẽ bập vào môi cô. Sau khi dùng tay trái khóa vòi nước ông bế cô vào giường. Lúc đầu cô phản kháng, “Không được đâu...có tội đó cha” Nhưng khi khoái cảm tăng dần theo các ngón tay của Long Đình sờ mó da thịt cô, và khi thói quen vâng lời trước uy lực thần quyền trở dậy, cô đã để cho ông chồm lên, đóng đinh cô xuống nệm giường từ dưới rón với một động tác dứt khoát, quyết liệt, sau đó vồ vập cô với những động tác thôi thúc nhịp nhàng. Sau đó một bàn tay cô bám chặt thành giường, bàn tay kia bấu vào lưng ông rên khẽ. Sự hạ cố này của đấng cao sang chẳng phải là một đặc ân sao?

Khi Hạc về đến nhà trời vẫn còn mưa, lúc đó cả nhà đang đọc kinh tối. Cô rón rén đến ngồi một góc thần thờ. Sau đó cô nhẹ nhàng lên gác vui đầu vào gối, cô biết mình đã rơi vào vòng tội lỗi

nhưng khó thoát khi phải thực hành đức vâng lời các đấng bậc. Và lại cô còn nguy tín đó là tình yêu mà không nghĩ đó chỉ là bản năng tình dục. Bản năng này bám vào nguy tín “tình yêu”, thúc giục cô trở lại làm con thiêu thân cho ngọn lửa cuồng của Long Đình. Sự dan díu ấy kéo dài cho đến khi cô biết mình mang thai. Lúc ấy cô đã dạy được một học kỳ tại một trường tiểu học.

Khi nhìn thấy hồng Hạc nở ra và bụng cô chướng lên, mẹ cô gọi cô ra tra hỏi. Khi biết tác giả của cái thai ấy là cha xứ, bà mẹ chỉ còn biết nắm tóc con mình xỉa xối,

-“Mày đúng là một con quỷ cái đã cám dỗ làm hư một thánh chức. Rồi đây hỏa ngục sẽ có chỗ cho mày đòi đòi kiếp kiếp.”

Mười ngày nữa trôi qua, sau khi mẹ Hạc bàn bạc với cha cô, bà đưa cô lên Bảo Lộc. Một tháng sau, gia đình cô dọn nhà về giáo xứ Nam Hòa, Tân Bình. Căn nhà mới xây được hai năm treo bảng bán. Ông Long Đình có biết hậu quả hành động dâm loạn của ông không, khó mà biết được khi sáng chiều nào, ông vẫn đứng đực xính trong bộ áo lễ bước vào cung thánh trước bàn thờ của Chúa cùng vài đứa lễ sinh giúp lễ.

Hạc vẫn còn nhớ chuyến xe từ Sài-gòn lên Bảo Lộc ngày hôm đó: chuyến xe chạy trong mưa gió vì khi qua Thủ Đức, trời mưa như trút. Và cảm xúc của cô ngày ấy còn mới nguyên như mới hôm qua. Trong chuyến xe ấy, ngồi cùng băng ghế với mẹ cô sát cửa kính bên thành xe, cô buồn rầu im lặng. Nổi đầu khổ chảy giàn giụa như dòng nước nhạt nhòe trên mặt ô cửa kính bên ngoài. Thái độ của mẹ cô rõ ràng là ghẻ lạnh và khinh miệt. Những lời sỉ nhục của mẹ cô theo hơi lạnh trong lòng xe thấm đẫm thân xác cô: chưa bao giờ cô cảm thấy lạnh lẽo, lẻ loi và cô quạnh như lúc ấy. Cô tưởng mình là một tội đồ phạm thánh.

Chiếc xe ca đến thị xã lúc năm giờ chiều nhưng thành phố đã lên đèn, vì mây mù còn giăng kín bầu trời. Xuống xe ở bến xe Bảo Lộc, mẹ Hạc và cô đón xe lam về nhà dì Xuyên, em gái của mẹ Hạc, cách thị xã năm cây số, có ba hecta đất đồi trồng trà. Mẹ Hạc còn một người chị gái lấy chồng ở Đức Trọng, Bác Hạnh, bà này có hai con gái trạc tuổi Hạc là Loan và Phương.

Tại nhà dì Xuyên, sau khi cơm nước xong, Mẹ Hạc và bà Xuyên bàn bạc việc bố trí Hạc vào làm công nhân hái trà, phân loại rồi phơi sấy cho cửa hàng trà của dì Xuyên. Hai chị em cũng thống nhất một lời giải thích về sự có mặt của Hạc nơi này: chồng Hạc có vợ bé, đã cùng ả xuống miền Tây để xây tổ uyên ương. Rơi vào cảnh bơ vơ bị phản bội và hắt hủi, Hạc phải lên Bảo Lộc để hái trà kiếm sống và để dành ít tiền, chờ ngày sinh đẻ. Hạc phải nhớ mình đang sống kịch bản đó, khi có người lạ dò hỏi gia cảnh của cô.

Sáng hôm sau, Dì Xuyên sai con gái dì tên Cấn nhỏ hơn Hạc vài tuổi lấy xe máy chở mẹ Hạc ra bến xe về lại Sài-gòn. Khi trở lại nhà, Cấn dẫn Hạc ra vườn trà giao cho một chị công nhân đứng tuổi tên chị Suát người gốc Long Khánh. Chị này sẽ hướng dẫn công việc cho Hạc. Mỗi tối Hạc sẽ ở chung với chị Suát trong một căn chòi ở hướng tây trên dải đất giữa hai ngọn đồi, bên cạnh một dòng suối nhỏ. Mỗi tối đầu tiên cô nằm một bên giường trần trọc không ngủ được, lại còn gặp ác mộng. Cô thấy khuôn mặt của Long Đình lúc hành dâm, mái tóc đen rối bù đổi thành màu

vàng, dài ra rồi cả khuôn mặt của ông biến thành một đầu sư tử với ranh nanh nhọn sắc, dính đầy máu tươi, một vài giọt máu rơi xuống mặt cô. Cô vừa hét lên, vừa khóc. Chị Suất nằm bên giặt mình thức dậy hỏi,

-“Có gì vậy; em có sao không?”

-“Không có gì... em nằm thấy ác mộng...”

Chị Suất ngồi dậy trong ánh sáng tù mù của cái đèn dầu nhỏ, nói những lời an ủi,

-“Em buồn chồng em chứ gì? Đàn ông thế đấy, họ dễ bị mấy con quỷ-cái dùng lời ngọt ngào cám dỗ. Nhưng em cứ tin chị đi, rồi sẽ có lúc họ sẽ hối cải quay về...”

Một lúc sau thấy Hạc đã bình tĩnh, chị Suất nằm lại chỗ cũ. Được một lúc thì trời sáng. Lúc ra đòi hái chè, chị Suất nhìn thẳng vào mặt Hạc; cái nhìn này làm chị tê tái, xót xa. Khuôn mặt của Hạc như luôn phảng phất sau một lớp sương buồn. Từ lúc rời Sài-gòn, một nỗi buồn dai dẳng bám chặt vào cô. Nó đậu lại trong đôi mắt Hạc rung rung, trong đôi môi hơi mím, trong tiếng thở dài thình lạng. Sau phút tê tái của mối đồng cảm lạ lùng, chị Suất gượng cười hỏi,

-“Em thấy ổn chưa?”

-“Không sao đâu chị?”

-“Ừ không sao, nhưng chị nghĩ chúng ta phải cậy dựa vào Chúa-Mẹ. Kể từ tối nay, trước khi đi ngủ, chị em mình sẽ cùng lần một chuỗi Mân Côi. Em đồng ý không?”

-“Dĩ nhiên là em đồng ý.” Hạc đáp lại không chút đắn đo.

Phải nói rằng chị Suất có lòng đạo rất đơn sơ của kẻ nghèo khó, ít học thậm chí người đời gọi là ngốc nghếch. Chị có lòng đầy tín thác vào Chúa-Mẹ, chị luôn sống yêu thương và quảng đại dù xung quanh chị không thiếu những gương mù, nghĩa là những người tuy mang danh tín hữu, nhưng thay vì làm sáng danh Chúa họ lại thường làm ố danh Chúa. Thấy những cảnh chướng mắt của đồng đạo, chị quay mặt qua chỗ khác tự nhủ, “Đùng quá phần nộ; mình theo Đạo chứ đâu theo người có đạo.” Một tối sau khi đọc xong chục kinh Mân Côi và các kinh nguyện khác, Hạc hỏi chị Suất,

-“Có lần chị nói ‘hối cải’ nhưng liệu người ta có dễ dàng hối cải không chị?”

-“Dĩ nhiên hối cải không dễ, nhất là với những người kiêu ngạo. Để hối cải người ta phải nhận biết mình là tro bụi, một vật phạm hèn. Như thế phải có ơn Chúa, cách này hay cách khác.”

Sau đó như để minh họa cho điều chị vừa nói, chị kể lại câu chuyện chồng chị: Anh Sánh, chồng chị Suất là một người nghiện rượu, đi phụ hồ được bao nhiêu tiền, anh đều lấy ra uống rượu, chỉ sau khi say khướt về nhà, chị Suất mới lấy được ít tiền lẻ trong túi áo lao động của anh. Nghiêm trọng nhất là anh gần như bỏ đạo. Không hẳn anh đã mất đức tin dù hay bỏ việc đi lễ, nhưng như

người ta hay nói: lòng đạo của anh ‘khô như ngói’. Đầu năm ngoái, sau khi đi dự đám tang một bạn đồng nghiệp hay đàn đúm nhậu nhoẹt với anh, anh đồng nghiệp ấy bị bệnh tim mạch đã đột quy rồi tử vong, anh Sánh về nhà khuôn mặt nặng nề trầm tư, sợ hãi. Sau đó vài ngày, anh Sánh nói với chị,

-“Em ơi anh sẽ bỏ rượu, sẽ giữ đạo đảng hoàng và bắt đầu từ mùa chay này, anh sẽ sám hối để trở thành con người mới, chí ít là người chồng người cha tốt trong gia đình.” Nghe vậy chị vẫn hồ nghi nên nói,

-“Chắc hẳn anh thấy bạn mình chết đột quy để lại vợ con nheo nhóc nên mới sợ phải không. Đúng là có biết kính sợ Thiên Chúa mới bắt đầu có sự khôn ngoan.”

-“Phải, trước đây anh sống bạt mạng và đại dột, làm em đau khổ quá nhiều. Bây giờ anh muốn mình thay đổi,” anh Sánh nói.

-“Ừ cứ biết vậy đã, còn để xem bản thân anh có thay đổi như lời anh nói không,” chị Suát nói trong lúc anh Sánh gật đầu. Rồi quay lại cười với Hạc, chị kể tiếp,

-“Ôn Chúa thương, từ mùa chay ấy, chồng chị đã hoán cải để thành người chồng và người cha tốt nên chị mới giao nhà và hai con ở Long Khánh để lên đây hái trà cho bà Xuyên,” ngừng một lúc chị nói tiếp, “Hạc à, em cũng đừng mất lòng cây trồng, hãy cầu nguyện nhiều để một ngày kia chồng em tỉnh ngộ, ghê tởm nhục dục bất chính mà quay về cùng em chăm lo cho đứa con em sắp sinh.”

Hạc chỉ biết cúi đầu vâng dạ, cảm ơn, trong lòng cô không khỏi thán phục đức tin đơn sơ nhưng chắc chắn của chị Suát, tuy rằng chị là người ít học nếu không nói là dốt nát. Chính thời gian làm việc chung với chị Suát, đức tin của cô trở nên vững vàng, đức mến của cô thêm mạnh mẽ, đức cậy của cô trở thành kiên vững trước một tương lai mịt mù còn đang chờ cô trước mắt ở tận chân trời.

Khi cả hai lên giường, nằm chờ giấc ngủ, Hạc trần trọc suy nghĩ trong lòng: “Liệu Long Đình có ăn năn hối cải chuyện tà dâm với mình không vì như chị Suát đã nói để hối cải người ta phải thật sự khiêm nhường, nhận mình là tro bụi, một vật phàm hèn? Đàng này ông ấy là một người được giáo dân lớn nhỏ gọi bằng cha như một ông quan là cha-mẹ của dân mà quan coi là cỏ rác, trong khi dân xưng mình là thảo-dân mà ‘thảo’ chẳng phải là cỏ sao? Lại nữa, ông ấy còn học rộng biết nhiều, ít nhất là hai năm triết học thêm ba năm thần học. Rồi còn chức thánh để lại dấu ấn đời đời mặc dù có khi là vô dụng như khi vào đến Thiên đàng, nơi chỉ có một mình Đức Giêsu Kitô là tư tế trước mặt Chúa Cha. Thế nên bảo ông Lê Long Đình nhận mình là tro bụi quả là vô cùng khó khăn, như lạc đà chui qua lỗ kim. Và trong một phút run rẩy và sợ hãi, Hạc kêu lên trong lòng: “Chúa ơi, xin Chúa ban cho chúng con lòng hối cải để nhận được ơn Chúa thứ tha, hỏi phục chúng con từ sự hư nát ...” Một lúc sau, cô lặng lẽ đi vào giấc ngủ.

NỖI BUỒN KHÔNG TÊN

Trước ngày Hạc sinh con hai tuần, cô Cấn, em họ con dì Xuyên ra lều ngủ chung với Hạc; chị Suất ra ngoài phố tá túc nơi một chị công nhân khác. Cô Cấn đưa em họ đi sanh trong bệnh viện Bảo Lộc, sau đó đưa Hạc về chồi tiếp tục săn sóc hậu sản cho em họ. Được ba tháng khi thằng bé có thể hoàn toàn bú sữa ngoài thay cho sữa mẹ, dì Xuyên nhắn mẹ Hạc lên đón Hạc về Sài-gòn. Một mình Hạc thôi, vì cô phải được coi như gái chưa chồng để còn có thể bắt đầu một cuộc sống khác. Vả lại với tấm bằng sư phạm tiểu học của Hạc, cha cô đã tìm được cho cô một chỗ dạy học trong một trường tư thục. Trước mắt cô Cấn sẽ tiếp tục chăm lo cho thằng bé và đưa nó lên nhà trên như một đứa con nuôi của cô Cấn. Cái chồi sẽ giao lại cho chị Suất sau hơn bốn tháng chị ra ở bên ngoài.

Hạc không muốn rời xa thằng bé. Cô không khóc lớn nhưng nước mắt cứ trào ra. Sau cùng Cấn phải giằng lấy thằng bé từ tay Hạc để Hạc theo mẹ cô về lại Sài-gòn. Ôi! cảnh chia ly sao mà bi thương thế. Đứa con mà cô rút ruột đẻ ra không còn thuộc về cô nữa. Dĩ nhiên trên xa đò, mẹ Hạc an ủi, “Con cứ yên tâm, chị Cấn con chăm sóc cho nó thì còn gì bằng. Khi nào con ổn định việc dạy học rồi, mẹ con mình sẽ lên thăm cháu lúc đó sẽ tính tiếp. Ba con đã hứa với hiệu trưởng trường Nhật Tân cho con đi dạy rồi, không thể thất hứa...” Dù được an ủi như thế, Hạc cứ thôn thức trên suốt đường về.

Một năm sau Hạc được biết dì Xuyên đã cho thằng bé cho một cặp vợ chồng trẻ vô sinh, và theo yêu cầu của họ, Hạc không bao giờ được biết tên họ và chỗ ở của cặp vợ chồng đó. Chỉ biết họ là hai người công giáo hiền lành và ngoan đạo. Cô lại khóc nhưng trước đó một tháng, một thầy giáo cấp ba họ Đỗ trong quận Tân Bình đã ngỏ lời cưới Hạc. Sau đó mấy năm Hạc có với người chồng họ Đỗ hai con gái là Đỗ Thúy Hằng và Đỗ Thúy Trân. Trong thời gian này, vợ chồng chị Phụng con bác Hạnh từ Đức Trọng về Sài-gòn sinh sống tại giáo xứ Tân Phú. Chồng chị Phụng tên Hoàng Mạnh Thi về Sài-gòn làm việc tại nhà máy rượu Bình Đông, phụ trách khâu nguyên liệu thu mua mía từ các địa phương.

Chỉ khi người cháu bên chồng, con trai của em ruột ông Thi là ông Hoàng Trọng Văn về nhà Bác Phụng để chờ thi tuyển vào Đại Chung Viện, và qua bà Phụng, bà Hạc mới biết cậu ta là con

traí của mình dưới cái tên là Hoàng Long Đạt. Và trong lần gặp linh mục Đạt về chơi mới đây tại nhà bà Phượng, Hạc nhờ bà Phượng nói giúp để Long Đạt chủ tế thánh lễ hôn phối của Thúy Hằng: anh trai làm phép cưới cho em gái mà không hay biết bí mật đó.

Than ôi, giữa chuyến xe lên Bảo Lộc trong mưa hơn hai mươi năm về trước với chuyến xe từ Long Hải về Sài Gòn hôm ấy cũng trong cơn mưa lớn là một thời gian dài của một phần tư thế kỷ với bao nước mắt tưới tẩm chút ít nụ cười. Bất chợt bà Hạc nhớ lại những câu thơ trong Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều: *Tuồng ảo hóa đã bày ra đây/ Kiếp phù sinh trông thấy mà đau/ Trăm năm còn có gì đâu/ Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì.* Vâng một tuồng ảo hóa.

&

Về đến Sài Gòn, ngày tối hôm đó sau bữa ăn bà Hạc cho ông Đỗ chồng bà và con gái Thúy Trân biết chuyến đi biểu quà tạ ơn linh mục Đạt, có được kết quả ngoài sự mong đợi của bà, bà nói,

-“Cha Hoàng Long Đạt không chỉ nhận ra mẹ ngay, tiếp chuyện với mẹ đàng hoàng mà còn nhận mẹ làm mẹ nuôi nữa, như dì Phượng của con. Cha còn nói sẽ tìm dịp về thăm để biết rõ gia đình mình hơn” Bà nói và nhìn vào con gái, Thúy Trân quay mặt, bĩu môi. Lúc đó, người em họ con bà dì của ông Đỗ tên Lê Thống từ Long Xuyên lên chơi cũng góp chuyện

-“Rõ ràng là thấy người sang, bắt quàng làm họ. Có quan đạo làm con nuôi, thế cũng tốt.”

Thúy Trân mỉm cười câu nói của chú Thống trong lúc cha cô cau mặt. Điều này không làm cô ngạc nhiên vì cha cô rất trọng vọng các cha cụ, ông lại là một gia trưởng độc đoán, nhưng cô không khỏi ngạc nhiên vì chính mẹ cô thường hay dặn cô không được gần gũi, thân quen với cha xứ như vài cô bạn của cô trong giáo xứ. Khi hỏi mãi lý do của điều cấm đó, bà mới gượng gạo nói với Trân,

-“Mình là giáo dân phạm hèn, quen biết đi lại với người có chức thánh người ta nói mình là người cầu cạnh.”

Khi Trân đem câu nói ấy hỏi lại chú Thống, chú im lặng một lúc: ông nhớ lại những lời đàm tiếu về sự phạm điều răn thứ sáu của cha xứ Mác-cô Mật mà có lần ông nghe được. Sau cùng ông nói với cháu gái một câu chữ nho: “*Kính quý thần nhi viễn chi*” để khuyên cô nên kính mến các đáng như đại diện của Chúa, nhưng không nên đến gần quá và thân mật quá. Ông còn giải thích cho cháu gái câu ấy là của Khổng tử, “quý thần” là nói chung thần linh ở mọi trình độ, ở chỗ nóng nhất gần hỏa ngục cũng có, ở chỗ mát mẻ tiếp giáp với thiên đàng cũng có. Cô không hiểu rõ lắm những lời chú cô nói nhưng cô cũng buột miệng nói,

-“Cháu phục chú cái tài diễn giải dài dòng, chuyện nọ xọ chuyện kia. Thì ra chú ở quê mà tinh thần lại rất cấp tiến.”

-“Không cháu đừng nói thế làm chú tổn thọ. Chú là Hai-Lúa chính hiệu, có cầu chứng tại tòa.” Chú Thống nói làm cả nhà phải bật cười.

Nhân lúc bà Hạc đi lấy cà-phê và bình trà nóng cho chồng, Trân nói với bố,

-“Lạ quá, trước giờ mẹ rất dị ứng với các cha xứ, nhưng bây giờ mẹ lại nhận cha Đạt làm con nuôi. Con không hiểu nổi.”

-“Bố cũng không hiểu nổi, nhưng bố nghĩ chắc mẹ con có lý do riêng nào đó.”

Sau đó hai cha con im lặng rồi nói qua việc khác. Trân không hiểu nổi vì chính bản thân cô đã sống đúng lời dặn dò của mẹ cô: *Không gần gũi thân mật với các cha*. Cô dừng dừng khi bắt đầu đi phải gặp các đáng bậc có chức thánh. Thậm chí có lần cô còn nằm mộng thấy một đoàn linh mục chậm rãi bước đi trong đám rước hoành tráng tiến đến bàn thờ lộ thiên để dâng thánh lễ đồng tế. Trên đầu mỗi ông treo lơ lửng một thanh gươm bốc lửa, cô tự hỏi, “Những sợi dây treo ấy có chịu nổi ngọn lửa đó không?” Ngay lúc ấy, lưỡi gươm đầu tiên cháy đứt dây rơi xuống. Rồi một bóng người quy xuống cùng với tiếng gươm khô khan, lạnh lẽo chạm nền gạch, ngoài ra không có một âm thanh nào khác. Chính tiếng gươm rơi ấy làm cô thức dậy.

&

Sáng hôm trước, cô ra thư viện để học bài sinh học, giữa đường có tiếng gọi cô. Cô dừng lại nhìn quanh. Người gọi chính là Tho, đứng thập thò sau những rễ phụ của một cây si cổ thụ. Trân tự hỏi không biết có đến gặp Tho không? Trước đây cô yêu Tho, người bạn gái cùng xóm và cùng học một trường trung học; nhưng từ khi Tho bám theo ông Mác-cô Mật, cô đã cắt đứt quan hệ với Tho. Sự việc đó đã xảy ra gần một năm trước. Tuy nhiên Trân vẫn bước đến gốc cây si và hỏi,

-“Có gì không Tho?”

Không đáp lại ngay, Tho kéo Trân lùi hẳn sau gốc cây rồi nói,

-“Ông Mật nói ông yêu mình...”

-“Chỉ nói thôi sao? Hồi trước mình cũng đã nói yêu Tho rồi đó.”

-“Không, tôi qua ông đã làm sự ấy với mình.” Tho nói.

Nghe những lời ấy, Trân muốn tát Tho mấy tát tay thật mạnh và nói, “Kẻ bạc tình đáng bị nguyên rủa.” Nhưng Trân đã kềm chế vì họ đang ở giữa công viên có mấy người đang tập thể dục. Trân muốn khóc, cô thấy thương hại Tho quá. Sau cùng Trân nói,

-“Hỏi thật Tho điều này. Tho có yêu ông Mật ấy không?”

-“Tho cũng không biết nữa?” Tho rụt rè đáp lại.

-“Không biết nữa là sao khi chính mình bị cưỡng hiếp? Tho ơi, bỏ ngay sự ảo lả uơ hèn ấy đi kéo chết mà không kịp hồi đấy. Trân lúc nào cũng mong Tho quay lại với tình yêu chân thật của mình. Nhớ kỹ nghe Tho.” Nói rồi Trân ứa nước mắt bỏ đi. Một nỗi buồn bao la, theo dòng lệ tràn

ngập lòng cô. Và trong thư viện nỗi buồn rơi thành vài giọt trên trang sách không còn chữ nghĩa. Nỗi buồn đó không tên.

Dĩ nhiên Trân không thắc mắc tự hỏi tình yêu là gì. Với cô cảm xúc bản năng là chính, dù cách cô yêu Tho, một bạn đồng giới thật sự rất bất thường.

Phần bà Hạc đã thấy Trân từ lúc còn bé tuy là gái nhưng có nam tính mạnh mẽ và bà tự nhủ, “Phải chăng vì mình muốn có con trai sau đứa con gái đầu lòng – Thúy Hằng – nhưng không được, lại sinh thêm một con gái thứ hai nên nam tính của Thúy Trân là một sự bù đắp.” Thật vậy bà thấy Trân hành động mạnh bạo dứt khoát như con trai với ý chí chiếm hữu mạnh mẽ. Rồi khi học lớp tám, Trân xin mẹ đi học nhu đạo, một môn võ thuật của Nhật Bản. Khi xem phim ở rạp chiếu phim hoặc xem tivi tại nhà, cô chọn những phim hành động, cô rất ghét những phim tình cảm mà cô nói là “sến không chịu nổi”. Cô rất thích những phim mà vai nữ chính là các anh hùng, liệt nữ. Cô mê xem các chương trình tường thuật thể thao trên truyền hình, và để xem các buổi truyền hình trực tiếp túc cầu, có lúc cô phải thức suốt đêm.

Tất nhiên bà Hạc không hề biết tất cả kiểu cách nam tính ấy là biểu hiện trong lúc này hay lúc khác khuynh hướng đồng giới trong quan hệ giới tính của cô sau tuổi dậy thì. Bà chỉ biết một việc: trong trường trung học và cả khi Trân học ngành điều dưỡng tại trường Y, cô không có lấy một bạn trai nào, ngoài vài bạn gái thân thiết mà cô cho mình cái nhiệm vụ cao cả bênh vực và bảo vệ họ.

Từ khuynh hướng tâm lý ấy, cô ghét mọi đàn ông kể cả các nam tu sĩ và các ông sư. Trong vô thức của Trân luôn có một định kiến: đàn ông, phái mạnh, luôn là những người ức hiếp kẻ yếu và phái yếu. Trong quá trình tiến hóa theo quy luật chọn lọc tự nhiên trong lịch sử, họ dần dần trở thành những bạo chúa cai trị trên đám dân hiền lành và yếu đuối.

Với tâm thức ấy, nếu đôi khi cô ghét một vài linh mục thì sự đố kỵ này không liên quan đến chức thánh, mà chỉ vì họ là nam giới như trường hợp cha sở Mật không chỉ là nam giới mà còn là “tình địch” của cô. Thật ra cô rất quý mến các nữ tu đạo Chúa và các ni cô đạo Phật, có lần cô đã phát biểu với vài bạn gái, “Không biết các cậu nghĩ sao chứ tớ thấy có những nữ tu xứng đáng làm linh mục hoặc những ni cô xứng đáng làm hòa thượng hơn mấy ông có chức sắc rất nhiều...”

Vì thế Trân cho rằng việc bà Hạc, mẹ cô, nhận ông linh mục nào đó làm con nuôi hay con ghê gì đấy là một việc hết sức vớ vẩn, chẳng đáng quan tâm.

Khổ nỗi điều mà cô cho là vớ vẩn sẽ làm phiền cô không ít.

ĐỐI TÁC

Hai tháng sau chuyến đi Long Hải của bà Hạc, cùng lúc với việc Tho theo gia đình ra Quy Nhơn vì bố Tho làm hải quan nhận công tác mới ở hải cảng ngoài đó, Hoàng Long Đạt từ Long Hải về thăm bà Hạc dưỡng mẫu. Và lại ông Đạt vào Sài-gòn để tham gia khóa học về lãnh đạo của các mục tử nên đã xin mẹ nuôi về nhà bà nghỉ ngơi buổi tối suốt khóa học kéo dài một tuần đó. Lúc ấy là tháng thứ hai kỳ nghỉ hè của Thúy Trân. Sự có mặt của cha Đạt làm thay đổi một vài kế hoạch của gia đình bà Hạc. Họ phải dời lại việc về Đức Trọng kỳ nghỉ hè này, trong đó có chuyến đi chơi một tuần lên Đà Lạt.

Lúc Long Đạt đến nhà, Thúy Trân không có mặt trong phòng khách cũng không xuống chào dù được mẹ cô báo. Cô mặc y phục võ thuật và tập ném dao trong phòng riêng. Đó là những con dao i-nốc của quân đội Mỹ thường bày bán ở Khu Dân Sinh. Bia là một tấm ván rời treo tường, trên mặt có dán một khuôn mặt đàn ông, lấy từ một nhân vật trong phim hình sự. Khuôn mặt nam giới ấy ‘đáng’ bị nhận những mũi dao mà cô lấy hết sức phóng vào. Điều này làm cô thấy thích thú.

Đến bữa ăn đãi khách quý buổi chiều, cô mới đối diện với Long Đạt. Bữa ăn này bà Hạc chuẩn bị rất kỹ trong nhiều giờ, nhưng bà vẫn bối rối lo lắng, sợ không hợp khẩu vị của linh mục Long Đạt. Bà thở phào nhẹ nhõm khi ông này sau cùng đã khen thức ăn ngon và tài nấu nướng của bà. Trong lúc ăn, ngẫu nhiên Thúy Trân ngồi đối diện với Long Đạt, lúc đầu cô chọn ngồi cùng bên với khách, nhưng sau cùng Đạt với cha cô ngồi một bên, cô và mẹ cô ngồi một bên, ở giữa là bàn ăn thịnh soạn. Cô hoàn toàn không thích phải đối diện với ông Đạt, dù ông này khá đẹp trai, cao ráo và trắng trẻo, môi dày hồng nhạt, tóc đen bóng. Cô nhìn khuôn mặt ấy như một cái nền trên đó hiện rõ khuôn mặt của cha sở Mật mà cô coi như tình địch. Hơn thế nữa, có những lúc cô thấy ông Đạt nhìn cô đắm đuối. Sự thể này làm cô mắc nghẹn ba lần. Đến lần thứ ba cô đứng dậy nói đã no bụng và ra khỏi bàn ăn. Trong lúc chỉ còn lại ba người dùng bữa, ông Đạt đề nghị bố mẹ nuôi cho Trân làm người hướng dẫn ông đi thăm vài người bạn đồng tu ở đại chủng viện và tham quan vài công trình mới xây dựng ở Sài-gòn thời gian gần đây. Ông giáo Đỗ im lặng không nói vì sợ tính khí thất thường của Trân ít nhiều sẽ làm cha Long Đạt bị tổn thương. Sau cùng bà Hạc lên tiếng,

-“Thúy Trân là em gái của cha mà. Đâu có gì phiền toái cả. Và lại Trân đang nghỉ hè không bận rộn gì cả, nó phải nghỉ một buổi học nhu đạo mà nó tham gia như một phương pháp tập thể dục từ năm ngoái.”

-“Vâng, con cảm ơn ‘mẹ’”.

Tiếng ‘mẹ’ này làm bà Hạc nghẹn ngào. Bà vội bước ra ngoài đè nén tiếng khóc: bao năm nay, bà chờ đợi tiếng gọi thân thương, âu yếm ấy. Bà đâu biết rằng với vị trí ‘con nuôi’ của Long Đạt, những biến cố nào sẽ đến với gia đình bà, trong khi ngày qua ngày, mặt trời vẫn mọc.

&

Trong hai tối đi dạo với Long Đạt, chỉ hai lần Trân và Đạt ghé nhà hai bạn đồng tu mà Đạt nói là cùng một linh tông, nhưng không quá bốn lăm phút, sau đó Đạt kéo Trân vào một quán sân vườn nào đó để trò chuyện. Họ nói với nhau chuyện gì trong ba tối đó. Đại khái cấu trúc câu chuyện theo một bài bản mà Long Đạt đã quen dùng. Đạt nói,

-“Anh nói với Trân điều này không có gì là quá đáng: so với chị Thúy Hằng, Trân đẹp và sắc nét hơn nhiều. Anh rất ấn tượng về đẹp này của Trân, nhất là tối nay em mặc quần jeans áo thun, trông em càng hấp dẫn.”

-“Anh thấy em hấp dẫn?”

-“Phải, dù anh là linh mục nhưng anh cũng là con người, lại còn là một người hiếu mỹ. Anh cũng biết rung động với cái đẹp chứ. Và lại chẳng phải cái đẹp cũng là một quà tặng của Thiên Chúa sao?”

-“Vấn đề là anh có thái độ gì trước cái đẹp?”

-“Dĩ nhiên anh phải trân trọng vì đó là quà tặng của Thiên Chúa.” Đạt nói sau một lúc ngập ngừng, khoảng thời gian đủ để anh nhớ lại bài học tu đức. Trong lúc Trân nghĩ bụng vì còn cay cú việc Mác-cô Mật đã cướp Tho của cô, “Ông ngập ngừng vì câu ông nói còn thiếu, câu nói đủ hẳn phải là: *‘tôi trân trọng, nhưng sau đó tôi sẽ chiếm đoạt... đúng hơn cưỡng chiếm.’*” Trân mỉm cười với ý nghĩ ấy rồi nói tiếp,

-“Anh học thuật lãnh đạo của mục tử phải chẳng để cai trị tốt đàn giáo dân như một bầy cừu ngoan ngoãn?”

-“Làm gì có ‘bầy-đàn’ rồi còn ‘cai-trị’, nghe ghê quá,” Long Đạt phản đối và nói tiếp, “Điều bọn anh học chủ yếu là nghệ thuật phục vụ giáo dân một cách tốt nhất để họ ngày càng xứng danh dân được chọn.”

-“Chẳng phải mọi người đều được Chúa chọn hay sao?” Thúy Trân hỏi lại.

-“Về một khía cạnh nào đó mọi người đều được chọn, nhưng một cách chính thức thì chỉ những người chịu phép rửa mà thôi.” Long Đạt đáp lại rồi hỏi về hoài bão của Trân sau này, cô nói,

-“Em thích sau này khi ra trường, em được về tỉnh lẻ hành nghề bác sĩ, nếu bệnh viện gần biển càng tốt, khi rỗi việc em sẽ đi bơi hoặc đọc các hồi ký chiến tranh, các tiểu thuyết về các anh hùng hoặc truyện hình sự...”

-“Còn các sách đạo nghĩa thì sao?”

-“Em không tiêu hóa nổi các sách hộ giáo và thần học. Em tưởng mình đang bị bội thực.”

-“Sao lại thế, em nói các lương thực tinh thần thiêng liêng ấy làm em bội thực...”

-“Xin lỗi anh, em dùng cách nói ví đó thôi. Nhà thần học là người truy tìm kiến thức cho đức tin cũng là người dạy sự đạo giống như một đầu bếp. Nguyên liệu thì tuyệt hảo vì là những chân lý đức tin, nhưng qua tay họ lại trở thành một món ăn làm em rất ngán.”

-“Vậy anh đề nghị em sẽ tìm đọc ít sách nhập môn triết học Tây phương được không?”

-“Cái này thì được, em thích nhất triết học hiện sinh vì nó thực tế.”

Long Đạt ậm ừ không hỏi nữa vì trong phát biểu của Trân về cách làm thần học có nhiều cái đúng. Lúc đó chỉ còn một công viên và một khu phố nữa là đến nhà. Qua gốc cây si, họ nghe tiếng rên rĩ của một cặp tình nhân đang sau mấy cái rễ phụ và phần thân dưới của họ chìm trong bóng tối. Đạt và Trân biết đôi ấy đang hành dâm. Cả hai lặng lẽ đi qua dưới ánh đèn vàng vọt.

Tối sau cùng trong quán, Đạt và Trân ngồi nói chuyện trước hai ly bia, có một lúc anh nắm lấy bàn tay Trân, ve vuốt, nói lời âu yếm. Dù không thích, Trân để mặc cho “anh ta” suông sã. Nào là “Anh sẽ nhớ Trân nhiều...”, nào là “Trân đã làm cho anh có ấn tượng khó quên ngay khi mới gặp mặt...”, “Anh sẽ không bao giờ quên những kỷ niệm hôm nay v.v...”. Trân vẫn mặt lạnh như tiền, không mảy may xúc động và đối tác khó nhận ra sự lạnh lùng ấy vì ánh đèn mờ nhạt của quán cà phê. Bởi lẽ cô không bao giờ coi là nghiêm túc những lời mời chào, lời lá của đàn ông. Một trò đùa vớ vẩn.

Nhưng trước khi ra về cô hỏi Đạt một câu nghiêm túc,

-“Em xin lỗi hỏi anh liệu anh sẽ giữ nguyên vẹn đức khiết tịnh cho đến hết đời không?”

Đạt hơi giật mình buông bàn tay mềm mại của Trân ra. Anh hơi bối rối vì anh đã sớm đánh mất nó ít lâu sau ngày về làm phó xứ Phúc Châu. Sau cùng anh nói,

-“Thành thật mà nói anh không chắc anh giữ được.” Long Đạt nói chậm rãi, không chút kiêu cách.

-“Vậy thì nguy hiểm quá. Ai sẽ chịu trách nhiệm khi một cô gái nào đó vì sự phạm giới của anh mà trở thành một bà mẹ đơn thân, nghĩa là không chồng mà phải có con, rồi phải nhận lãnh bao điều tủi nhục, bởi vì em biết chắc anh sẽ không bao giờ bỏ chức thánh mà cưới cô ấy, phải vậy không? Chắc hẳn anh sẽ không bỏ địa vị cao sang, nửa người nửa thần linh để gieo mình vào cõi phàm ô trọc này và sống cùng cô ấy.”

-“Nghĩa muội của tôi tinh ranh quá,” Long Đạt kêu lên, “Đây này em hãy nghe kể lại câu nói của một vài tay Sở Khanh mặc áo nhà tu. Sở Khanh áo y vàng thì phải tay và nói: ‘cô ấy phải chịu nghiệp báo của sự tà dâm không bởi kiếp này cũng bởi kiếp trước.’ Sở Khanh áo chùng thâm thì lấy nước rửa tay như Philatô và nói: ‘sự cố này Giáo Hội cơ cấu phải chịu trách nhiệm vì đưa ra một luật đi ngược lại luật tự nhiên nên sẽ có nhiều người không làm nôi.’”

-“Nghĩa là đảng nào cô gái được ‘quan lớn’ hạ cố ấy cũng bị bỏ rơi và đau khổ.”

Nói xong Trân thở dài suy nghĩ trong lòng: “Giáo Hội cơ cấu có nên hoạn thiển các thừa tác như các hoạn quan ngày xưa không, như thế sẽ không có người phạm luật mà hầu như không bị hình phạt nào cả nếu khéo biết che giấu.” Rồi cô nghĩ tiếp, “Dù sao nghĩa huynh của mình của là người thành thật và hiểu chuyện.”

Khi đi qua công viên, Đạt kéo Trân vào chỗ cây si, nơi này là chỗ mà cô từng hò hẹn với cô Tho; ánh mắt đăm đúi, Đạt ôm chặt cô định hôn: những lý lẽ thẳng thừng của Trân chẳng đáng nhận được một cái hôn sao; và cái hôn của ông là một lời cáo lỗi vụng về. Nhưng Trân đẩy nhẹ ra và nói,

-“Anh không được phép làm như vậy đâu...”

-“Vậy bây giờ anh xin phép được hôn em...”

-“Vớ tư cách gì: linh mục, nghĩa huynh hay một người đàn ông.”

Đạt hơi chột dạ, nhưng không hề gì, trong một hốc cây một con rắn cạp nong thụt thò cái lưỡi chẻ đôi nhấc tuồng cho Đạt, anh nói,

-“Không phải với những tư cách ấy mà như một người đối-tác-cầu-thân.”

-“Vậy thì được: cho phép đây.”

Vâng trước đây lần đầu tiên Trân đã hôn môi Tho như một người tình đối tác. Bây giờ cô buông mình cho môi Đạt bám chặt và ném hương môi cô. Sau một vài giây bất chợt Tho đã lỏng lẻo hiện về thế nên Trân đã chủ động giữ chặt anh lại, kéo dài nụ hôn khi Đạt muốn buông cô ra và lùi lại. Lúc này Đạt đã thành một hóa thân của Tho. Sau gần năm phút Trân mới buông Đạt với khuôn mặt ảo hóa của Tho ra. Sau đó họ im lặng, sóng bước về nhà; về đến nhà vẫn luôn im lặng, cô vào phòng tắm đánh răng, thay áo ngủ, rồi về phòng ngủ mở cuốn album xem lại các bức ảnh chụp cô và Tho lần đi thảo cầm viên năm ngoái. Nỗi nhớ nhưng Tho như triều dâng: có một lúc cô đã khóc.

Dĩ nhiên bà Hạc không hay biết sự cố bất thường ấy giữa Long Đạt và Thúy Trân. Bà không nhìn thấy sức cuốn hút của Thúy Trân không chỉ do nhan sắc của cô với đôi mắt đen nhưng, mũi thanh tú và môi sắc cạnh được nhân-trung sâu tạo nên một điểm nhấn khả ái, lại còn chiếc răng hơi khênh núp sau một góc môi; nhưng sức cuốn hút ấy còn do sự thờ ơ khinh thị của cô đối với nam giới cùng lứa tuổi. Và lại việc bà giấu kín Đạt là con trai bà đã làm bà có lúc tưởng Long Đạt là một người khách lạ, không phải là anh cùng mẹ với Trân. Phần Trân cô coi bọn con trai tầm thường và nhàm chán quá nhưng chính điều này kích thích lòng chinh phục và hiếu thắng của họ. Trong lớp học nhu đạo cô là đối thủ đáng gờm của các bạn nam. Nếu khi giao đấu họ nương tay với cô thì cô muốn nhẫn tâm với họ.

Một tuần trước khi cả nhà đi về thăm thân quyến ở Đức Trọng, Trân nhận được thư của Long Đạt, dưới một cái tên mà anh nói là bút hiệu. Trong thư anh bày tỏ những nỗi nhớ nhưng và niềm

hy vọng sớm được gặp lại. Dù tình cảm bộc lộ kín đáo mơ hồ nhưng ngôn ngữ của bức thư là thứ ngôn ngữ viết cho người mình đang si mê. Trân đã viết thư hồi âm cho Long Đạt, trong thư trước hết cô xin lỗi Đạt nếu trong những ngày bên nhau cô có lời nói bất kính, số sàng với anh, một người có chức thánh. Phần giữa bức thư, cô nói những lời anh khen ngợi cô là quá đáng vì nhan sắc cô chỉ được xếp hạng trung bình, hơn nữa tính cách cô không những không dịu dàng hiền thực có khi còn nhẫn tâm. Tự chê bai mình như thế, cô còn muốn tâm sự rằng cô có xu hướng đồng giới, thường ghê tởm và sợ hãi đàn ông mà cô không biết lý do của cảm xúc ấy. Sau một hồi cắn bút cô bỏ không nói ra cái bí ẩn ấy. Cuối thư cô viết:

*“Em mong rằng những ngày anh ở nhà em sẽ trở thành một kỷ niệm đẹp của chúng ta và em không mong có thêm những kỷ niệm khác. Em sẽ không bao giờ nhận thư và viết thư cho anh nữa. Xin anh đừng gửi thư và đừng tìm gặp riêng em nữa. Lý do đơn giản là nếu cần, em sẽ có người yêu thuộc một **giới** hoàn toàn khác anh: trần tục, đời thường, không siêu thoát và không bí tích. Với lời chúc anh thánh đức, trọn vẹn đường tu, em xin nói lời vĩnh biệt.”*

Thư đã gửi đi và cô không còn nhận thêm thư nào khác của Long Đạt, điều này không có nghĩa là ông ấy đã quên ngay nụ hôn mà Trân đã trao cho ông. Phải mất thời gian dài cảm xúc ngọt ngào ấy mới nguôi ngoai đôi chút. Hình như ông vẫn luôn dịu dàng gọi nó bằng tên gọi tình yêu.

BẠN HỌC CÙNG TRƯỜNG

Sau chuyến đi về thăm thân quyến ở Đức Trọng, rồi đi nghỉ mát ở Đà Lạt, gia đình bà Hạc về lại Sài-gòn. Thúy Trân cũng chuẩn bị vào năm thứ ba của trường y khoa điều dưỡng. Cô mau chóng quên đi những kỷ niệm với Long Đạt, chuyện chẳng đáng gì, trong khi những kỷ niệm với Tho đôi lúc lại lờ mờ quay về làm cô trăn trở. Vâng, sự ra đi của Tho đến một phương trời xa xôi miền duyên hải Trung bộ để lại trong lòng Trân một khoảng trống bao la sầu muộn. Điều gì và ai sẽ lấp đầy khoảng trống đó?

Buổi học đầu tiên Trân gặp lại những bạn học cũ và quen biết vài bạn học mới. Trong số các bạn cũ có Nghiêm Thực với đôi mắt bồ câu, mái tóc dài thả trên vai làm nổi bật nữ tính dịu dàng. Kỳ nghỉ hè ở Cần Thơ, quê Thực, nơi chú cô có một nhà máy xay xát gạo, đã làm cho cô thêm rạn rờ. Thực vui tính ăn mặc như các nữ học sinh trường Tây: áo kiêu, váy bó hoặc váy xòe tron hoặc xếp li. Với cung cách sang trọng quý phái ấy Thực có vẻ kén bạn. Trân và Thực ít khi trò chuyện hoặc đi chơi chung.

Một hôm giữa giờ giải lao, trong hành lang trước các lớp học các sinh viên trên lầu đứng nhìn xuống sân trường mà mặt trời buổi sáng chiếu lung linh qua các cành lá. Trân cũng đứng gần đấy nhìn một vài chiếc lá lìa cành rơi nhẹ nhàng xuống đất qua những cột ánh nắng nghiêng nghiêng làm nổi rõ những phần hoa boi trong gió. Bất chợt Trân thấy Thực từ toa-lét đi ra đứng cách cô hai mét, dây kéo đai váy bên hông còn mở chưa đóng để lộ khoảng vạt áo kiêu bằng lụa màu vàng giữa hai mép vải váy dài hơn một tấc màu xanh rêu. Rõ ràng Thực chỉ mới cài móc mà

chưa kéo kín dây kéo. Trân tay vuốt theo cạnh trên của lan-can đến gần Thục, cô hít đầy phổi không khí thơm đằm mùi thơm nước hoa Pháp của bạn và nói nhỏ,

-“Bỏ quên cài dây kéo ở lưng váy kìa.”

Thục nhìn xuống, đỏ mặt cài vội dây kéo rồi nói,

-“Cám ơn Trân đã nhắc,” rồi như chữa thẹn Thục nói tiếp, “May mà có bạn nhìn thấy.”

Trân thích thú vì mùi nước hoa lại thích thú vì sự thẹn thùng không đáng có của Thục trong khi cô này nói tiếp,

-“Hình như Trân chỉ mặc áo dài hoặc quần tây, không bao giờ mặc váy.”

-“Ừ, nhưng mặc váy đẹp chứ, nhất là dáng người như Thục có hông tròn, eo nhỏ...”

-“Cám ơn Trân đã khen.” Thục nói.

-“Phần Trân từ nhỏ đến lớn đều mặc áo dài. Ngày Chúa nhật, cha sở bắt giáo xứ phải mặc đồng phục: các bà phải mặc áo dài màu thiên thanh như Đức Mẹ; các ông phải mặc áo sơ mi trắng, quần xanh đen ủi thẳng ly. Lâu ngày thành một thói quen máy móc...”

-“Thế hả, ngộ quá chừng.” Thục tròn xoe đôi mắt bỏ câu rèm mi dài ngạc nhiên nói.

-“Thế đấy, có lần mình có việc phải đi ngay sau thánh lễ, mình đã mặc quần tây áo trắng vào nhà thờ đứng vào gian bên mặt giữa hai ông lớn tuổi để dự lễ mà không ai phát hiện, vì mình luôn cắt tóc tём.”

-“Trân nghịch thật, xem ra bạn nam tính hơn cả nam giới... Mà này cả giáo xứ đồng phục để xem thánh lễ như vậy thì tự do mà Chúa muốn ban cho mọi con chiên nằm ở chỗ nào?” Thục nhận xét.

-“Chúa ban mà Giáo Hội không cho thì biết làm sao được.” Trân đáp đúng lúc tiếng chuông reo báo hiệu giờ giải lao chấm dứt. Từ ngày đó, Trân và Thục trở thành đôi bạn thân thiết.

&

Quả thật sự thân thiết làm phát sinh trong lòng Trân một nỗi đam mê, một tình yêu trái khoáy. Cô nhớ nhung Nghiêm Thục da diết những lúc xa nhau, những lúc gần nhau cô hạnh phúc bơi trong mùi nước hoa, trong những đường nét, màu sắc và cử chỉ của thân thể Thục, dù vẫn biết rằng có một nam sinh viên chuyên khoa tim mạch đang theo đuổi tán tỉnh cô này. Mỗi tình mới đã mau chóng làm nguôi ngoai nỗi nhớ Tho giờ đã xa xôi biệt nơi góc biển chân trời. Một lần trong thư viện, Trân nắm tay Thục dẫn đến cuối lối đi nhỏ giữa hai hàng kệ sách, khuất sau một kệ gỗ hai mặt và tỏ lộ một lời tình ái,

-“Thực ơi, hôm nay Trân phải nói với bạn một lời mà mình đã giấu kín rất lâu: Trân yêu Thực nhiều lắm, yêu Thực đắm say...” vừa nói Trân vừa nắm chặt hai cổ tay của Thực. Cô này lặng thinh, hệt hẳng không phải vì sự cố mà cô đã đoán trước xảy ra bất ngờ, nhưng vì sự nghiêm trang đầy xúc động trong những lời Trân nói. Trong lúc Trân nói tiếp,

-“Thực có để mình yêu bạn không?” Đáp lại câu hỏi này, Thực khẽ gật đầu bởi thời gian qua cô thấy tính cách của Trân rất hợp với cô: một bạn tri âm và đồng điệu. Liên sau sự đồng thuận ấy, Trân đã ôm chặt Thực vào lòng và đặt vào đôi môi Thực một nụ hôn nồng nàn kéo dài cho đến khi có tiếng chân người bước vào đầu kia lối đi nhỏ để tìm sách. Nụ hôn ấy đã làm cho không chỉ đôi môi Thực mà cả người cô run nhẹ như một dây đàn ở một nốt cuối. Chiều hôm đó, họ hẹn nhau cùng đi bơi ở hồ tắm Lido. Họ nhìn ngắm thân thể xinh đẹp của nhau: những đôi eo cao, gò nổi của thịt da lúc cùng bơi trong nước, hoặc ngồi trên bờ hồ với nỗi niềm hân hoan, khó tả. Họ hôn nhau hai lần trong phòng thay áo tắm. Nụ hôn của Trân không chỉ dừng lại ở môi mọng của Thực mà còn chạy dọc theo chiếc cổ dài xuống lớp da lụa mềm mại, mượt mà của vai và vùng ngực của người tình. Dù vậy, tối hôm đó Thực không quên cái hẹn đi xem phim với Dã Chiến, một anh chàng của khoa tim mạch với sự hăng hái không còn như trước nữa.

Dã Chiến đã theo đuổi ve vãn Thực từ lâu, nhưng xem ra anh không thật sự nghiêm túc trong mối quan hệ này. Là con một thương gia giàu có, mục tiêu mà cha anh đã định sẵn là con gái của một thương gia giàu có khác để qua cuộc hôn nhân, một thương vụ với tiền muôn bạc tỉ sẽ mở ra cho cả hai bên thông gia, nhờ đó họ sẽ cùng nhau thống lĩnh thị trường. Cha của Dã Chiến đã tiêm nhiễm vào đầu óc anh ý tưởng lý tài ấy, và do đó làm hỏng trái tim anh. Vì thế, anh coi cuộc tình mà anh trình diễn với Nghiêm Thực, con gái một công chức trung cấp như một trò đùa, cả trong những điều nghiêm túc nhất như tối hôm ấy khi anh đề nghị Thực đến một khách sạn nhỏ để tiếp tục câu chuyện. Dĩ nhiên Thực từ chối và trách Dã Chiến coi thường cô. Cô nói lời chia tay với Dã Chiến rồi bỏ ra về.

Tối hôm sau Thực có hẹn với Trân trong quán cà phê Cát Đằng, nhưng sự hệt hẳng thất vọng sau một cuộc tình thất bại làm Thực quên đi cái hẹn.

Trân chờ mãi trong gần bốn mươi phút nhưng không thấy bóng dáng của Thực bước vào cái không gian mờ ảo như sương mỏng màu xanh của quán nước. Bây giờ để giữ lòng bình tĩnh, Trân tập trung lắng nghe các bản nhạc tiền chiến và nhạc tình tiếng Pháp phát ra từ hai góc quán. Trong tư thế xoay người hướng về cái loa góc trái để thưởng thức rõ hơn một nhạc điệu, Trân thấy một cô gái gầy guộc, hông nhỏ, tóc dài phủ vai, ngồi một mình trong chiếc áo kiêu màu vàng nhạt. Cô này đang thả hồn theo tiếng nhạc như vào một thế giới huyền ảo để quên đi mọi sự. Không hiểu sao, Trân muốn nhìn rõ cô ta. Trân đứng lên bước đến gần và khi đi được nửa khoảng cách giữa hai bàn, Trân nhận ra cô bạn Đan Phương cùng lớp.

Dù khuôn mặt không hề xấu xí, dáng người cao gầy, ngực nhỏ, ăn mặc tầm thường, tính tình nhút nhát, xa cách, còn bị gọi mỉa mai với biệt danh là Đơn Phương hoặc Đơn-Thương là hai chữ đầu của thành ngữ “đơn thương độc mã”, tất cả các thuộc tính ấy làm cô trở thành một người bị

lãng quên trong lớp, thậm chí bạn bè không nghĩ rằng cô có mặt. Khi nhận ra Đan Phương, người bạn gái ẩn thân cùng lớp, Trân quay về bàn đã ngồi, lấy ly cà-phê đá còn một nửa, đến ngồi chung bàn và bên cạnh Đan Phương. Trân nói,

-“Sao bỏ ngồi lẻ loi thế, cho mình ngồi chung với nhé!”

-“Ừ ngồi đi, ta cùng nghe nhạc,” ngừng lại một lát để nhìn vẻ mặt chán nản của Trân vì Thục đã lỗi hẹn, Đan Phương nói tiếp, “Hôm nay Thục có đến không, Thục sẽ đến chứ?”

-“Chắc là không nhưng tại sao Phương lại hỏi bạn ấy?”

-“Vì mình biết hai bạn là một đôi và còn hơn thế nữa...” Phương nói với nụ cười bí hiểm trên khuôn mặt luôn phẳng phất một nỗi sầu muộn mà khi nhìn lâu người đối thoại cảm hẳn phải se lòng. Cô cũng không buồn vuốt gọn lọn tóc lòa xòa trước mặt cô giữa mắt bên trái hình lá răm.

-“Sao mà bạn tinh thế?” Trân tò mò hỏi.

-“Đơn giản thôi, vì mình cô đơn không bạn trai và bạn gái và mình có phần ganh tị với Thục.” Phương đáp với một tiếng thở dài như thay cho một lời cầu xin: *Trân có muốn là bạn của Phương rất cô đơn và bất hạnh này không?* Dĩ nhiên Trân không đọc ra lời yêu cầu ấy trong câu Phương nói. Đến lúc này, Trân chắc chắn cô bị Thục cho “leo cây” và có phần chắc, Thục đang hoan lạc với Dĩ Chiến ở một nơi nào đó. Dù thất vọng vì cuộc hẹn, Trân nghĩ cô phải có một lời an ủi Đan Phương,

-“Có lẽ vì Phương nhút nhát, ít nói lại thích sống cô độc chớ các bạn không ai ghét bỏ Phương cả...”

-“Thật vậy sao!” Phương nói, trong lúc Trân nói tiếp,

-“Hoặc vì Phương có nỗi khổ riêng mà luôn phải giấu kín.”

Rõ ràng khi xin bạn tỏ bày tâm sự như thế, Trân đã áp dụng một bài học trong khoa điều dưỡng mà các thầy cô giáo trong lớp thường nói: bác sĩ điều dưỡng ngoài việc hiểu rõ bệnh án nghĩa là các thương tật thể lý của bệnh nhân, còn phải khám phá các chấn thương tinh thần của người bệnh, nhất là nơi những người già mà tuổi tác đã chôn vùi chấn thương đó lâu ngày trong vô thức.

-“Ừ nỗi buồn riêng mình cũng có.” Phương buột miệng nói.

-“Vậy Phương kể lại cho Trân nghe nỗi buồn riêng ấy đi để rồi sau đó nói lời vĩnh biệt với nó.”

-“Bây giờ sao?”

-“Phải, bây giờ,” Trân nài nỉ.

-“Không, không phải lúc này; Phương còn phải suy nghĩ lại nhưng xin hứa nếu có thể kể ra, Trân là người đầu tiên được nghe kể lại.”

Lúc đó, từ hai cái loa thùng vang lên một bài tình ca với một điệp khúc buồn: *Tình nhiều khi không mà có/ Tình nhiều lúc có như không*. Cả hai người bạn im lặng lắng nghe. Có một lúc, Phương nghiêng mặt đưa mắt về Trân, nhìn cô này với một cái nhìn âu yếm, tràn trề sự trìu mến khác thường.

NỖI BUỒN RIÊNG CỦA MẸ

Đêm hôm ấy, khi nằm ngủ cùng giường với mẹ, một góa phụ, Phương thao thức nhớ lại những lời Trân nói và cô tự nhủ: *“Dĩ nhiên mình sẽ kể lại nỗi ám ảnh cũng là khổ riêng của mình cho Trân trước tiên và có lẽ chỉ cho cô ấy, nhưng phải trong một hoàn cảnh khác: Trân phải coi mình như một bạn tri âm mà Trân không thể thiếu, và nếu được, Trân phải biết mình yêu bạn ấy bất chấp tình yêu giữa Trân với Thục. Bởi lẽ tâm sự của mình không phải là câu chuyện mà mình có thể nói với bất cứ ai.”* Mười phút sau cô quay người ôm mẹ như một người mẹ nhỏ người ôm ấp đứa con gái to xác và cô êm đềm đi vào giấc ngủ.

Thật vậy, tâm sự ấy không thể nói cho bất kỳ ai vì nó liên quan đến cuộc đời nhiều đau khổ của mẹ cô. Năm đó cô tròn mười ba tuổi, cha cô đi ra Long Khánh thu mua gỗ quý như trắc, lim, cẩm lai để giao cho các xưởng đóng đồ gỗ cao cấp. Long Khánh là nơi ở của ông bà nội ngoại từ ngày di cư vào Nam, trước đây cha mẹ cô cũng ở đây trước khi về Sài-gòn sinh sống. Tối hôm đó vắng cha, Phương được ngủ chung với mẹ là điều cô rất thích từ lúc còn chưa đi học. Sau này khi bị buộc phải ngủ riêng, cô hờn dỗi mẹ đồng thời ghét cha và mất ngủ cả tuần vì sợ: sợ ma, sợ chuột, sợ bóng tối. Xa mẹ cô cảm thấy mất sự yêu thương và không còn an toàn nữa.

Nhưng đêm hôm đó mẹ cô đã gặp ác mộng. Không biết bà thấy gì trong ác mộng, Phương lúc đó còn nửa thức nửa ngủ nghe tiếng mẹ nói mớ rất bí ẩn, “Hôm nay, em làm nhiều việc nhà mệt lắm, anh đừng đòi cưỡng dâm em nữa.” Dứt câu bà ngồi bật dậy, thở mệt nhọc, lấy hai bàn tay bưng mặt thổn thức, “Sao Chúa để cho con khổ thế này...” Đợi mẹ không nói nữa, Phương giả vờ chột tính, cũng ngồi lên cạnh mẹ hỏi, “Sao vậy mẹ... Mẹ có sao không?” Mẹ cô lắc đầu đáp, “Mẹ không sao, mẹ chỉ thấy một ác mộng làm mẹ sợ hãi.” Cô nói, “Mẹ bình tĩnh lại đi, chỉ là mộng mị thôi mà.” Mẹ cô nói, “Con rót cho mẹ ly nước lọc rồi ngủ tiếp đi.” Cô làm theo, sau đó hai mẹ con nằm xuống im lặng chờ giấc ngủ quay lại.

Vốn là một học sinh giỏi văn, hai diễn ngữ ‘cưỡng dâm em’ và ‘khổ thế này’ gọi lên trong lòng Đan Phương sự tò mò tìm hiểu cuộc đời làm vợ của mẹ cô. Từ trước đến nay, cô chỉ biết yêu mến mẹ với tình cảm tự nhiên hời hợt sáng tỏ bên ngoài, nếu biết rõ những góc khuất của mẹ hẳn lòng yêu mến mẹ cô sẽ có thêm chiều sâu, trở nên đằm thắm thâm trầm hơn. Dĩ nhiên cô không thể hỏi trực tiếp mẹ cô, nhưng phải tìm tòi những nỗi ẩn tình của mẹ cách gián tiếp qua ông bà nội ngoại hoặc cô dì chú bác... Ví dụ có lần cô về thăm bà ngoại, một người bà đầy quyết đoán

bên cạnh ông ngoại hoàn toàn nhu nhược với một câu hỏi làm ra vẻ vừa rất tình cờ vừa rất ngây thơ,

-“Bà ơi, bố cháu lớn hơn mẹ cháu mười chín tuổi, vậy trước khi bố gặp mẹ, bố có một đời vợ rồi phải không?” Trước câu hỏi này bà ngoại cô ngưng nghịu trả lời,

-“Không phải thế, bố cháu mãi lo làm giàu, lo cho các em mà quên cả việc lấy vợ. Nhưng nhờ sự giàu có ấy mà bà đã gả mẹ cháu cho bố cháu.”

-“Như vậy là gả-bán phải không bà?” cô bé Phương hỏi tiếp.

-“Thời ấy, bố mẹ nào mà chẳng gả-bán con gái họ. Và lại lúc ấy ông bà đang mắc nợ nhiều không trả nổi, ông ngoại không có việc làm, nhà lại đông các dì các cậu: ngoài mẹ con là chị cả, ông bà còn có năm cậu dì là các em của mẹ cháu. Có lúc bà phải dọa tự tử để mẹ cháu bằng lòng hôn sự ấy.”

-“Mẹ cháu nói sao?”

-“Mẹ cháu nói chỉ muốn đi học không muốn lấy chồng.”

-“Vâng, cháu biết; cháu cảm ơn bà.” Nói rồi cô bé Phương không hỏi nữa vì nếu hỏi tiếp bà ngoại cô sẽ sinh nghi và câu trả lời nếu có, sẽ không còn chân thật nữa.

Một lần khác, cô về thăm bà nội, cũng với vẻ tình cờ và ngây thơ cô bé Đan Phương hỏi bà nội,

-“Bà ơi, hôm bố mẹ cháu làm lễ cưới ở nhà thờ, chắc mẹ cháu rất đẹp trong áo cưới phải không bà?”

-“Ừ mẹ cháu mặc áo lụa hồng, đội voan trắng. Nhờ có voan và trang điểm phấn son mà ít người biết mẹ cháu mới có mười lăm tuổi. Nhưng ai cũng thấy mẹ cháu đi bên cạnh bố cháu bước vào cung thánh như con gái đi bên cạnh ông bố của mình do tuổi tác hai người quá chênh lệch.”

-“Hôm đó, chắc bà nội vui lắm phải không?”

Hình như câu nói này chạm vào nỗi đau thầm kín của bà nội cô khiến bà nhăn mặt đáp,

-“Vui cái nỗi gì. Bà biết sự quý quyết của bà ngoại cháu muốn gả bán con để trừ nợ, nhưng bà không ngăn con trai mình được vì mẹ cháu lúc ấy rất đẹp, đẹp như một cô tiên nhỏ. Kể từ ngày đám cưới, bà coi bà ngoại cháu như một kẻ thù không còn muốn gặp mặt nữa.”

-“Vâng, cháu hiểu, cháu cảm ơn bà.” Rồi Đan Phương không hỏi nữa.

Vài ngày sau, cái tuổi 15 của mẹ cô làm cô thức mắc. Cô phải hỏi cho ra lẽ con số này mà cô vừa biết nó dưới tuổi quy định mà luật hôn nhân cho phép kết hôn.

Nhân dịp mẹ cô dẫn cô đi dự đám cưới một chị gái trong họ tộc, Đan Phương đã đến bên một ông-trẻ, em trai út của ông ngoại cô, ông-trẻ vốn không ưa bà ngoại cô vì cái tội ăn hiếp ông ngoại cô là một người chồng nhu nhược; cô vờ ngây ngô hỏi,

-“Ngày trước mẹ cháu kết hôn trước bàn thờ Chúa lúc mới 15 tuổi, dưới tuổi luật gia đình quy định, cha xứ có biết không ông?”

-“Biết chứ, nhưng vì bà ngoại cháu khéo mua chuộc nên cha xứ bất chấp luật-đời.”

Vả lại hỏi đó các cha có thần thể rất lớn. Hơn thế nữa cha chủ sự nghĩ rằng chỉ cần hỏi con bé hai câu lúc khởi đầu nghi thức: “*Con có tự do kết hôn phải không? Và con không bị ép buộc phải không?*” là đủ cho dù nội tình của hai bên chủ hôn có thể có sự ép uổng nào đó với đôi tân hôn cũng mặc.” Đó là cách áp dụng luật-đạo cách máy móc từ các điều lệ trong luật mà không xét đến hoàn cảnh cụ thể của người trong cuộc.

Lúc ấy bà trẻ ngồi kế bên ông trẻ nghe thấy câu chuyện ghé vào tai ông-trẻ nói nhỏ, “Tội nghiệp mẹ nó lúc ấy, đi lấy chồng mà kinh nguyệt còn chưa có nữa.”

Đan Phương giả lả vội nói để kết thúc câu chuyện mà cô cố làm ra vẻ tỉnh cờ,

-“Hôm nay cháu mới biết có sự ép uổng này” Cô bé Phương nói rồi vội lánh đi qua chỗ khác.

Mỗi lần nhớ lại câu chuyện ấy, Đan Phương phải dựng tóc gáy: cô sợ hãi vì một năm rưỡi sau ngày cưới, mẹ cô đã sinh ra cô là gái đầu lòng. Phải chăng cô không hề là hoa trái của tình yêu tự do và đồng thuận mà có nhiều khả năng là kết quả của sự cưỡng dâm. Cô không dám nghĩ thế, nhưng khi lớn lên có nhiều lúc một nỗi buồn vô cớ chiếm lĩnh tâm hồn cô cùng với nỗi sợ hãi vô cớ nghĩ mình là một động vật xấu xa và cô cũng không biết được nguyên nhân của cảm xúc ấy là gì. Phải chăng từ một chấn thương khi cô còn trong bụng mẹ.

&

Sau một chuyến thu mua gỗ ba ngày ở Gia Kiệm, bố cô về mặt mày lớn hờ vì ông đã thu được một khoảng tiền lãi rất lớn. Như thường lệ tối hôm đó ngủ một mình cô trăn trở vì ái ngại cho mẹ cô như lời bà trẻ có lần đã nói: *Tội nghiệp cho mẹ cháu quá*. Đang lúc ấy, Đan Phương thấy có tiếng động từ phòng bố mẹ cô vọng lại. Cô rón rén đến gần áp tai vào cánh cửa gỗ. Bố mẹ cô đang quần thảo, hình như mẹ cô bị xô mạnh ngã vào ngay sau cánh cửa kêu lên hoảng hốt, làm Phương giật mình thót tim bên ngoài cánh cửa. Sau đó hình như mẹ cô bị cha cô giữ trong đôi tay quá chặt như các móng vuốt của sư tử đã giữ chặt con mồi trước khi ăn thịt làm bà kêu lên đau đớn, rồi những động tác nện xuống dồn dập cùng với tiếng kêu rên đứt quãng của mẹ cô, xem ra bà đau nhiều hơn khoái cảm. Cô ngồi bệch xuống ngoài vách phòng, thấy khó thở và làn này cô than thở cách đau đớn, “Tội nghiệp cho mẹ mình quá... sao bố mình ác thế...”. Trong đêm sự cuồng dâm ấy lại còn tái diễn đằng sau bức vách. Suốt thời gian đó, Phương nằm trong giường khó thương mẹ cô: thương thay cho phận đàn bà thường là nạn nhân của đàn ông thô bạo.

Sáng hôm sau, cô thấy mẹ cô bèo nhèo như cái khăn ăn nhàu cũ. Khuôn mặt bà buồn thảm cam chịu như mọi khi. Mọi sự phải thế và phải luôn bình thường như thế. Lần đầu tiên trong đời cô thấy ghê tởm bố cô đã biến việc vợ chồng chung đụng thành sự cưỡng dâm. Trong bữa ăn trưa, bố cô nói với mẹ cô,

-“Hai tuần nữa, anh sẽ đi Long Khánh thu mua gỗ lần cuối.”

-“Sao là lần cuối,” mẹ cô uể oải hỏi.

-“Vì cuối tháng này sẽ có lệnh cấm rừng.”

-“Vậy anh tính sao?”

-“Còn tính sao nữa. Anh sẽ mua một xe khách đăng ký tuyến đường Sài Gòn – Long Khánh; mình sẽ thuê thêm một tài xế và một lơ xe. Trong chuyến đi thu mua lần cuối, anh sẽ tranh thủ làm việc với phòng khai thác xe khách, ty giao thông vận tải. Em không phải lo.”

-“Cứ thế đi anh.” Mẹ cô nói như mọi khi vì bà không bao giờ có ý kiến khác chồng, một gia trưởng cao tuổi hơn cô, lại như một bậc cha chú trong nhà.

Vâng, đó là lần thu mua gỗ cuối cùng của bố cô vì sau chuyến đi đó cha cô bị sốt thương hàn mà lúc đầu bác sĩ chỉ nghĩ là sốt rét rừng. Sau một tháng chạy chữa bố cô qua đời. Mẹ cô giao việc quản lý xe ca cho em trai mẹ; rồi mẹ cô mở một tiệm may chuyên may áo dài. Dù bà mới ba mươi hai tuổi và nhan sắc còn rất đẹp nhưng bà không hề nghĩ đến việc đi thêm bước nữa. Bà thường nói với vài bà khách đến may áo: “Đàn ông chán lắm. Khi họ chưa cưới mình, mình là một nữ vương. Nhưng cưới mình rồi họ xử mình như một nô tì một con giúp việc.” Trong số những người đến xin cưới mẹ cô, có một sĩ quan cộng hòa học tập trong trại cải tạo được tha về, yêu bà chân thật và muốn cùng bà cưu mang ba con nhỏ. Than ôi, chán thương của hôn nhân đầu tiên đã làm con tim của bà hóa đá cả sự lãnh cảm của thân xác. Dù ông ấy bị mẹ cô từ chối nhưng cho đến ngày ông ấy qua Mỹ theo diện H.O, con tim ông không ngừng khao khát tình bà.

Phản Đan Phương, ngoài những lúc đi học, cô thường phụ mẹ làm may như làm khuy, làm nút, luông, lược. Sau khi tốt nghiệp cấp ba cô vào học trường y khoa ngành điều dưỡng. Cô không có bạn trai nào, cô thấy họ có gì đó đáng ghét mà cô không lý giải được. Một năm nay cô thấy con tim cô thức giấc như một công chúa ngủ trong rừng thức dậy sau nụ hôn của một hoàng tử. Không phải là hoàng tử mà là Thúy Trân, trong một lần đi cắm trại ở Mũi Né khi chân cô chạm vào đùi Trân lúc đang bơi. Đúng như câu thơ của Félix Arvers: *Lòng tôi chôn một khối tình/ Tình trong giây phút mà thành thiên thu*. Và đúng theo tình cảnh của bài thơ: *Mà người gieo thảm như hầu không hay*, Thúy Trân không hay biết tình yêu ấy. Cô này đã có người yêu là Nghiêm Thực. Đan Phương rất muốn tỏ tình với Trân và dĩ nhiên sẽ kể lại câu chuyện mẹ cô để Trân đồng cảm như bước đầu một chuyện tình nghiêm túc. Nhưng Phương nghĩ chắc chắn không phải lúc này.

GIÁO XỨ PHÚC CHÂU

Giáo xứ Phúc Châu nằm gần ngã ba từ Long Hải đi Phước Tỉnh và Xuyên Mộc. Ở Long Hải có một điện thờ kiểu Ấn giáo tên Dinh Cô. Trong nhiều truyền thuyết, có truyền thuyết nói rằng một công chúa cham-pa dòng dõi Chế Bồng Nga bị các dũng sĩ dưới trướng của một hội vương xứ Nam Dương bắt cóc. Trên thuyền đưa công chúa về trao cho hội vương, công chúa nhảy xuống biển tự tử. Các dũng sĩ trên thuyền không cứu kịp cũng không tìm thấy xác, lái thuyền không về nước. Một con cá ông đã đưa xác công chúa vào bờ và dân chúng ở đây, sau khi mai táng công chúa gần nơi thi thể công chúa giặt vào và đã lập một đền thờ nay gọi là Dinh Cô. Nhiều người dân nói đền thờ này rất linh thiêng. Riêng dân pê-đê đã chọn một ngày lễ để về đây tụ họp cúng kiếng.

Mỗi tháng bà Hạc đều đến giáo xứ Phúc Châu nơi linh mục Hoàng Long Đạt làm cha phó. Mỗi lần như thế bà mang theo nhiều quà cáp tặng cha như sữa, mật ong rừng, sâm, hạt sen, trà, cà-phê Mocka để như bà nói: cho cha có sức hầu việc Chúa. Bà cũng hay ra chợ Long Hải mua cho Long Đạt các vật dụng khác như khăn tay, khăn tắm, đồ lót. Lần nào bà cũng khởi hành từ sớm ở Sài-gòn, và đến chiều tối mới về lại. Cả ngày lưu lại bà dùng bữa trưa và bữa chiều với cha chánh, cha phó. Rồi trong khi các ngài làm mục vụ, bà đến phòng riêng của Long Đạt quét dọn bụi trên kệ sách, tủ bàn, lau chùi nền nhà, tự tay giặt giũ thường phục và quần áo lót của ngài. Buổi trưa lúc cha phó nghỉ ngơi, bà xuống bếp nằm nghỉ bên cạnh chị bếp trên cái giường gỗ lim bề ngang mét sáu. Bà làm những việc đó với lòng mến Chúa, yêu người và với tâm tư của một bà mẹ ruột nhưng ngày nay bà phải núp dưới danh nghĩa mẹ nuôi để tỏ bày tình mẫu tử. Người mẹ này tìm cách bù đắp cho con những việc chăm sóc mà khi con bà còn nhỏ bà không làm được. Và lại gần đây khi chồng bà thắc mắc việc bà hay đi thăm linh mục phó xứ, bà khóc lóc thú nhận Long Đạt là con rơi của một bạn gái bà với linh mục Lê Long Đình. Trước khi cô bạn ấy qua đời vì ung thư đã nhờ bà tìm tung tích đưa con rơi để kể nó nghe về mẹ nó để nó nhớ cầu nguyện cho người mẹ vắng số. Ông giáo Đỗ nghe xong từ tốn nói,

-“Nếu sự thật đưa con ấy là cha Long Đạt, anh càng khuyên em thăm nom ngài để ngài không chỉ cầu nguyện cho người mẹ quá cố mà cho gia đình ta nữa. Anh chỉ trách em không cho anh biết sớm hơn. Xem ra em đã không tin vào tình yêu của anh và tự tin vào thiện tâm của mình cho đủ.”

-“Vâng, bây giờ em biết em đã có lỗi với anh, em xin anh tha thứ. Em cũng xin anh đừng nói việc này với Thúy Trân.”

-“Được rồi anh không nói. Và lại con bé đâu cần biết việc này.” Rồi thầy giáo Đỗ lau nước mắt cho vợ. Một lúc sau từ sự cảm kích trước kịch bản ấy, họ đắm thắm dìu nhau vào cuộc giao hoan ân ái. Gừng càng già càng cay có khác.

&

Một lần nọ khi đi chợ Long Hải mua một tuýp kem đánh răng và một bàn chải mới cho Long Đạt, tình cờ bà chứng kiến hai bà bán hàng cãi lộn nhau. Chuyện giành mỗi chử nhau thậm chí

đánh nhau là chuyện bình thường trong chợ, nhưng không bình thường là giữa một người lương và một người có đạo và nhất là khi bà bán hàng người lương nói,

-“Thôi tao không cãi nhau với mày nữa tao thua mày rồi, mày nghe chưa: mày đâu có sợ tội, nếu mắc tội, mày đi xưng với ông cha để mày hết tội, rồi mày làm tội tiếp; còn tao tao sợ tội, sợ bị đày xuống âm tào địa phủ của Diêm Vương nên tao không buôn gian bán lận, lường cân tráo đấu như mày...”

Câu nói mỉa mai này kết thúc cuộc cãi nhau, nhưng các bạn hàng xung quanh đều lắc đầu ngao ngán. Bà Hạc cũng lắc đầu, trong lòng chua xót. Phải chăng trước “màu-nhiệm-sự-tội”, chúng ta chỉ còn biết im lặng thờ dài, nhưng rõ ràng bà công giáo kia đã không làm gương sáng, không mang ánh sáng đạo đức của Kitô giáo cho người lân cận. Trưa hôm ấy nằm cạnh chị bếp, bà Hạc kể lại câu chuyện sáng nay bà chứng kiến ở chợ cho chị bếp nghe, chị cũng thờ dài rồi nói,

-“Ở đây vẫn còn nhiều người như thế bà ạ: theo đạo nhưng không sống và thực hành lễ đạo. Xứ này có bà Tuất nổi tiếng sùng đạo, bà đi lễ và rước lễ hàng ngày. Trong nhà thờ thì cất giọng lanh lảnh khi đọc kinh; ra khỏi thánh lễ bà vẫn luôn chấp tay, mắt ngược nhìn lên trời trên suốt con đường về nhà. Nhưng bà lại độc ác với con dâu, lối xóm có lần nghe bà giận dữ nói to với con trai bà: ‘mày giết chết nó đi, mẹ sẽ cưới cho mày một con vợ khác...’ Rồi trong xứ này, có cả đồng dân buôn gỗ lậu, bán cá ương phơi khô, rượu làm bằng cặn đường mía nấu còn, nước mắm làm bằng nước màu pha nước muối, còn chuyện lừa tình, lừa tiền cũng không thiếu.”

Trước sự thế này, bà Hạc vội vàng nói sang chuyện khác. Nếu chỉ nhìn vào thánh lễ ngày Chúa nhật với quần áo chỉnh tề, đọc kinh sốt sắng, động tác nhịp nhàng, thánh ca hát rất chuẩn rất du dương của ca đoàn, không ai có thể ngờ vẫn còn nhiều chỗ tối ám trong đời sống xã hội và trong các mối tương quan nhân bản. Phải chăng những ánh sáng giả tạo và hình thức trong nghi lễ là để bù đắp, giúp người ta quên đi những điều tối ám ấy.

Trong giáo xứ bà ở Sài Gòn, cũng có những giáo dân như thế. Khi họ bị bà chất vấn có người đã giải thích: “Họ bị buộc phải làm ăn bất chính như thế mới có tiền đóng ‘hụi chết’ cho bộ máy quản lý kinh tế và địa phương nếu không sẽ bị làm khó dễ hoặc bị rút giấy phép kinh doanh.” Bà nghĩ lời giải thích ấy cũng chứa đựng một phần sự thật: người ta khó sống tốt lành trong một xã hội với một bộ máy chính quyền không lành mạnh, hẳn người ta phải mặc áo giấy khi đi với ma giữa một thời buổi mà tìm Bụt hoài nhưng không thấy. Một lúc sau bà Hạc bắt chợt hỏi chị bếp,

-“Ở đây, cha xứ thế nào hả chị?”

-“Bà muốn hỏi gì, cháu không hiểu?”

-“Tôi muốn hỏi cảm nghĩ của người ta về cha xứ của mình?”

-“Cảm nghĩ của người ta?...” chị bếp ngập ngừng, ấp úng một lúc rồi nói, “Dạ, cảm nghĩ cũng có đấy, nhưng cháu không dám đâu bà ơi! Cháu sợ mắc tội trọng.”

Sự im lặng sau đó thật là khó chịu làm bà Hạc cau mày, nhưng bà không bỏ cuộc.

-“Cháu đừng sợ vì nếu mình biết cái không tốt của các cha để tìm cách cầu nguyện cho các ngài mà không bôi bác, nói xấu thì mình không có tội?” Không thấy chị bếp nói gì bà Hạc nói tiếp,

-“Vả lại bác có linh mục là dưỡng tử nên bác càng có bổn phận cầu nguyện cho các ngài.”

Thấy chị bếp vẫn làm thinh vì sợ, bà Hạc bèn tìm cách mua chuộc, bà nói,

-“Thế này nhé, cháu kể bác nghe, mọi tội xúc phạm đáng bậc bác chịu và lần sau ra đây bác sẽ tặng gia đình cháu một cái nồi cơm điện của Nhật Bản.” Nghe bà Hạc nói tặng quà, chị bếp đồng ý ngay, chị nói,

“Vâng, cháu sẽ nói nhưng bà nhớ giữ kín đó.”

Rồi chị kể nhiều chuyện về cha chính xứ, nào là thích nhận quà cáp đắt tiền còn gợi ý cho giáo dân các món quà phải mua cho ông. Nào là ông tự mình đếm tiền thau và cất kỹ, không giao cho một ai kể cả cha phó, cũng không bao giờ ông công bố số tiền thu được. Các đoàn thể phải tự mình trang bị phòng họp trong nhà thờ hoặc chịu chi phí in ấn tài liệu. Cha dành cho mình tất cả các thánh lễ hôn phối để ngoài bao thư tiền xin lễ dày cộm còn nhận được quà cáp. Cha chính không chỉ tham lam mà còn cao ngạo, hống hách. Ông mắng mỏ giáo dân có lỗi hoặc những người dự thánh lễ đến trễ ngay trên tòa giảng. Khi đi đường ai vô tình đã đi trước ông dù là các cụ ông, cụ bà đều phải đứng lại nhường chỗ cho ông đi trước. Mới hôm qua, ông đến ăn giỗ nhà ông chánh trương, ông đã nạt nộ một cụ ông thấp khớp dám đi trước ông lúc tiệc tan, “Tránh ra, vô lễ, đã đi chậm mà cứ giành đi trước cản lối người ta...” Đến đây bà Hạc ngắt lời vì bà biết không ít các linh mục như thế,

-“Cha phó có như thế không cháu?” Bà Hạc băn khoăn hỏi.

-“Không đâu bà ạ, cháu nói thật đấy: cha không bao giờ nhận quà cáp; ai mang quà đến phải mang về. Cha còn hay cho tiền giúp đỡ người nghèo. Có lần bà cố Thanh Gấm ở Đức Trọng ra thăm phải than thở: ‘Cha Đạt chỉ có lấy tiền nhà để giúp giáo dân nghèo trong xứ’. Thế đấy, vừa rồi cha còn định xây năm phòng nhà khách và dành cho bà một phòng. Cha đã lên bản vẽ, chờ cha bạn nước ngoài gửi tiền về là thi công ngay. Cha còn chịu khó lặn lội đường xa đem Minh Thánh Chúa cho bệnh nhân bất kể đêm khuya hay mưa gió...”

-“Tội nghiệp cha phó,” Bà Hạc ứa nước mắt nói, lòng lại nghĩ thầm, “Tội nghiệp con tôi quá!” Rồi bà hỏi tiếp,

-“Vậy cha phó không có một điểm yếu nào sao?”

Bà chưa hỏi dứt câu thì từ ngoài bước vào một phụ nữ trên dưới ba mươi, khuôn mặt khá xinh, người phồng phao mấy mượng. Cô xách một gà-mên có hai ngăn cùng một ổ bánh mì tròn đặt xuống bàn, trong lúc chị bếp quay sang chị ta hỏi,

-“Có gì không Mảo?”

-“Em mang cho cha phó món cà ri nấu thịt rừng vì chiều nay em không đi lễ được.”

-“Ừ, em cứ để đấy, chiều chị sẽ hâm lại rồi dọn cho cha phó.”

Kim Mảo đến sát chị bếp nói riêng vài câu trong đó có câu nói vào tai chị bếp Kim Ngát để bà Hạc không nghe được, “Mấy hôm nay, Thăng-chả còn bày đặt giở giọng ghen tuông em với Anh-Ba.” Nói xong Mảo rời đi; bà Hạc nhìn theo từ phía sau đôi môn tròn lắc lư uốn éo của Mảo.

Lúc đó chị bếp Kim Ngát quay lại hỏi bà Hạc,

-“Lúc nãy, bà cố định hỏi cháu điều gì?”

-“À ừ, một vài tật xấu của cha phó đó mà.” Bà Hạc đáp lại, rất hài lòng vì được Kim Ngát gọi bằng “bà cố” như cô gọi vẫn gọi bà Thanh Gấm.

-“Ngài không có tật xấu nào nhưng phải chịu vài cám dỗ do sự môi chài của các cô gái dâm bôn trong xứ. Nhưng họ phải chịu thất bại đắng cay vì ngài đã dễ dàng vượt qua thử thách. Có lần một người bạn là Pedro, đan phụ dòng Xi-tô hỏi ngài về cái ơn sức mạnh ấy, ngài trả lời rất bình thản, ‘Vì tớ đã có người yêu rồi’ – ‘Trên thiên đàng bên hữu Chúa Cha phải không?’ – ‘Không, ở Sài-gòn’...”

-“Ngát nói thật với bà cố đấy phải không?” Bà Hạc mừng khắp khởi hỏi lại.

-“Vâng, cháu nói thật đấy.” Ngát nheo đôi mắt lé kim trên khuôn mặt lộ vẻ gian manh cúi đầu đáp.

Đúng lúc đồng hồ đồ chuông hai giờ chiều, bà Hạc vội vã đi lên nhà xứ, lòng mừng vui vì con bà là một linh mục tốt khi vượt qua cám dỗ sắc dục. Và lại cám dỗ sắc dục thường đến ngay sau cám dỗ công danh trần thế khi được đứng trên đầu, trên cổ của thiên hạ hoặc của bầy cừu. Xem ra điều này đã được người xưa tổng kết: Sau đại đẳng khoa là đến tiểu đẳng khoa và đây là hai chọn lựa ưu tiên của người quân tử. Quả là một chọn lựa khôn ngoan, không chệ vào đâu được.

Thật ra chị bếp Kim Ngát đã nói dối bà Hạc: không ai đại gì nói xấu con trước mặt người mẹ cả khi người mẹ dễ dàng ta nên nói thật. Nhưng bà Hạc tin thật vì rõ ràng những gì Ngát nói về cha chánh xứ đều đúng với thực tế, nên hẳn Ngát cũng nói đúng về cha phó. Sự thật là Long Đạt có một quan hệ bí mật với một phụ nữ trẻ trong giáo xứ bằng tuổi anh và chính là Kim Mảo. Người thứ ba duy nhất biết được mối quan hệ bí mật này lại là Kim Ngát. Và lại Kim Ngát và Kim Mảo là chị em họ, con bạn dì. Kim Ngát không những biết mà còn vun đắp cho quan hệ ấy, bất chấp Kim Mảo đã có chồng và có một con. Để hiểu tại sao lại có một âm mưu trái đạo lý như thế, người ta phải quay về thời điểm năm năm trước đây.

BÙA YÊU

Khi ấy, Ngát vừa mới lớn và sớm có người yêu là một thanh niên đẹp trai cao ráo tên Điền trong cùng giáo xứ. Có lẽ họ quen biết nhau khi cùng đi tắm biển những ngày hè nóng bức. Họ yêu nhau nồng thắm; đến nhà của nhau để thăm nhau. Một lần khi Điền ở nhà một mình, anh nhận Ngát tới và trong khi âu yếm với những lời tình tứ ngọt ngào, họ đã đi quá giới hạn khi biến cuộc gặp ấy thành một buổi liên hoan của hai thân xác. Cuối buổi Điền đã miễn cưỡng hứa sẽ cưới Ngát ngay sau Mùa Chay kết thúc. Thời gian ấy, trong một lễ giỗ của họ hàng, Ngát đã giới thiệu Mảo với Điền như một cô em họ của cô vì họ ngồi ăn cùng bàn. Hết Mùa Chay, khi Ngát hỏi về đám cưới, Điền nói phải dời đến cuối năm cho thuận tiện. Nhưng trước khi Mùa Vọng bắt đầu, Điền nói lời chia tay với Ngát với lý do cha mẹ Điền đã chọn cho anh một cô khác môn đương hộ đối. Ngát hỏi là ai, anh nói không biết. Đó là một lời nói dối vì từ lúc được giới thiệu với Mảo, anh đã phải lòng cô này, ngay lập tức bỏ rơi Ngát và sau cùng quyết định lấy Mảo trước Mùa Chay. Trước đám cưới một tuần, Ngát nhận được thư tay của Mảo do Điền gợi ý trong đó Mảo viết: *“Em cảm ơn chị Ngát, nhờ sự giới thiệu của chị mà em và Điền ngày nay đã nên duyên cầm sắt. Từ nay tại em phải gọi chị là Bà-mai-diễm-phúc (...) - Mảo, em họ của chị.”* Đọc xong bức thư Ngát khóc tức tưởi rồi cười như điên. Cô thề sẽ trả thù sự bội ước của Điền. Và như thường lệ, những lúc gặp những điều bất hạnh, cô hay chạy đến cùng Đức Mẹ Lộ Đức. Lần này cũng thế, cô chùi nước mắt cầm bức thư chạy đến núi Lộ Đức trong khuôn viên nhà thờ, nhưng không hiểu sao khi đến trước cổng bên hông khuôn viên cô không đi vào mà đi thẳng. Có lẽ cô nghĩ cô đã kêu xin Đức Mẹ nhiều cho tình yêu của cô và Điền, nhất là từ sau khi cô hiến thân cho Điền mà kết quả lại thảm hại như hôm nay. Cô đi thẳng, không quay về nhà, đi mãi, đi mãi qua Dinh Cô rồi qua ngôi biệt thự Chú Hỏa dành cho con gái của ông. Cô đi như người mất hồn trên con đường đất trải đá dăm qua những rẫy trồng khoai trồng bắp hoặc rẫy trồng thuốc lá. Ở một con hẻm nhỏ cô thấy mình đứng trước một túp lều bằng lá, bên kia hàng rào xiêu vẹo có một bà cụ ăn mặc bản thủ đang phơi vải vóc cũ kỹ, bạc thếp. Đang khi Ngát không biết đi theo đường nào, bà cụ sau hàng rào gọi,

-“Này cháu, vào đây nghỉ chân một lúc rồi bà sẽ chỉ đường cho cháu về nhà.” Sau đó Ngát đi vào túp lều bà cụ vì cô khát nước và mỏi chân.

Giữa căn nhà nát ấy có một cái bàn thờ với ngọn đèn dầu nhọt nhọt và một bát hương có cắm vài cây nhang đang nghi ngút khói. Sau đó một cái khám thờ bằng gỗ mộc cũ mộc meo mặt trước treo một bức màn lụa mỏng và thưa màu đỏ, Ngát đến gần nhìn qua bức màn thấy có năm búp bê năm phụ nữ mặc năm áo đầm xòe với năm màu khác nhau: đó là các mẹ-mẫu ngũ hành trong lúc bà cụ ngồi trên chông tre trải chiếu bông đã rách vài chỗ nói,

-“Cháu lại đây kể bà nghe chuyện buồn của cháu đi.” Lúc này Ngát mới thấy bà cụ có khuôn mặt gian manh giống như bà phù thủy bán táo trong truyện cổ *Cô gái ngủ trong rừng*.

-“Sao bà biết cháu có chuyện buồn.” Ngát nói và đến ngồi xuống chông.

-“Nhìn mặt cháu buồn thiu, mắt còn ngấn lệ bà biết ngay thôi... Nói ra đi, nếu giúp được gì bà sẽ giúp cho.” Bà cụ nói rất ngọt ngào.

Không thể cưỡng lại sự dịu dàng của bà cụ, Ngát kể lại cho bà nghe mối tình tan vỡ của cô. Nghe xong, bà cụ nói,

-“Để quá việc này bà giúp được dù cháu chọn cách nào: giành lại anh chàng đẹp trai cũ hoặc chinh phục một anh chàng đẹp trai khác.”

-“Vậy bà giúp cháu đi, cách nào cũng được.” Ngát mừng rỡ đáp.

Bà cụ giống phù thủy đi lại cái khám thờ lấy ra bên dưới khám một gói giấy màu đỏ, bên dưới tờ hồng đơn trái mặt bàn. Trong gói giấy ngoài còn có một gói giấy kiếng chứa một chất bột màu chao lòng và vài chiếc lá khô đã nát, bà ta lại bên Ngát rồi nói,

-“Đây là bùa yêu làm cho người mình yêu phải mê mẩn vì mình. Cháu chỉ cần đặt vào áo gối của chàng trai cháu yêu lúc cậu ta gần gũi cháu, cậu ta sẽ yêu cháu đắm đuối, không bao giờ bỏ cháu.” Sau một hồi quảng cáo công hiệu kỳ diệu của bùa-yêu biến ghét thành thương, biến thương thành mê đắm, bà cụ hỏi Ngát,

-“Cháu có chuộc bùa này không, chỉ cần đưa bà ba mươi đồng thôi, người khác bà phải đòi năm mươi đồng đấy.” Nghe xong, Ngát lần tay vào cái túi nhỏ dưới lưng thung của quần cô thấy chỉ có hai mươi đồng nên nói,

-“Cháu chỉ có hai mươi đồng, thôi để lần sau cháu sẽ đến chuộc; với lại lúc này cháu chưa cần.”

-“Có sao đâu, cháu cứ cầm lấy đi, bà cho cháu nợ mười đồng, lần sau cháu trả.” Nói rồi bà cụ dúi gói bùa-yêu vào trong tay Ngát, lấy hai mươi đồng nhét vào lưng quần. Bà nói tiếp, “Lần sau cháu đến bà sẽ cho bùa-yêu mạnh hơn mà các cung phi ngày xưa hay dùng để lôi kéo vua chúa vào chốn khuê phòng quên cả việc triều chính.”

Trước khi về lại nhà, Ngát hỏi,

-“Bà còn dặn thêm cháu điều gì không?”

-“Có, này nhé để cho công hiệu hơn, cháu nhớ đọc câu thần chú bà nói đây trước khi ếm bùa,” rồi bà cụ ghé vào tai Ngát thì thầm mấy tiếng, sau đó hỏi, “Cháu thuộc chưa có mấy chữ thôi mà”. Ngát gật đầu rồi chào bà cụ hoan hỉ ra về.

Một năm sau, Ngát gặp gỡ và cưới một anh chàng đẹp trai khác. Đám cưới tại nhà thờ sau lễ cưới của cô em họ Kim Mão đúng một năm ba tuần. Không ai biết trong lần yêu sau này cô có dùng bùa-yêu của các cung nữ hay không.

Sau khi ăn thôi nôi đưa con đầu lòng của Mão và Điền rồi khi thấy Điền tình nguyện nhập ngũ qua Campuchia chiến đấu tiêu diệt bọn Khmer đỏ. Ngát biết cơ hội trả thù sự bạc tình của Điền

đã đến. Cô bèn lui tới nhà Mão, tìm dịp giới thiệu Mão với nói cha phó mà họ gọi là Anh Ba, sau đó còn bịa chuyện Anh Ba hay hỏi thăm Mão, xem ra ngài có nhiều tình cảm với cô này. Sau cùng Kim Mão đã dan díu với Anh Ba. Rồi khi Điền được xuất ngũ vì trúng mìn cóc bị thương tật một chân, ngoài lá bùa yêu Ngát chuộc cho Mão mà Mão đặt dưới đầu giường Anh Ba, Ngát còn dàn dựng một kịch bản để Mão tiếp cận với Anh Ba như Điền hay đánh đập Mão vì mặc cảm tật nguyên và không còn là đàn ông đúng nghĩa vì nhiều mảnh đạn đã ghim vào giữa háng, có mấy mảnh ở chỗ hiểm hóc trong người chưa lấy ra được v.v... Lúc thấy Điền xuất ngũ, Anh Ba định thôi nhưng cảm thương hoàn cảnh đặc biệt của Mão đã mở rộng vòng tay cho thân thể mảy mướt, sôi sục nhục cảm của Mão ngã chúi vào, mặc dù rất minh bạch, Anh Ba đã nhiều lần nói rõ với Kim Mão: “Ta không hề yêu em mặc dù đôi lúc ta cần đến thân xác của em.” Và Ngát đã mớm cho Mão câu trả lời, “Em đâu có đòi hỏi gì hơn: anh hãy cứ làm quân vương của em mọi lúc”... Rõ ràng Ngát đã dùng sự ngoại tình của Mão để trả thù sự bội tình của Điền, vì thỉnh thoảng khi bất chợt gặp Điền, Ngát mĩa mai, chì chiết,

- “Mối duyên cảm sắc của anh lúc này ra sao rồi?”

- “Anh biết bội ước với em là anh sai rồi Ngát ơi. Tha thứ cho anh nghe em.” Điền van xin, bước đi khập khiễng vì cái chân thương tật không duỗi thẳng được.

- “Muộn rồi anh ơi.” Nói xong, Ngát lạnh lùng bỏ đi: dù vẫn khoe mình đạo Chúa, trong trí óc và trái tim cô không bao giờ có động từ “tha thứ”.

Dù sao trong hoàn cảnh cay đắng không thỏa mãn giữa Mão và chồng cô, Anh-Ba là chiếc phao cứu hộ. Và lại dù có chức thánh nhưng ngài cũng là con-người, nếu chất ‘người’ càng cao trọng, thì nhiều khả năng chất ‘con’ càng phỉ đại để Âm-Dương được quân bình theo luật hỗ tương của tự nhiên giữa dương là danh phận và cương vị, âm là thể xác và tính dục. Mô hình tiêu biểu của điều đó là một ông vua mà chất-người được thần thánh hóa thành thiên tử nếu không nói là “ngẫu tượng hóa”, thì đương nhiên phải có đủ tam cung, lục viện cho chất-con được tương xứng và quân bình. Để vượt qua quy luật khắc nghiệt và quỷ quái ấy phải là người thật sự có đức hạnh hơn người như lời cổ nhân nói: “*Đức trọng quý thân kinh*”. Nếu quý thân phải kinh khiếp sợ hãi thì một vài lá bùa-yêu chỉ là trò vớ vẩn.

NGÀY KỶ NIỆM CHÚC THÁNH.

Chiều hôm ấy, trên chuyến xe về lại Sài-gòn, một lo lắng chợt đến với bà Hạc từ câu nói của cha phó với trợ sĩ Pedro mà Ngát thuật lại và bà đã không để ý: “Con đã có người yêu ở Sài-gòn rồi.” Bà nghĩ có hai khả năng, hai thời điểm Đạt có thể có người yêu : hoặc lúc Đạt còn tu học, cuối tuần nào cũng về nhà chú Thi thím Phụng nghỉ ngơi; hoặc trong lần đầu tiên Đạt đến nhà bà với ba tối cùng Thúy Trân đi thăm các bạn học cũ. Dù bà loại bỏ ngay Thúy Trân trong mối quan hệ thầm kín và đáng sợ ấy vì bản thân bà là mẹ còn không ưa nổi một đứa con gái ngang ngạnh như nó. Tuy có chút nhan sắc, ngực và mông đầy đặn có đường nét, nhưng con bé ấy không có chút

nữ tính dịu dàng nào cả; ăn nói thì vừa vụng về vừa kiệm lời, hành động thì thô ráp, nếu không nói là rùng rú. Rồi bà moi trong trí nhớ thời điểm đó và bà thấy con gái bà không dịu dàng hơn nhưng không có gì thất thố với nghĩa huynh của nó. Vì không dám nói với con gái bà là mẹ ruột của Long Đạt, nên bà nghĩ ra một cách dò xét con bà. Vâng bà sẽ dùng “thuốc thử” là cho nó gặp lại nghĩa huynh nó lần nữa và lần này sẽ luôn trong tầm nhìn của bà. Mấy tối sau bà nói với Thúy Trân,

-“Hai tháng nữa là Long Đạt mừng năm năm chịu chức linh mục, con theo mẹ ra Long Hải mừng lễ anh nuôi.”

-“Con không đi đâu mẹ. Bày đặt kỷ niệm với ‘kỷ nuôi’,” Thúy Trân lạnh lùng đáp.

-“Con phải đi vì mẹ đã hứa với anh nuôi rồi?”

-“Sao mẹ không hỏi ý con rồi hãy hứa. Con không thích mẹ đặt con trước một sự đã rồi đâu.”

Đến nước này, dù bà Hạc yên tâm về mối quan hệ nguy hiểm, bà phải năn nỉ con bà. Bà nói Trân chỉ cần đến giáo xứ Phúc Châu ngày chính lễ, dự thánh lễ tạ ơn sau đó ăn tiệc rồi về ngay không đợi đến chiều tối như bà. Và lại bà còn phải đến trước hai ngày để cùng với các bà trong giáo xứ lo việc trang trí và chuẩn bị bữa tiệc cho khách khứa trong đó có các cha trong hạt và quý ông bà trong hội đồng giáo xứ và trong ủy ban nhân dân xã. Mọi việc phải chỉnh chu, hoành tráng. Sau cùng Trân đồng ý, cô dự tính trước khi về lại Sài-gòn, cô sẽ ra biển Long Hải tắm. Trân còn định kéo Nghiêm Thục đi theo; thỉnh thoảng họ vẫn gặp nhau trong phòng riêng nhà Nghiêm Thục và cùng ‘đối tác’ âu yếm cuồng si.

&

Đến ngày lễ kỷ niệm của Long Đạt, Thúy Trân đón xe một mình ra Phúc Hậu, bà Hảo đã đi trước hai ngày. Hôm qua cô ở suốt buổi tối bên Thục, cô này oằn người khi Trân chạy đôi môi cô trên làn da mát mịn và mềm mại của Thục. Cô này đã khẽ gào lên khi Trân làm cho cô đạt khoái cảm cực độ. Sau đó Trân nằm vuốt mái tóc dài gọn sóng của Thục để ru Thục ngủ. Lúc đó, Thục đã nói ngày mai không ra Long Hải với Trân được, Thục phải ra phi trường đón một bạn học du học bên Tân Tây Lan về thăm nhà.

Xuống bến xe Bà-Rịa, Trân tìm xe đi Phước Tỉnh và cô sẽ xuống xe ngay khi qua ngã ba Lò Vôi một đoạn ngắn. Bỗng có một cô gái chạy xe gắn máy trở đến hỏi,

-“Có phải cô là Thúy Trân, em họ cha phó Long Đạt không?”

Nhìn kỹ, cô gái không quen độ tuổi của Trân, đội nón lát rộng vành, mặc quần jeans, áo thun ngắn cho thấy đôi cánh tay rắn chắc và đen nâu của dân miền biển. Thúy Trân đáp,

-“Phải, có gì không em?”

-“Cha phó nhờ em ra bến xe đón cô. Tôi chờ ở đây này giờ gần một giờ rồi. Cô lên xe đi.”

-“Vâng hả, cảm ơn em.”

Dù mặt trời đã lên khá cao nhưng gió biển thổi vào làm Trân dễ chịu, Trân như người thấy mùi mặn của gió. Hai bên đường cây cối và đồng ruộng trôi nhanh. Bên tay phải sau những nương rẫy và những hàng cây bạch đàn, xa cuối chân trời là các ruộng muối với những ụ muối như những cái nón lá khổng lồ trắng tinh úp trên mặt nước. Bên tay trái trải dài những đám ruộng liền nhau với màu sắc khác nhau, cao màu xanh đậm, thấp hơn màu xanh nhạt, với các gié lúa màu vàng ươm oằn xuống. Ở xa phía chân trời nổi lên hình ảnh vài nông dân đang cày ruộng với con bò gầy.

Xe gắn máy sau cùng chạy thẳng vào trước các bậc tam cấp của nhà xứ; trong lúc Trân nói lời cảm ơn, cô gái miền biển nói,

-“Cô em họ xinh đẹp như thế nên cha phó quý mến là phải lắm.” Nói xong cô gái rõ ga định đi chợt bà Hạc từ hông nhà xuất hiện nói

-“Cháu ra lò bánh mì lấy một trăm ổ bánh mì mà bà đã đặt hôm qua.”

-“Vâng thưa bà cô.” Nói rồi cô gái cho xe chạy thẳng.

Trong lúc Trân theo mẹ vào phòng nghỉ dành riêng cho bà, cô tự nhủ, “Hay thật, mẹ mình đã lên chức bà cô lúc nào vậy?” Sau khi tắm rửa và nghe lời mẹ dặn dò phải cầu nguyện nhiều cho cha phó nhất là không được lếu láo với ngài trước mặt quan khách và các cha đồng tế, cô thay áo dài như mẹ và cùng bà đi đến nhà thờ. Sờ dĩ bà nói con phải cầu nguyện nhiều cho cha phó vì một bí mật của cha phó làm bà ray rứt trong lòng. Tối qua bà khó ngủ, trong lúc bà ra ngoài hóng gió sau một cây cột lớn, bà thấy Mão mà trong thánh lễ chiều qua bà đã gặp lại với một hoa hồng nhỏ cài trên ngực áo dài màu xanh thẫm và cô này đã chủ động chào bà lúc lên rước lễ. Trong bóng tối nhòa nhạt dưới ánh trăng non, Mão xăm xăm vào phòng cha phó và như có chìa khóa riêng, cô nhanh bước vào. Bà Hạc liền rón rén theo sau, áp tai vào cánh cửa gỗ, bà nghe như có tiếng quần thảo của hai thân xác, sau đó là tiếng rên rỉ như mèo kêu trên bờ tường sau lưng bà, sau cùng là một tiếng kêu cảm thán rồi im lặng. Trong lúc bà bước xuống bậc thềm để núp, bà trông thấy Mão vội vàng bước ra tay cài nút áo che lại bộ ngực trần ngồn ngộn, bước còn loạng choạng như người đã uống rượu. Về lại phòng, bà Hạc bà đấm ngực khóc than cho đến lúc ngủ thiếp quên cả giờ lễ sáng sớm do cha chính xứ chủ sự. Bà nghĩ từ hôm nay bà phải chay tịnh với chồng và hãm mình để cầu nguyện cho Long Đạt. Sau này bà biết thêm rằng hoa hồng cài áo là dấu hiệu quy ước của Kim Mão để báo trước cô sẽ đến phòng Long Đạt trong đêm, và do đó ông sẽ để cửa khép mà không khóa trái.

Bước vào nhà thờ, Trân choáng ngợp trước sự trang trí của nhà thờ trong ngày lễ trọng. Trước cửa vào người ta treo một băng-rôn nền đỏ chữ trắng: “Giáo xứ hân hoan đón mừng Đức Giám Mục An-rê về thăm”, bên dưới treo một băng-rôn nhỏ hơn với dòng chữ, “Mừng kỷ niệm năm năm cha phó Phao-lô được phong chức thánh”. Trên bàn thờ đá hoa cương đặt hai lẵng hoa cao

mấy tầng; các cửa hông treo các trướng lụa màu hồng thắm bông có đính hoa cườm và dây kim tuyến.

Trong bài giảng, Đức Giám Mục nói về chức thánh cao trọng và trường cửu mà chính Chúa Giê-su đã thiết lập theo phẩm hàm Men-ki-xê-đê. Khi mở rộng chức tư tế này, lẽ ra phải hiểu là hình bóng chức tư tế vĩnh cửu của Chúa Giê-su, cho các linh mục sau này, xem ra Giáo hội đã muốn thần thánh hóa chức linh mục để các ngài rộng quyền “chăn dắt” giáo dân: *‘Chiên ta thì nghe tiếng ta, ta biết chúng và chúng theo ta’* v.v... Trân rất phản cảm với chữ “chúng” đầy sự khinh miệt và coi thường (thay vì lặp lại hai tiếng ‘chiên ta’), nhưng dù sao cô cũng đã vâng lời mẹ dặn cầu nguyện nhiều cho nghĩa huynh Long Đạt và lên rước lễ rất tôn nghiêm vì cô luôn có lòng yêu mến mẹ cô bởi cô mơ hồ biết bà có “nỗi khổ riêng” dù bà không ưa tính khí ương ngạnh hay phản kháng của cô. Thế nên khi quỳ gối sau lúc rước lễ, cô đã tự nhủ trong lòng về mẹ cô, “Mẹ Hạc ơi, con biết mẹ có nỗi khổ riêng dù không biết rõ là gì. Làm sao mẹ không khổ cho được trong một nền văn hóa trọng nam khinh nữ ở xứ này nơi mà bao đời nay người ta vẫn nói: *nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*. Rồi trong gia đình, mẹ phải sống chung với người chồng có tác phong gia trưởng vừa là chồng, vừa là thầy vì sự méo mó nghề nghiệp đã mang tác phong ấy từ trường học về nhà. Mẹ luôn nhũn nhặn vâng theo người thầy ấy, không dám có chút ý kiến, ‘ý cò’ gì cả. Đúng là cảnh *chồng chúa vợ tôi*. Cũng may là bố con không phải là một ông vua bạo ngược, dù không chắc bố con là vua Nghiêu, vua Thuấn. Có lần con và mẹ đi xem tranh dân gian, trong các bức tranh vẽ trên giấy dó ấy, họa sĩ vẽ một dũng sĩ giết cọp. Dũng sĩ đứng trên mình cọp nằm dài, tay cầm cán thương đâm sâu vào mình cọp, tay kia chống nạnh rất oai phong. Bên phải bức tranh, góc dưới ở tiền cảnh vẽ một phụ nữ đội khăn mỏ quạ cười hớn hỡ; góc trên ở hậu cảnh vẽ một con cọp ôm mắt lảm lét, vẻ sợ hãi chạy đi. Về nhà con đề nghị mẹ đặt lời cho con cọp bỏ chạy, mẹ suy nghĩ một lúc lâu rồi nói, *‘Đàn bà chỉ biết cười, chẳng làm được việc gì đáng sợ’*. Rồi mẹ hỏi con xem con đặt lời nào, con nói, *‘Nếu dũng sĩ là đàn bà chắc mình cũng chết như đồng loại, đừng hồng chạy thoát’*, mẹ đã ký đầu con bảo con nói nhảm... Và phải chăng trong các nỗi khổ riêng của mẹ có nỗi khổ mẹ không sinh cho bố một con trai. Thế nên con vẫn luôn bất mãn với đàn ông dù mẹ không thông cảm với con điều này...” Cô cứ nghĩ lan man như thế cho đến lúc kết lễ.

Bước ra hành lang hông phải nhà thờ, Trân và mẹ gặp bà cố Thanh Gám mặc bộ áo dài bằng gấm đỏ, đầu đội khăn nhung đỏ. Chiều qua bà từ Đức Trọng ra đây. Bà ngồi trên chiếc xe lăn do cô Mão đẩy, vì sau khi ông cố bị ung thư qua đời một năm, bà bị tai biến và hai chân gần như liệt. Bà Hạc miễn cưỡng chào bà cố, không giấu sự ganh ghét: lẽ ra địa vị bà-cố chính thức ấy phải là của bà. Đồng thời bà nguyệt mắt với cô Mão trong chiếc áo dài lụa màu xanh lá mạ không cài hoa hồng đỏ ở vai áo trái nhưng đeo một sợi dây chuyền thánh giá mà “đổi tác” đã cho. Trong lòng bà Hạc rửa thầm Mão là đồ đĩ thỏ, cảm dỗ Long Đạt phạm điều răn thứ sáu lại còn đóng vai con dâu đẩy xe cho mẹ chồng.

Trong bàn tiệc ngoài sân nhà thờ dưới bạt che Đức Giám Mục ngồi chung với các cha xứ trong hạt. Bà Hạc ngồi cùng bàn với cha Pedro, một đan phụ người Việt dòng Xi-tô. Trong lúc ăn, cha

Pedro kể lại quá trình vào dòng của ngài. Lúc đầu ngài đã định vào dòng Xi-tô ở Kentucky, Hoa Kỳ nơi Thomas Merton đã vào dòng, nhưng khi hỏi ý kiến của một cha già dòng Đa Minh, cha già khuyên nên vào dòng bên Pháp ngay cái nôi của dòng lúc khởi thủy, cha già nhân dịp đó nói thêm một suy nghĩ cá nhân: dân Pháp đã đóng góp đáng kể cho nền dân chủ với chiêm ngôn của cuộc cách mạng 1789 là Tự do – Bình đẳng – Huynh đệ. Theo cha già hình như những giá trị này đã có sẵn trong Tin Mừng của Kitô giáo. Chọn theo ý kiến của cha già Đa Minh, cha Pedro đã vào dòng Xi-tô bên Pháp. Bảy năm sau cha mới trở lại Việt Nam và được bầu làm đan phụ Pedro. Khi kể xong câu chuyện tu hành, cha Pedro quay lại hỏi bà Hạc,

-“Lần này bà ra có dẫn theo anh chị nào không?”

-“Dạ có cháu gái út ngồi bên cạnh con,” vừa nói bà Hạc vừa chỉ vào Trân.

Khi cha Pedro đưa mắt nhìn kỹ khuôn mặt Trân với đôi mắt đượm buồn, một tiên cảm kỳ lạ làm cha xót xa phiền não. Trong tai cha như vang lên khe khẽ hai câu thơ của Truyện Kiều: *Thuyền tình vừa cập đến nơi/ Thì Trâm đã gãy bình rơi bao giờ*. Cha kinh hoàng khi thấy “Trâm” trong câu với “Trân” tên người phát âm giống nhau. Dù vậy cha Pedro nói với Trân một câu dung dị,

-“Con nhớ học tám gương tinh thần phục vụ của mẹ con.”

-“Vâng, con đang học đó cha.”

Khi tiệc mừng sắp tàn, cha Pedro đứng dậy bước ra phía hành lang, bà Hạc đi theo nói,

-“Con xin cha giúp con một lời cầu nguyện đặc biệt cho một người...”

-“Người đó thế nào để cha còn liệu?”

-“Thưa cha đó là một cha xứ đang bị cám dỗ phạm điều răn thứ sáu.” Bà Hạc nói thật nhanh.

-“Tôi hiểu rồi, bà cứ yên tâm vì không phải chỉ mình tôi mà cả cộng đoàn đan viện cầu cho cha ấy. Thế nhé.” Nói xong cha Pedro lại định đi thì bà Hạc hỏi tiếp,

-“Cha nghĩ con có nên trao đổi góp ý với cha ấy không?”

-“Tôi nghĩ có lẽ không nên, vì cha ấy có thể hiểu lầm bà là một giáo dân vừa kiêu ngạo vừa hỗn láo, trừ phi bà là người thân trong họ tộc có vai vế cao hơn cha ấy. Dù vậy tôi thấy cũng rất khó và tôi nghĩ là không nên. Ta phải nhờ Chúa và Đức Nữ Đồng Trinh Maria can thiệp thôi.”

-“Vâng con xin theo ý cha. Cha cũng nhớ cầu nguyện cho con và con gái con nhé!”

-“Được rồi, bà cứ yên tâm.”

Khi đan phụ Pedro đi rồi, bà Hạc thở dài nhẹ nhõm. Bà thật sự yên tâm vì đan phụ Pedro nổi tiếng là người đạo đức nên lời cầu khẩn của cha luôn hiệu nghiệm và cha được nhiều người nhờ cầu thay nguyện giúp. Đúng như câu nói của cổ nhân: “Linh tại ngã, bất linh tại ngã”, vâng nếu

cái ‘ngã’ hay bản thân người cầu nguyện sống đạo đức và đức tin chân thành thì lời cầu nguyện sẽ linh ứng điều lành.

Buổi chiều khi Trân xin phép mẹ đi tắm biển như đã dự định, bà Hạc bảo con ở lại cùng các bà trong hội con Đức Mẹ rửa chén bát, giặt khăn bàn để trả lại cửa hàng cho thuê. Trong lúc Trân đang rửa chõng ly uống bia, cô Ngát đến bên cô nói,

-“Cha phở muốn gặp riêng cô, ngài đang đứng đợi ở vườn cây lâu năm gần trạm gác cổng nhà thờ.”

-“Vâng tôi sẽ ra,” Trân nói trong lòng tự nhủ, “Rõ chán, chuyện gì mà gặp riêng đây.”

Mười lăm phút sau, Thúy Trân và Long Đạt cùng bước đi dưới bóng những cây cao. Vài con chim bay đuổi nhau riu rít, trong tiếng ve kêu râm ran tạo nên khung cảnh trữ tình cho câu chuyện. Đạt không giấu giếm chuyện ông luôn nhớ thương Trân dù vẫn biết đó là tình yêu vô vọng và bất khả, không phải vì luật đạo mà vì như Trân đã nói trong bức thư cuối cùng, “*em sẽ có người yêu thuộc một giới hoàn toàn khác anh: trần tục, đời thường, không siêu thoát và không bí tích*”. Phần Trân, cô luôn bám vào luật Giáo Hội buộc các linh mục phải sống khiết tịnh, lấy đó làm lá chắn trước sự cuồng si mê muội của Long Đạt, dù cô biết luật này có những điểm trái tự nhiên và vô lý. Sau cùng Long Đạt mĩa mai hỏi,

-“Hiện nay em đã tìm được người em mong ước chưa?”

-“Rồi, nhưng anh hỏi làm gì?” Sau một lúc ngần ngại, Trân dứt khoát đáp khi nghĩ đến Nghiêm Thục.

-“Hôm nào em dẫn ra đây cho anh biết mặt,” Long Đạt nói.

-“Để anh cảm ồ à?” Nói xong Trân thấy mình thất thố và rất sơ hở nên vội nói luôn, “Em nói đùa đấy, ý em là anh sẽ kéo ‘anh ấy’ đi tu.”

-“Ồn-gọi mà cảm ồ sao?” Long Đạt hỏi, vẻ khó chịu.

-“Em sai rồi, em xin lỗi.” Trân nói ngay, vẻ thành khẩn.

Đúng lúc bà Hạc tiến ra sân gọi Trân ra hiệu đã đến giờ cả hai phải đón xe về lại Sài-gòn. Lúc đó Long Đạt nói riêng với Trân câu cuối cùng trước khi họ chia tay,

-“Em về vui vẻ; nhớ bảo trọng. Phần anh sẽ luôn nhớ đến em trong cảnh lẻ loi cô độc.”

Vâng, trong ‘lẻ loi cô độc’ vì nhờ đan phụ Pedro cầu nguyện hai tháng sau gia đình Diên-Mão phải bán nhà dọn về Long Khánh sau khi cảnh sát kiểm lâm khám nhà họ và phát hiện Diên chứa gỗ lậu mà toàn là gỗ quý. Mão đau buồn rời xa giáo xứ, bỏ lại sau lưng cô mối tình vụng trộm với Anh Ba.

THỰC TẬP

Phân Trân trên chuyến xe đò chiều hôm ấy, khi bà Hạc hỏi cô cha phó nói chuyện gì trong khu vườn, cô thờ ơ đáp, “Cha chỉ hỏi con về việc học và các hoài bão của con.” Rồi bà im lặng để đánh giá chuyến đi mừng lễ Long Đạt nhận chức thánh được năm năm.

Lúc đầu bà Hạc tưởng sẽ có được niềm vui lớn, nhưng sau cùng thì vui ít buồn nhiều: vui vì ngày lễ kỷ niệm năm năm chức thánh và câu nói “người tôi yêu ở Sài-gòn” có lẽ chỉ là một lời nói đùa. Còn buồn vì Long Đạt đã lún sâu vào sự dâm dục và phạm lời khấn khiết tịnh của ơn gọi tu hành. Và lại tình dục nơi người có tiền và có quyền thường không phù hợp với tình yêu hiến ngĩa của Ki-tô giáo. Tuy nhiên giữa những vui buồn lẫn lộn ấy bà Hạc luôn nuôi một niềm hy vọng, đó là sự sám hối mà Long Đạt sẽ nhận được nhờ lời cầu nguyện của đan phụ Pedro và cộng đoàn Xi-tô của cha. Một người vô thần có thể coi đó là mê-tín, nhưng thánh Phaolô đã chẳng nói Thiên Chúa đã ban cho kẻ-tin một Hy vọng vượt quá mọi hy vọng. Dù sao nỗi buồn ấy làm cho bà mang nặng một nỗi trầm tư và sầu muộn và điều này chỉ biến mất khi ba tháng sau bà biết được cô Mão mà bà thường gọi là “yêu nữ dâm ô” đã bán nhà nộp phạt và rời đi khỏi giáo xứ.

Sau chuyến đi ấy hai tuần, Bác sĩ phụ trách lớp hướng dẫn lớp điều dưỡng và hậu trị liệu đi thực tập trong bệnh viện Hồng Đức ở Biên Hòa. Theo chương trình đào tạo thì năm học nào cũng có một đợt thực tập như thế. Hơn nữa năm nay là năm cuối trước khi tốt nghiệp.

Thúy Trân đi cùng lớp nhưng tâm trạng không vui, vì không có Nghiêm Thực. Cô này xin phép trường được nghỉ vì có giấy xác nhận của một bệnh viện cô có vấn đề nghiêm trọng về bao tử và đường ruột. Có một điều mờ ám là cha của Nghiêm Thực là bác sĩ phó giám đốc của bệnh viện ấy. Sự mờ ám này chỉ một mình Đan Phương biết được vì Đan Phương thường đọc tạp chí của ngành trong đó có các bài viết về kinh nghiệm lâm sàng và cả những bài thơ về y tế cộng đồng của vị bác sĩ phó giám đốc ấy.

Khi đến bệnh viện, các sinh viên được dành cho một khu riêng trong suốt thời gian thực tập. Đan Phương và Thúy Trân được bố trí chung phòng với ba cô khác và giường ngủ của họ kê bên nhau cách một lối đi nhỏ. Đây là phòng bệnh nhân mới được xây dựng thêm chưa đưa vào sử dụng vì còn thiếu bác sĩ. Sau khi đã ổn định chỗ nghỉ ngơi, Phương vờ ngạc nhiên hỏi Trân,

-“Sao mình không thấy Thực tham gia đợt thực tập này, Trân có biết tại sao không?”

Nhìn khuôn mặt trắng xanh, cái mông và bộ ngực thấp của Phương, Trân ngán ngẩm đáp,

-“Hình như Thực bị đau đường tiêu hóa gì đó. Cả tuần nay mình không gọi điện được. Ra khỏi lớp là Thực ‘biến’ rất nhanh.”

-“Vậy mà tôi qua trong quán cà phê Điềm Hẹn, mình thấy Thực và một anh chàng đẹp trai ngồi uống bên nhau, trông tình tứ lắm...”

Điềm Hẹn là nơi sinh viên hay đến vì gần ba trường đại học; nghe những lời ấy Trân muốn nổi điên dù có chút nghi ngờ,

-“Họ không thấy bò sao?”

-“Mình thường trong chỗ tối nhất mà. Nghe nói họ quen nhau từ thời học cấp ba. Anh ta theo gia đình qua Mỹ sau khi ngôi trường dạy anh văn của gia đình anh bị đóng cửa; qua đó họ rất thành đạt và giàu có...”

-“Thôi Phương đừng nói nữa, tôi chán nghe mấy chuyện đó lắm.” Trân xẵng giọng đáp. Đúng lúc tới giờ của bữa ăn đầu tiên mà bệnh viện chiêu đãi đoàn thực tập. Mọi người trong phòng lần lượt bước ra. Bên ngoài trong khuôn viên bệnh viện các trụ đèn đã được bật sáng.

Sau bữa ăn là nửa giờ họp ngắn với bác sĩ phụ trách để phân công cho ngày mai. Sau đó ai về phòng nấy, hoặc có thể đi ra con phố gần bệnh viện để mua sắm hoặc vào một quán cà phê nghe nhạc tiền chiến. Và Đan Phương đã kéo Thúy Trân vào quán Hương Xưa cách bệnh viện khoảng năm mươi mét. Sau khi gọi nước giải khát, Đan Phương cố ý nhắc lại chuyện Nghiêm Thực, cô nói,

-“Tối qua, khi mình nhìn rõ mặt bạn trai của Thực, mình thấy tội nghiệp cô ấy.”

-“Sao lại tội nghiệp cho Thực?” Trân vặn lại.

-“Vì dưới khuôn mặt bánh trai, quần áo sang trọng thanh lịch, mình bắt gặp một vẻ cường bạo và đậm đàng của một típ người hiệp đáp phụ nữ để thỏa mãn lòng vị kỷ của mình.” Phương nói với vẻ hoàn toàn quyết đoán.

-“Khoan đã Phương, mình e rằng nhận xét vội vàng của bạn sẽ không chính xác nếu không nói là sai lệch.” Trân ngắt lời và sự thật đúng như Trân nói bởi trong phán đoán đó, Đan Phương đã phóng chiếu hình ảnh mẹ cô, một nạn nhân của hôn nhân cưỡng bách vào Nghiêm Thực, vậy nên Đan Phương quả quyết đáp lại,

-“Trân ơi, mình nói không sai đâu: anh ta là mẫu người khiến mình phải ghê tởm và buồn nôn. Thế nên mình thương hại bạn Thực của chúng ta nhưng mình cũng trách bạn ấy đã xem nhẹ lòng mến yêu mà Trân dành cho bạn ấy.”

Những lời này làm Trân thờ dãi cúi đầu vì đúng là giữa hai người có một tình yêu bí mật, trong lúc Đan Phương lấy bàn tay cô nắm lấy bàn tay Trân trên mặt bàn ve vuốt và nói tiếp,

-“Giá mà mình có được tình yêu như của bạn, mình sẽ vô cùng trân trọng...”

-“Thôi mình về khuya rồi!” Trân rút bàn tay lại, đứng lên; sau đó Phương cũng đi theo. Họ im lặng theo con phố vắng người, lộng gió và đi về nhà khách trong bệnh viện. Phần Trân, cô tự nhủ phải khám phá cái lý do đã khiến Đan Phương thù ghét đàn ông, hết thấy đàn ông trong khi Phương rất dễ dàng thương cảm với các phụ nữ chân yếu tay mềm. Đến khi đợt thực tập gần đến ngày kết thúc, Phương mới thỏ thẻ kể lại Trân nghe câu chuyện hôn nhân cưỡng bách của mẹ cô. Hôm đó, ngồi trên giường Trân, lưng dựa vào vách phòng quét vôi vàng, Trân im lặng lắng nghe, một tay ôm Phương vào lòng, một tay lau nước mắt của Phương với cái khăn giấy vuông,

thình thoảng lại nói một vài câu như, “Có lẽ đàn ông đều thế cả, họ sử dụng phụ nữ mình như một cái-cớ để khẳng định bản thân họ, để tỏ uy quyền và tình yêu tự kỷ của họ. Chán lắm!” hoặc “Chính họ đã đưa tội lỗi vào thế gian như chiến tranh, giết chóc, diệt chủng, chiếm đoạt vợ và con gái của kẻ thù vậy mà họ đổ vấy cho phụ nữ, thế nên phải có một đàn ông để cứu nhân loại và người đàn ông này biết tôn trọng phụ nữ, còn được một trinh nữ giúp đỡ mới hoàn thành sứ vụ.” Suốt đêm đó, họ ôm nhau như thế và ngủ thiếp cho đến sáng hôm sau.

Dù sao, một nỗi hờn trách ‘đối tượng’ Nghiêm Thục đã bắt đầu dày vò Trân, cô định sẽ hỏi Thục cho ra lẽ: Phải chăng Thục đang trọng phú khinh bần khi chạy theo một anh chàng Việt kiều giàu có. Phải chăng có cả ước muốn thâm kín của Thục tìm cách qua Mỹ để hưởng thụ vật chất và bầu khí tự do, để trở thành một bác sĩ nổi tiếng sau thời gian được đào tạo lại. Nhưng như thế có nên không khi Thục phải trả giá đắt, phải trở nên kẻ nô lệ dục tình cho một anh chàng ‘dâm đảng và cường bạo’ như lời Phương nói. Tóm lại những nhận định của Phương không phải là vô lý và rất có thể xảy ra. Phong kiến Á Đông với Khổng tử ngất ngưỡng trên tể đàn, đã tạo ra những bề tôi và nô lệ tốt: đối với vua là triều thần, với cha là con, chồng là vợ, với kẻ giàu là người nghèo, với kẻ mạnh là người yếu. Cái tôn ti ấy quả là sản phẩm thâm độc của đàn ông.

Khi Trân hỏi Phương mẹ bạn cô góa chồng khi mới ngoài ba mươi tuổi lại có nhan sắc phải chăng sẽ tái giá, Phương đáp mẹ cô qua một cuộc hôn nhân ép buộc giờ đây như một con chim bị trúng tên sợ cành cây cong nên không nghĩ đến việc đi thêm bước nữa mà bà nghĩ rằng chỉ kéo dài nỗi đau khổ và sự lãnh cảm. Trước mắt họ hàng, bà dường như đang “thủ tiết thờ chồng” và nuôi con dù có những ông trung niên đang hoàng đứng đắn đến cầu hôn. Phương nói tiếp cô thật sự không muốn mẹ cô tái hôn không phải vì cô sợ mất đi tình thương của mẹ nhưng vì cô xót xa cho cha dượng nào đó của cô chắc chắn về sau sẽ thất vọng vì cô biết chắc với cuộc hôn nhân cưỡng bách đầu tiên, mẹ cô đã hoàn toàn đánh mất ý nghĩa của hạnh phúc trong hôn nhân, đánh mất mãi mãi như một thai nhi chết yểu. Sự “thủ tiết thờ chồng” của mẹ cô hoàn toàn thụ động. Vâng, tổn thất lớn nhất của mẹ cô vì cuộc hôn nhân đầu đời cùng với sự cưỡng dâm là mẹ cô đã đánh mất khả năng yêu thương và được yêu thương bởi một người đàn ông nào khác. Và lại phải chăng hạnh phúc là được mãn nguyện trong việc mình yêu và được yêu một người nào đó. Vì thế Đan Phương không muốn người chồng thứ hai (nếu có) của mẹ cô phải hứng chịu mọi ác cảm mà mẹ cô đã dồn nén đối với cha cô trong vô thức và chuyển dịch vào người ấy khi mà người ấy muốn chân thành kết thân với mẹ cô và khao khát có được một hạnh phúc bình thường. Qua bi kịch gia đình mà Phương kể lại, Trân khám phá một nghịch lý: Đan Phương hoàn toàn đồng nhất với mẹ cô và cái phần vô thức của Đan Phương là hình chiếu vô thức mẹ cô thì cô hoàn toàn không nhận biết.

Có một sự thật nào đó trong câu chuyện Phương kể lại với Trân về Nghiêm Thục. Cô này không hề bệnh tật mà ở lại nhà đến đón Triệu Vũ, bạn trai Nghiêm Thục và bố mẹ anh từ Mỹ về lại Việt Nam, đến nhà cô cùng với nhiều lễ vật đắt tiền cho nghi thức đám-ngõ. Trong buổi gặp ấy hai gia đình cũng dự định sẽ chính thức làm lễ cưới cho hai con họ Triệu Vũ và Nghiêm Thục.

&

Sau đó nửa tháng, gia đình Triệu Vũ tổ chức một chuyến đi chơi Đà Lạt vì bố Vũ từ ngày qua Mỹ vẫn ao ước về thăm lại trường xưa Yersin của ông. Nhân dịp này bố mẹ Vũ đã xin phép bố mẹ Thục cho cô và em gái cô được đi cùng. Sau hai ngày tham quan những cảnh đẹp trong thành phố như trường Yersin, thác Cam Ly, Thung lũng Tình Yêu. Sáng ngày thứ ba họ đi thăm thiên viện. Nơi đây quý gôi bên cạnh Triệu Vũ, Thục cầu xin Trời Phật phù hộ và chúc phúc cho cuộc hôn nhân này của cô để sau cùng cô sẽ được qua Mỹ thực hiện “giấc mộng Mỹ quốc” của cô. Có một lúc cô thấy một thiếu nữ đứng gần chái điện, khuôn mặt và dáng người như Thúy Trân nhìn đắm đắm vào cô như trách móc. Cô vội ra khỏi chái điện đến dưới gốc cây mimosa đang nở hoa vàng, nơi Vũ đang đứng. Tối hôm đó trong phòng khiêu vũ của khách sạn, Vũ đã ôm eo Thục dìu cô ra sàn nhảy với điệu slow bên cạnh cha mẹ chồng tương lai với những bước chân hơi cứng nhưng vẫn còn điệu nghệ. Đến bản nhạc thứ tư điệu Tango, Triệu Vũ áo vét thắt nơ cánh bướm ép sát người vào Thục có những lúc, đùi Vũ dính sát vào đùi Thục phờ ra như bạch ngọc dưới chiếc áo đầm. Qua bản nhạc thứ năm, Vũ nói với Thục, “Mình uống tí gì đi.” Họ tiến về quầy bar ở đó Vũ đã gọi hai ly Whisky nhưng đã nhanh tay đổ thêm một nửa rượu trong ly anh vào ly Thục. Tất nhiên là Thục không thấy động tác chuốc rượu ấy của Vũ, sau đó Thục kêu mệt và muốn trở về phòng. Vũ đưa Thục vào phòng của anh, đặt cô nằm ngửa trên giường hai cẳng chân còn chạm đất. Cô đã thấy hơi say và để yên cho bạn tình hành động: Anh cởi đôi giày nhảy của cô, rồi đôi môi ham hố của anh hôn ngược từ bàn chân qua vùng hang, dúi đầu vào đó rồi đi dần lên tận cái cổ dài. Và khi trên người Thục chỉ còn cái váy lụa hồng vén gọn thành một vòng lụa cuộn quanh eo, trên và dưới vòng eo đó da thịt của Thục trắng mịn phơi bày, Vũ hăm hở chiếm đoạt cô. Anh bấu các ngón chân vào sàn nhà bằng gỗ sơn bóng, nhịp nhàng tới lui nhún nhảy cho đến lúc khoái cảm xâm chiếm người cô làm cô ra khỏi cơn say và bắt đầu rên rỉ, trong lúc Vũ hôn hển, “Anh đang yêu em cùng cực đây này em yêu...” Cùng với lạc thú trào dâng cô đưa hai tay trước đó buông thõng bầu chặt lưng Vũ. Và lại cơn say làm cho Thục không cảm nhận một vài đau đớn lúc ban đầu và sự thô bạo trong từng động tác vuốt ve và xâm nhập, điều mà Thục chỉ thấy dịu ngọt khi âu yếm với Trân. Đêm hôm đó Thục ngủ lại phòng Vũ lần đầu trong số mấy lần sau đó trước khi họ về lại Sài Gòn. Sự hiến thân này cũng là một phần của “giấc mơ Mỹ quốc” đầy mê hoặc của cô.

CHUYẾN ĐI CHƠI MIỀN BIỂN

Sau đợt thực tập và về trường học lại, Trân gặp lại Thục và chất vấn Thục về việc cô này đã cùng Vũ đến quán nhạc Điềm Hẹn như lời Đan Phương kể lại. Nghiêm Thục nói rằng tối đó cô cảm thấy trống vắng cô đơn với nỗi nhớ thương Trân da diết. Thục nói dối vì tin chắc Trân không hề biết chuyến đi chơi Đà Lạt của Thục với gia đình Vũ. Thục còn nói rằng Vũ chỉ là hình nộm thay cho Trân giúp Thục đùa vui một trò chơi tình cảm; một ‘cơ hội’ để giải khuây. Sau cùng Thục nói,

–“Trân ơi, đừng nói Thục bội tình, bạc nghĩa. Làm sao Thục bội tình Trân khi mà Trân là suối nguồn yêu thương của mình và nỗi nhớ của mình về bạn thì bao la vô tận.”

Và để chứng minh lòng thành, Thục hẹn Trân tối hôm ấy qua nhà Thục như bao lần hẹn trước đây. Rồi trong khi chờ đợi lấy bằng bác sĩ điều dưỡng cuối khóa, hai người còn hẹn nhau đi tắm biển mấy ngày và theo gợi ý của bà Hạc đôi bạn ấy về ở tại nhà khách của giáo xứ Phúc Châu thay vì phải thuê phòng trọ. Bà Hạc còn nói với con hãy dùng tiền thuê phòng để mua quà tặng Long Đạt, hiện nay đã trở thành chính xứ sau khi cha già đã phải về hưu.

&

Phải nói rằng nhà khách với năm phòng sang trọng đầy đủ tiện nghi như một motel hạng sang là di sản mà cha già để lại cho Long Đạt. Long Đạt đóng góp nhiều lúc khởi công với ngoại tệ mà bạn ông ở nước ngoài gửi về. Với tư cách chủ đầu tư, cha già thu được một món hời từ việc xây dựng ấy vì được các giáo dân giàu có trong giáo xứ như các chủ ghe đánh cá ngoài khơi xa, các chủ trại nước mắm với hơn chục thùng gỗ to ướp cá. Họ đóng góp rất hào phóng nên khi công trình hoàn tất, cha già còn đòi ra một khoản tiền gần bằng nửa giá trị công trình. Và từ nay dưới sự quản lý của Long Đạt, nó sẽ trở thành một motel với giá cả hợp lý cho dân đi nghỉ mát ở vùng biển này. Nó có một cổng chính riêng và một cửa phụ thông với khuôn viên nhà thờ. Trân và Thục sẽ ra tắm biển ít nhất là bốn ngày ở đó.

Khi xe gần đến Ngã Ba Lò Vôi, ngồi trên xe Trân đã nhìn thấy từ xa tháp chuông của nhà thờ Phúc Châu, một khối chữ nhật xi măng cốt thép trên cùng có một cái nóc nhọn bằng ngói đỏ. Cả cái khối màu gạch cua ấy như một ngón tay chỉ lên bầu trời nơi thiên đàng mà mọi người trong giáo xứ ngưỡng vọng và mong muốn là bến đỗ khi họ từ giả kiếp sống này. Qua những hàng cây bạch đàn, tháp chuông đứng vững vàng, mạnh mẽ, kiên định sáng rực trong ánh nắng như lòng tin kiên định của đám dân nghèo gốc Bắc di cư giữa những thay đổi bấp bênh như những cành cây chạy lùi lắc lay trước gió. Những ngày lễ lạc, tiếng chuông reo vang, vui tươi hơn hờ, trên cả tiếng cười và tiếng khóc trong những ngôi nhà thấp của giáo dân đang nghe chuông đổ, đó là lúc họ tự hỏi hoặc hỏi nhau mấy giờ thánh lễ bắt đầu. Không như tiếng chuông chùa trầm buồn và ray rứt nhắc người ta về tính-không ắn tàng trong mọi vật, tiếng chuông từ tháp chuông Phúc Châu trong trẻo cao vút, rộn ràng lan tỏa như được phát ra từ cõi siêu nhiên, bên kia ranh giới cõi đời này để nói về sự hiện diện của tinh thần ắn tàng trong những sự vật thấp kém nhất. Đó là âm thanh mà Thần Khí phát ra khi đang bay lượn trên mặt nước hỗn mang với đôi cánh của Ngài. Rồi trong sự hỗn mang ấy, hình ảnh ngày lễ kỷ niệm phong chức lại hiện về, cả hình ảnh Trân và Long Đạt dưới vườn cây lâu năm nơi anh đã nói đến tình yêu đơn phương và dai dẳng của mình với cô như một dấu ấn không phai.

Trân chỉ ngừng lại những suy tư bất chợt ấy về tháp chuông với âm thanh của niềm hy vọng bao la, không bờ bến khi chuyến xe dừng lại trước con đường trải sỏi dẫn thẳng vào cổng nhà thờ. Linh mục chính xứ đón chào nghĩa muội và cô bạn gái với sự vui vẻ ân cần. Sau đó đích thân ông dẫn hai cô qua nhà-khách từ cái cổng nhỏ bên phải khuôn viên nhà thờ đến một phòng ngoài cùng sát với khuôn viên. Có lẽ là phòng dành cho các thân hữu của cha xứ. Ông đẩy cánh cửa vừa mở khóa nói họ cất hành lý và nghỉ ngơi và hẹn gặp lại họ trong giờ ăn trưa.

Bữa trưa, Trân và Huyền qua nhà xứ ăn cơm với nghĩa huynh Long Đạt. Phòng ăn của quý cha kê bên phòng khách với cái bàn gỗ lim hình chữ nhật dài, ở một góc phòng có kê một bàn nhỏ chân quỳ để bình nước và khay tách, gần đó có đôi găng tay đánh bốc treo trên song ngang cửa sổ. Long Đạt ngồi ở một đầu bàn, Trân và Huyền ngồi ở hai bên. Chị Ngát phục vụ cho cả ba người, chị nhận ra Trân ngay và khen cô đẹp hơn trước đây; Ngát còn nói Trân sẽ đẹp hơn nếu cô bỏ kiểu tóc ngắn con trai và chọn kiểu tóc dài bôm sư tử của Thục. Trong câu chuyện giữa bữa ăn Long Đạt biết được thành quả học tập của Trân và khen ngợi cô cũng như cô bạn đi chung. Giọng ông chậm rãi và từ tốn và như một công chức gương mẫu lâu năm trong nghề, ông có vẻ mệt mỏi và buồn chán với công việc. Phải chăng ơn Chúa đang cạn dần trong ông. Có một lúc ông dừng lại nhìn Trân nửa trù mến, nửa sâu muộn hỏi,

-“Còn em khi nào em cho anh uống rượu và nếu được làm phép cưới cho em như với chị Thúy Hằng?”

-“Em không biết nữa; có thể là không bao giờ... Có lẽ em ‘ế’ mất rồi anh ạ.” Câu nói này của Trân làm Thục phải nhướn miệng cười.

-“Em ‘ế’ hay là em chê bỏ đàn ông, nhất là những người dốt nát không học cao như em; người ta vẫn nói những cô học cao khó lấy chồng.” Long Đạt trừng mắt với Trân và nói. Lúc đó, Thục chen vào nói,

-“Không chỉ những người dốt nát mà hết thầy đàn ông.”

-“Có thể như thế sao?” Long Đạt cười hỏi vì nghĩ đó là câu nói đùa của Thục, trong lúc Trân lấy chân đá nhẹ vào chân Thục dưới gầm bàn như dấu hiệu bảo Thục đừng lảm chuyện. Thế nhưng cô này vẫn nói tiếp,

-“Em hiểu lý do rất chính đáng của chị Trân: đàn ông hay ý vào sức mạnh và tháo vác trời cho để hiếp đáp phụ nữ nhân danh đủ thứ như vua, cha, gia trưởng v.v...”

Lúc này Long Đạt quay sang nhìn Thục, cười nói,

-“Cũng đúng nhưng đó là tàn tích của văn hóa trong quá khứ. Nếu ngày nay có những bất công đó xảy ra, hai em hãy tha thứ cho họ.” Từ ngữ “hai em” trong câu làm cho câu nói của Long Đạt không làm câu nói mất đi sự giáo huấn. Lúc này ông mới nhận ra ý nghĩa chữ “đối tác” mà Trân đã gán cho ông một tội kia đã lâu rồi trong quá khứ.

Sau khi ăn xong miếng đu đủ tráng miệng, Long Đạt đứng lên một mình làm dấu thánh giá và nói sau bữa ăn, ông sẽ dẫn hai cô khách đi tham quan một vòng nhà xứ, nhà khách để họ thấy vài công trình mà cha già và ông đã xây dựng làm cho giáo xứ ngày một khang trang. Nói xong ông bước lại góc phòng rót nước trà để uống, theo sau là Trân. Rồi hai người đứng qua một bên nhường chỗ cho Thục, lúc đứng bên nhau uống nước, Trân giả vờ ngây thơ hỏi,

-“Anh cũng tập quyền-anh sao?”

-“Ừ để phòng thân và tự vệ ấy mà.” Long Đạt đáp, âu yếm nhìn Trân, một cảm xúc lâng lâng trào lên trong lòng ông như lần ông hôn cô như một ‘đối tác’. Ông vẫn nghĩ đó là nụ hôn đầu tiên và cuối cùng của một tình yêu vô vọng.

Và vì Trân cứ hỏi tiếp, Long Đạt phải kể lại cái lý do khiến ông phải tập chút ít quyền-anh: mấy năm gần đây, trong số những giáo dân từ Bắc vào Nam kiếm sống và gia nhập giáo xứ ông, có một nhóm côn đồ chuyên làm ăn phi pháp. Khi họ nghe cha giảng về đạo đức xã hội như không được bán hàng giả, cân đo không đủ, nuôi heo bằng thuốc tăng trọng bị cấm, bơm nước vào heo khi giao cho thương lái, giữ tươi thủy sản bằng phân u rê, nấu rượu bằng cồn v.v... thì nhóm côn đồ ấy đã tức giận gởi thư nặc danh hăm dọa sẽ trùm mền đánh hội đồng hoặc “xin cha tí huyết” nếu ông-cha còn lải nhải các bài học đạo đức xã hội ấy. Vì thế anh phải tập vài miếng võ để phòng thân. Nghe những lời ấy, Trân bỗng cảm thấy thương cảm trước trường hợp mà cô chưa bao giờ nghĩ đến: đàn ông ăn hiếp và xử bất công với đàn ông. Cô nói:

-“Em nghĩ anh nên thôi giảng về đạo đức xã hội mà tập trung giảng về tín lý hay tín điều vô thưởng vô phạt thôi. “*Ôm rom chi cho năng bụng*, anh cứ làm thần học “mì ăn liền” hoặc trà-bài thần học của chủng viện cho giáo dân như bao cha xứ khác vẫn làm cho khỏe cái thân.”

-“Anh không thể làm thế được vì càng khỏe thân càng không thật sự làm giáo dân trở nên hoàn thiện. Bài giảng của anh phải thiết thực vì nếu lấy bầu da cũ đựng rượu mới hay nói cho dễ hiểu lấy văn hóa cổ truyền thống chuyển tải chân lý đức tin thì thật là sai ý Chúa.”

-“Vâng anh nói rất đúng,” Trân cúi đầu đáp, trong lúc Long Đạt nói tiếp,

-“Bây giờ mình đi tham quan một vòng đi để em thấy xây dựng đền thờ bằng gạch đá dễ hơn xây dựng đền thờ trong tâm hồn rất nhiều.”

Sau khi đi tham quan nhà thờ, nhà xứ và nhà khách vừa kiên cố vừa mỹ quan, Trân và Thục về lại phòng nghỉ trưa, đến ba giờ chiều họ theo chị Kim Ngát đi tắm biển. Chị Ngát tắm biển với quần đùi dài tận gối và áo lá vải dày có lúc phải dừng lại ngấm thân thể với các đường cong mỹ miều của Trân và Thục. hai cô này mặc áo ngực vải hoa, quần tắm ngắn tới tận phía trên đùi làm nổi rõ cặp chân dài thanh tú của họ. Điều làm chị Ngát ngạc nhiên là họ bơi riêng ra cách xa đám đông. Họ luôn dính vào nhau, khi thì ôm chầm nhau dưới nước biển xanh, khi thì hai chân quấn vào nhau, cười vui và nhìn nhau đắm đuối trên sóng biển dập dềnh.

Bữa ăn chiều bắt đầu hơi muộn vì sau thánh lễ chiều, Long Đạt còn phải họp với hội Con Đức Mẹ để ban lời giáo huấn. Trước khi ngồi vào bàn Long Đạt tặng cho Trân và Thục một bức hình cũ chụp ông đang dâng của lễ trong thánh lễ mở tay; bên dưới có dòng chữ mà ông lấy làm châm ngôn cho đời mục vụ của ông: *Vâng lời Thầy, con thả lưới*. Trong lúc ăn Trân hỏi một câu châm chọc,

-“Em xin phép hỏi anh về câu châm ngôn trong hình chụp...”

-“Hỏi đi.”

-“Anh thả lưới nhưng để lưới người giàu hay người nghèo vậy?”

-“À ừ, câu hỏi hay và độc địa đấy. Khi anh còn ở chủng viện anh luôn tâm nguyện sẽ ưu tiên phục vụ người nghèo và lý tưởng phục vụ ấy cũng được bao hàm trong câu châm ngôn mà anh chọn. Nhưng khi về coi xứ, anh gặp người giàu là chính: ngoài việc đến xin lễ với bổng lễ hậu hỉ, họ còn mang tiền đến hỗ trợ để xây dựng, mua sắm trang hoàng cho giáo xứ hoặc cho các cha có tiền bồi dưỡng sức khỏe và tinh thần, đó là chưa nói quà cáp, hiện vật. Người nghèo vì thế ngày càng xa vời mù mịt. Thế nhưng anh vẫn kiên trì lý tưởng ban đầu bằng cách thay mặt người giàu chia sẻ lại cho người nghèo.”

-“Vậy linh mục không có khuyết điểm nào sao?” Thục rụt rè hỏi.

-“Có chứ nhưng cũng không nên nói ra.” Long Đạt cau mày nói khi nghĩ về sự dan díu của ông với Kim Mão trước đây. Sau này ông không tìm đối tượng khác vì hình ảnh của Trân mà ông muốn trung tín ngày càng lớn lên trong trái tim ông. Một tình yêu trong mộng. Rồi để đáp trả Trân, ông hỏi lại cô,

-“Nếu Trân là linh mục, Trân chọn câu châm ngôn nào?”

-“Em mà làm linh mục, một kẻ ghét đời tu như em?” Trân nói đúng vì có lần Bà Hạc, mẹ cô khuyên cô đi tu, cô từ chối và đáp lại bằng câu ca dao: *“Tu đâu cho bằng tu nhà/Thờ cha kính mẹ hơn là đi tu”*.

-“Cứ giả dụ thế đi; cứ giả dụ Trân làm linh mục và phải chọn cho mình một châm ngôn.” Long Đạt nài nỉ Trân, cô này cau mày mấy giây rồi nghiêm trang nói,

-“Em sẽ chọn câu: *‘Thầy đến không ban cho anh chị em bình an mà ban cho grom giáo’*.”

Nghe những lời ấy, Long Đạt dựng tóc gáy vì ông nghĩ nếu dùng grom giáo thì bọn côn đồ trong giáo xứ đã bị ‘xử’ từ lâu rồi. Kể đến là những thành phần theo đạo dờ dờ ương ương khác. Nhưng khi vô thức đề nghị câu nói ấy với Trân, nó đã hợp lý hóa khuynh hướng đồng giới của cô như một thanh grom trần cô phải đeo theo trong người hoặc như cái giẫm trong da thịt của Phao-lô. Một ẩn số mà không ai lý giải được.

Dù sao sau bữa ăn tối, Trân và Thục về phòng và trải qua một đêm hạnh phúc và hoan lạc. Môi họ gắn vào nhau, tay họ vuốt ve nhau trên từng ô da thịt cùng với tiếng kêu rên mê sảng. Quá nửa đêm họ trần truồng ôm nhau đi vào giấc ngủ.

THÁCH ĐẤU

Sáng hôm sau trong lúc Trân đang tắm rửa, chị Ngát đến tìm Thục vì có điện thoại gọi đến cô. Khi cầm ống nghe lên, Thục nhận ra ngay giọng nói của Triệu Vũ. Anh báo tin gia đình anh lại về Việt Nam để tiến hành đám cưới ngay vì Thục đã tốt nghiệp và gia đình anh cũng đã bố trí

việc làm cho cô bên Mỹ. Triệu Vũ sẽ thuê xe hơi ra Long Hải để đón cô về ngay chiều nay tại Dinh Cô lúc ba giờ chiều. Anh cũng úp mở nói có khả năng hai người sẽ ra Vũng Tàu chơi một tối rồi hôm sau sẽ về sớm. Dĩ nhiên Thục phải đồng ý theo Vũ trở về, bỏ ngang chuyến đi với Trân, nhưng cô bối rối không biết phải nói thế nào với Trân. Sau cùng cô nghĩ phải giữ kín việc này với Trân và sẽ đặt Trân trước một sự đã rồi, giao Trân lại cho nghĩa huynh mà cô đã thấy có những lúc ông này thường hay nhìn Trân đắm đuối. Khi Thục về lại phòng từ cuộc gọi, Trân hỏi,

-“Ai gọi vậy *my darling* [em yêu]?”

-“Có người gọi lộn số cái cô Thục chết tiệt nào đó, chán thật.”

Trân cười nói một câu an ủi, sau đó họ đi ăn sáng không có Long Đạt vì sáng sớm ngay sau thánh lễ ông phải đi thăm kẻ-liệt nhưng ông đã bố trí xe chờ Trân và Thục đến đài Đức Mẹ ở đồi cát hàng dương Phước Tĩnh cách đó năm cây số. Dưới tượng Đức Mẹ đội khăn choàng xanh da trời, áo chùng trắng, họ vui vẻ cười nói, ôm nhau lăn lộn trên cát trước khi ra biển tắm. Sau đó lúc mười một giờ rưỡi, họ lên xe về lại Phúc Châu.

Ở nhà khách, lúc Trân đang tắm lại nước ngọt trong phòng tắm, Thục xách va ly của cô ra khỏi phòng đặt sẵn vào trong đám cây mật gấu nở hoa vàng bên trong tường rào. Rồi trước khi đi ăn trưa, cô viết vội ít dòng vào một mảnh giấy. Sau bữa ăn cô về phòng âu yếm một lúc với Trân rồi giả vờ nhắm mắt ngủ để chiều còn đi thăm Dinh Cô. Nhưng khi thấy Trân đã lim dim ngủ, cô đặt mảnh giấy lên bàn, rón rén ra khỏi phòng đi thẳng đến tường rào rồi chuồn ra khỏi cổng, đi xe ôm ra Dinh Cô, leo lên chiếc xe Camry màu trắng ngồi cạnh Vũ ở băng sau. Vũ nắm lấy tay Thục nhìn âu yếm trong lúc bảo tài xế cho xe chạy ra Vũng Tàu. Đôi bạn tình đã hứa hôn sẽ qua một đêm hoan lạc ở một khách sạn; sáng hôm sau họ sẽ về lại Sài-gòn như Vũ đã dự trù.

Phân Trân, cô đã ngủ quên sau một buổi sáng chạy chơi trên đồi cát hàng dương, lúc ba giờ cô giật mình thức dậy vội quơ tay tìm Thục nhưng cô này đã đi khá lâu. Đọc xong mảnh giấy trong đó Thục viết: “*Ba mẹ gọi mình về gấp có việc nên không thể ở lại với Trân. Buồn ghê, nhưng chúng mình sẽ gặp lại. Trân đừng giận mình nghe, Thục lúc nào cũng yêu Trân.*” Trân vò nát mảnh giấy, ném vào góc phòng giận dữ, nước mắt lưng tròng. Đây quả là một cú sốc đối với Trân: cô ngồi co người, ôm hai chân, đầu gục trên hai đầu gối thổn thức trách mắng Thục là kẻ bạc tình, bội ước. Sau đó cô vùng vằng đứng dậy lôi va ly từ trong tủ xếp áo quần và vật dụng, cương quyết rời khỏi nơi này để ra về gặp lại Đan Phương. Rồi một tay cô kéo chiếc va ly có bánh xe, một tay cầm gói quà cho Long Đạt mà cô quên trao lại khi đến, cô đi tìm ông để nói lời từ biệt. Cô đi như thế một vòng quanh nhà thờ và một vòng quanh nhà xứ mà không thấy Long Đạt đâu. Khi gặp được ông ở gần tháp chuông, đúng lúc chuông đổ báo hiệu lễ chiều, cô nói cô về ngay chiều nay, ông cầm lấy gói quà rồi nói,

-“Sao em vội vàng thế và lại trời sắp mưa to, cứ mặc kệ cô Thục đó, hãy ở lại đây rồi sáng sớm hãy về sớm.”

-“Cô ta thất hứa và gạt em, ở lại một mình em không chịu nổi phải về ngay.”

-“Vây ở lại tối nay thôi, mai về sớm anh quyết như thế rồi, đừng cãi.” Long Đạt nói giọng gắt gỏng.

-“Nhưng với một điều kiện,” Trân bực tức nói.

-“Điều kiện gì?”

-“Anh phải hạ em đo ván trong một trận đấu vật.”

-“Trân điên à?” Rồi vì chỉ còn năm phút đến giờ lễ mà ông phải cử hành, Long Đạt nói vội, “Thôi được làm lễ xong, anh sẽ đến phòng em.”

&

Đúng năm giờ mười lăm, Long Đạt đến phòng Trân, cô mặc đồ bộ vải hoa vàng hình như hoa thược dược. Ông ngồi vào cái ghế duy nhất trong phòng và nói,

-“Anh thắc mắc tại sao Thục bỏ về lại trở thành rất nghiêm trọng với em?”

-“Em coi đó như một sự bội ước...”

-“Vây anh có thể an ủi em được không: em nói rõ hơn một tí sự bội ước đi,” ông cố tình không nhắc đến lời Trân thách đấu.

-“Sao an ủi dễ thế; anh không an ủi được tôn thương này đâu. Đánh vật nhau đi để em còn về.”

Thấy khó lay chuyển được Trân, Long Đạt buột miệng nói, “Em đúng là gươm giáo Chúa trao, được rồi... đánh vật nhau thôi.” Nói rồi ông dẫn Trân vào một phòng trống chưa được trang bị nội thất. Dù vậy hình như đây là phòng Long Đạt tập quyền anh vì có một chiếc chiếu to trải trên sàn gạch trắng men và ở một góc phòng có một vài dụng cụ tập thể hình. Dưới ánh sáng lờ mờ từ hành lang hắt vào các ô tò vò sát trần, hai người sẽ bắt đầu cuộc giao đấu. Với tất cả sự tự tin về môn nhu đạo mà thỉnh thoảng cô vẫn tập luyện, Trân ra điều kiện: Nếu cô thắng thì từ nay về sau nghĩa huynh không được xưng mình là cha với bất cứ giáo dân nào trên mười lăm tuổi và không bao giờ được đến gần các thiếu nữ một khoảng cách dưới ba mét; ngược lại nếu nghĩa huynh thắng Trân thì cô sẽ ở lại đến sáng ngày mốt và phải để anh an ủi cô nếu thật sự cô cần an ủi. Nghe xong Long Đạt thờ ơ đáp lại, “Sao cũng được,” vì ông coi đây không hơn một trò điên khùng trái khoáy của Trân, xem ra cô nghĩa muội này có ‘vấn đề’ về tâm lý. Vả lại ông không mất gì cả khi thua: ông đã luôn xưng em hoặc con với các giáo dân lớn tuổi và xưng anh với các thiếu nhi; ông chỉ còn phải điều chỉnh khoảng cách với các bà các cô xa hơn ba mét. Điều này đối với ông cũng chẳng khó gì trừ khi họ chủ động đứng sát vào ông thì chịu thôi, có Trời mà cản được.

Bắt đầu giao đấu họ bước vào chiếu, hai tay duỗi thẳng bắt vào nhau. Trân muốn ra đòn và hạ gục đối phương sớm nhất nên sau vài động tác lắc sang trái rồi sang phải, cô vào đòn-chân làm Long Đạt ngã bật ngửa trên chiếu, hai vai còn cách đất khoảng ba tấc. Cô đổ nhào theo lấy hai

khủy tay đè cho vai đối thủ chạm đất, nhưng Đạt đã kịp nghiêng người nên chỉ một khủy tay trúng vai và một vú nịt chặt của cô đè trên ngực Đạt; lúc này ông đã ngồi dậy gạt mạnh khủy chân cô khiến cô ngồi bệt xuống chiếu ngang hàng với ông. Bất chợt cô thấy có bóng một thằng lùn đầu to lơ thơ vài chùm tóc hung đỏ; bóng nó xám nhạt mờ ảo như sương đang trợ lực đánh giúp Long Đạt. Hắn vừa đỡ lưng cho Đạt dễ dàng ngồi dậy. Trong lúc xoay người đối diện nhau, Đạt khen Trân đã ra đòn rất ‘tuyệt chiêu’, Trân nhìn thấy trên trán thằng lùn có đeo một vòng lụa đỏ, ở giữa trán có gắn một ngôi sao vàng trông giống cái vòng Kim cô của Tôn Ngô Không lúc đi theo Đường Huyền Trang qua Tây Trúc thỉnh kinh. Sau đó hai người kéo nhau đứng dậy để vào vòng đấu tiếp theo. Trong vòng này, Trân ra đòn-hông kết hợp với đòn chân nhưng đều không thể kết thúc được. Trái lại ở vòng ba khi ngã xuống từ một cú đạp, Đạt đã bật dậy ngay và xoay người ôm lấy eo Trân từ phía sau lưng cô vật mạnh xuống, rồi với sức nặng của cả thân trên Đạt nắm hai vai cô đè xuống, cô co khủy tay lại để giữ đôi vai lại và tìm cách xoay người nhưng không thể được vì lúc này thằng-lùn đang ngồi trên cổ Đạt, hai chân thông ra trước vai ấn xuống sau gáy Đạt để tăng thêm sức đè làm đôi vai tròn của cô hạ thấp dần xuống chiếu. Phần dưới rốn của thân cô cũng không thể nẩy đạp. Vì hai chi dưới của Đạt, thêm chi giữa hoành tráng áp sát vào khu tam giác của cô khóa chặt Trân đành thả khủy tay, hai vai nằm sát vào mặt chiếu, cô lắc đầu đỏ mặt nói: “Em thua rồi.” Lúc đó cô muốn khóc, cô nằm dài bất lực ở đó không buồn ngồi dậy mãi cho đến lúc Đạt sửa lại quần áo đến kéo cô ngồi dậy và nói, “Anh sẽ chờ em ở phòng ăn”. Nói xong ông bước ra khỏi phòng khi đến góc dãy nhà, ông gặp chị Ngát tìm ông vì đã tới giờ cơm tối. Ông đi trước chị Ngát theo sau cả hai đến phòng ăn; ở đó ông ngồi chờ Trân đến.

Mười phút sau Trân đến trong chiếc áo đầm hồng với thắt lưng tím mà Thục đã bỏ quên. Màu hồng chiếc áo với kiểu may thanh lịch làm Long Đạt xao xuyến trong giây lát. Suốt bữa ăn họ không đá động đến trận đấu vật vừa qua, Đạt chỉ hỏi, “Em vẫn ổn chứ, có đau chỗ nào không”, rồi với các câu trả lời “vẫn ổn” của Trân họ nói qua chuyện khác. Đặc biệt câu chuyện tổng thống Clinton đến công du Việt Nam và đọc thơ truyện Kiều. Phong thái này chỉ Sở Khanh trong truyện Kiều mới có. Rồi từ câu chuyện nói về tổng thống Mỹ, Trân chủ động kể lại những chuyện trong trường y, kể về “giác mộng Hoa Kỳ” của Thục.

Nhưng câu chuyện về Thục, Long Đạt nheo mắt nhìn Trân và nói,

-“Theo anh, giác mộng Hoa Kỳ chỉ đáng mơ nếu nó giúp ta thực hiện được khát vọng sống tự do, còn nếu chỉ tập trung vào việc trở nên giàu có tiền muôn bạc ức và hưởng thụ thú vui vật chất bên đó thì một ngày nào đó sẽ nã nê thất vọng: mộng đẹp ban đầu sẽ trở thành xám xịt.”

-“Anh còn tin có tự do sao. Những người sống và làm việc khoa học như em không tin lắm vào tự do, coi nó như một thông số đáng ngờ.”

-“Em hoài nghi cũng phải vì cả tự do chính trị, tự do hành động của chúng ta đã bị ý thức hệ và mọi cơ chế thiết định, gò ép, điều khiển kể cả cơ chế của tôn giáo khiến chân lý định hướng cho

tự do ngày càng mơ hồ mờ mịt. Vì thế anh thích dùng chữ giải thoát của Phật giáo hơn. Nói cách khác, ta phải đạt được tự do nội tâm trước khi có được các tự do khác. ”

-“Em chưa hiểu điều anh vừa nói,” Trân cắn móng tay nói.

-“Thôi muộn rồi hôm nào anh sẽ nói rõ hơn,” nói xong Long Đạt đứng lên làm dấu thánh giá đọc thì thầm kinh Sáng danh rồi nói với Trân, “Chúc em ngủ ngon.” Khi ông quay người bước đi thì Trân nắm lấy cánh tay bên dưới tay áo sơ mi nâu của Đạt và nói nhanh,

-“Lát nữa anh qua phòng em nghe, em đợi.”

-“Sao vậy?”

-“Để anh có điều gì an ủi em không như chúng ta đã thỏa thuận. Và lại em không thích mặc nợ lâu ngày khó trả.” Trân đáp với tất cả sự kiêu hãnh và tinh thần thượng võ của cô.

-“Không cần thế đâu em. Hãy quên hết những điều đó đi em và tha lỗi cho anh vì anh đã mạnh tay với em.”

-“Nhưng em cần,” Trân vừa đứng dậy nhìn đối diện Long Đạt với vạt tóc sau gáy dài hơi uốn lượn làm nó giống với mái tóc kiểu con trai theo một, rồi với giọng dứt khoát và cô nói, “Anh không có lỗi gì cả, chỉ là em cần kết thúc tốt việc này và em sẽ đợi anh.” Nói xong cô bỏ đi trước ra khỏi phòng dưới hành lang chiếu sáng bởi một bóng đèn sáu tắc. Một thứ ánh sáng trắng không rõ là ngày hay đêm.

Một giờ rưỡi sau Long Đạt đẩy cửa phòng không khóa của Trân bước vào. Bên ngoài trận mưa to trong đêm bắt đầu rơi xuống. Trong bộ áo hồng, Trân co chân ngồi dậy trên giường. Đạt ngồi xuống ghé đối diện cô, cô liền nói,

-“Anh ngồi qua giường đi, em cần anh ‘an ủi’ đây. Anh biết rồi đấy Thục bỏ em ở lại đây một mình và em cảm thấy rất cô đơn...”

-“Anh không biết phải khuyên em gì bây giờ.”

-“Không em không cần lời khuyên hoặc giáo huấn nào; chỉ cần anh nằm kế bên em một lúc.”

Hai người nằm bên nhau im lặng, và gần như bất động. Long Đạt không biết xử sự cách nào vì không được nói. Đạt chỉ còn lặng lẽ nhìn ngắm bộ ngực của Trân nổi lên, hai đầu vú đậm màu hiện rõ dưới lớp lụa hồng mỏng manh mà ông tưởng đã từng trông thấy khi còn bú mẹ. Sau một lúc bối rối, im lặng ông nghĩ phải miễn cưỡng sử dụng ngôn ngữ của thân xác, nhưng mỗi khi ông dùng tay hoặc đôi môi đưa sát vào người Trân thì cô lùi lại tránh né với vẻ mặt hoảng hốt, sợ hãi. Ông phải vội vàng trở lại tư thế bất động cho đến lúc chính Trân gợi ý: “Anh tắt hết đèn đi rồi hãy trở lại với em.”

Rồi trong bóng đêm đen, Đạt trở lại giường bắt đầu mò mẫm sờ soạng. Long Đạt dạo đầu với động tác để môi ông đậu lại, đùa giỡn trên hai đầu vú của Trân như một trẻ nhỏ khát sữa vùi đầu vào hai vú mẹ căng tròn. Rồi nụ hôn Đạt chạy xuống qua phần eo cô. Giờ đây cô không còn hoảng hốt nữa, và lại trong bóng đêm đen cô vừa thấy một quầng sáng như ánh trăng non trong đó xuất hiện khuôn mặt Tho với đôi mi run nhẹ và đôi vai trần bóng mượt. Đúng lúc cô không nghĩ đến, Đạt đã hiên ngang trượt sâu vào cô khiến cô kêu lên cảm kích. Sau đó Long Đạt nhịp nhàng nhấn mạnh phần dưới thắt lưng anh cho đến lúc cả hai kêu rên thảng thốt với đỉnh cao lạc thú. Trong lúc hiến thân cho Đạt, có một khoảnh khắc nhanh như tia chớp, cô đã thấy được ý nghĩa của điều cô sống và tồn tại: cái nữ tính uyên nguyên trong ngày sáng thế, cái nữ tính sinh sản, bảo tồn, chịu đựng và đảm nhận muôn vật muôn loài; cái nữ tính có thể cộng tác với Tạo Hóa qua một người nam để sinh sôi và nuôi dưỡng mọi vật. Trước đây cái nữ tính đã bị xu hướng tình dục đồng giới của cô cướp đoạt, làm cô ghê tởm và sợ hãi nam giới. Giờ phút này xuất hiện một sự thay đổi mọi ý niệm, một khúc quanh trong lịch sử đời cô. Có lẽ cô còn phải cảm ơn Long Đạt mãi mãi về sự khai ngộ này, lúc toàn bộ con người cô nên một với đối tác tương xứng trong cuộc âm-dương giao hòa này... Ngoài trời có tiếng đàn quạ kêu sương bay qua hốt hoảng.

Cũng như Trân, trong lúc làm tình, trong một khoảnh khắc nhanh như tia chớp, Đạt đã có một trực giác lạ lùng đã chạm vào cái nền tảng của hữu thể ông, không phải như một linh mục mà như một người nam còn nóng hổi trong bàn tay Thiên Chúa sáng tạo trong sách Sáng Thế. Lúc đó và rất nhanh, toàn bộ hiện hữu của ông, mọi rung động, mọi động tác, mọi lời rên siết bị thu hút vào kỳ gian huyền nhiệm của vĩnh cửu, vào cái yếu tính làm nên ý nghĩa cuộc hiện sinh này của ông. Một ý nghĩa thường hằng. Cũng chính lúc đó ông thật sự cảm nghiệm có cùng một xương một thịt với Thúy Trân. Sự hòa nhập thần bí này khởi đi từ sự rung động hân hoan của hai làn da, hai thân xác khi tìm thấy lại da thịt của chính mình trong đối tác. Chính sự hòa hợp ấy đã tạo ra một cộng hưởng kỳ diệu khiến cô đã kêu lên: “Ôi quân-vương của thiếp.” Vâng, Long Đạt đã xâm nhập và hòa tan trong cô với phong thái của một ông vua, với sự dũng mãnh và lịch lãm của ông.

Lạc thú tuyệt vời ấy đã kích lệ Trân ngay sau khi rời vòng tay Đạt, trong bóng đêm đen đã thú nhận với Đạt khuynh hướng tình dục đồng giới của cô và Thực là người tình đồng giới của cô không đơn thuần là bạn gái. Đạt ngỡ ngàng không biết phải nói gì trước sự thú nhận ấy. Ông ngồi dựa vào tường nhìn cô ngủ lại với sự bình an theo sau hành động ân ái, như một trung tâm màu nhiệm tồn tại tự thân, tiến triển về “hữu-thể-như-thị” trong sự cô đơn nguyên thủy theo một con đường của riêng cô.

Phải nói rằng với việc khám phá ý nghĩa của nữ tính, lần này cô đã thắng lớn sau khi thua cuộc đầu vật. Lúc hôn nhau từ biệt, cô nói trong bóng đêm, “Tối mai anh đến, mang cho em một khăn lụa đen bịt mắt để khỏi tắt đèn.” Đạt không trả lời, vội vã đi ra khỏi phòng.

TRƯỚC LÚC CHIA TAY

Sau một lúc bàn hoàn khiến Long Đạt phải hít thở sâu để trở lại bình tĩnh trong phòng áo lễ. Không bàn hoàn sao được khi ông đã trải qua một buổi chiều và một đêm đen vừa bất thường, lạ lùng nhưng cũng rất kỳ thú. Dù tâm trạng còn bồng bềnh như một kẻ mộng du, nhưng tới giờ hành lễ, ông cũng xúng xính trong bộ áo lễ, ông bệ vệ bước ra cung thánh như một ông quan oai phong trong phẩm phục triều đình. Những cử điệu trong lúc cử hành làm cho mọi xao động trong lòng ông từ từ lắng xuống, yên bình.

Sau thánh lễ, trong lúc uống ly cà phê đen đậm, ngồi đợi Trân đến ăn sáng, ông suy nghĩ về tính cách bất thường của Trân, đồng thời đây là lần đầu tiên trong đời linh mục, ông cho rằng việc linh mục sống độc thân nên là sự tự nguyện hơn là một bó buộc của bí tích truyền chức thánh. Xem ra xu hướng đồng giới bất thường của Trân làm ông yêu cô hơn dù có thể là tình yêu một chiều, không thể đi xa hơn dù lòng ông luôn mở ra đón nhận chiều ngược lại. Vả lại bí tích hôn nhân đâu thua kém gì bí tích truyền chức. Nó cũng là một ơn gọi cao quý và phải thực hiện cho đúng hướng, cái hướng mà nhà Nho gọi là cộng tác với Trời trong việc sinh thành và hóa dục muôn loài. Với Thực, Trân không thể có sự sinh thành; nhưng với ông - Lay Chúa con! – thì Trân có thể. Lúc đó Trân trong bộ quần Jeans áo kiểu bước vào. Sau khi làm dấu để ăn sáng xong, Long Đạt dịu dàng hỏi,

-“Em ỏn chứ?”

-“Cám ơn, em ỏn.”

Rồi cả hai im lặng một lúc, bấy giờ xuất hiện cô gái đã có lần đón Trân bằng xe máy về giáo xứ và cô Thu Thủy này mặc bộ áo đầm đẹp mà tím cô mới từ Mỹ gởi về. Điều kỳ lạ là trong bộ trang phục nào, Thủy luôn toát ra một vẻ đẹp dịu dàng và ngây thơ, lành thánh. Theo sự sắp xếp của Long Đạt, cả ba người sáng hôm đó sẽ dùng xe hơi nhà-khách để đi tham quan Dinh Cô, sau đó qua đảo Long Sơn tìm hiểu vài đặc điểm của đạo Ông Trần và dùng bữa trưa trên đảo. Chính vì Thực đã bỏ về nên cha xứ phải nhờ Thủy thế chỗ cho đủ ba người, vả lại cô Thủy này là con gái ông trùm xứ. Nhưng tại sao phải đủ ba người? Vì một lẽ rất đơn giản ông không muốn đi thành một đôi với một cô gái đẹp như Trân để những kẻ xấu miệng trong và ngoài giáo xứ thêu dệt những chuyện yêu đương xằng bậy. Ông rất ghét những phán xét độc địa của người ngoài. Ông cẩn trọng như thế cũng phải. Vì vậy lúc lên xe ông ngồi vào ghế trước cạnh bác tài xế, còn Trân và Thủy ngồi vào băng sau.

Trong Dinh Cô, ngoài chính điện, có nhiều khám thờ đặt dọc theo tường với các tượng thân của Ấn Giáo và cả tượng của Phật giáo. Có lẽ vì “Đức Cô” là một công chúa champa theo đạo Hindu vốn là một tôn giáo đa thần. Điều làm Long Đạt thích thú là có những thần linh là những đôi vợ chồng một nam, một nữ được thờ chung trong cùng một khám thờ. Xem ra việc vợ chồng không hề ảnh hưởng gì đến việc hóa thân và năng lực thiêng liêng của họ, có thể các năng lực này còn

tăng bội nếu chúng được hiệp nhất với nhau. Cảnh tượng này làm cho Long Đạt nhớ đến một câu trong sách Đại Học: “*Đại học chi đạo tạo đoan hồ phu phụ*” (Cái đạo của Đại Học tạo căn bản từ vợ chồng). Và lại Đại học của nhà nho là cái học làm vua, làm cha, làm thầy, làm tư tế. Vậy phải chăng để hội nhập văn hóa cũng nên cho các linh mục được ‘thông thoáng’ hơn đối với luật sống độc thân của Giáo hội. Đang suy nghĩ vẫn vơ như thế, Đạt thấy có bàn tay kéo nhẹ tay áo, ông quay lại thấy Trân đang đứng ngay sau lưng mình, dáng vẻ kỳ ảo trong ánh sáng nhợt nhạt mờ ảo bên trong điện; cô nhìn anh với ánh mắt vừa thương cảm vừa tình tứ, cô nói,

-“Mình đi thôi anh, mười giờ rồi.”

-“Ừ mình đi, báo cho Thủy hộ anh.”

Mười phút sau chiếc xe nô máy hướng về đảo Long Sơn. Dân trên đảo có lẽ là hậu bối của một ông tổ dòng tộc họ Trần và tín ngưỡng của họ là “Đạo ông Trần”, một thứ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên qua nhiều đời. Các cụ ông thì để búi tóc củ hành mặc áo bà ba hoặc áo dài khăn đóng đen khi hành lễ trong tổ đường. Đặc biệt là nghi thức mai tang không dùng quan tài. Người chết được bó trong chiếu đặt vào một quan tài chung tạo hình là một chiếc thuyền. Sau một ngày quấn xác, người ta dùng xe bò kéo chiếc-thuyền-quan-tài ra nghĩa trang. Tử thi được hạ huyệt, chiếc thuyền quan tài được chùi rửa trả về sân sau của tổ đường, chờ đến lượt đám tang người khác.

Ba người đi thăm-thú một vòng, có một lễ sinh đi theo hướng dẫn. Sau đó họ vào một quán hải sản để ăn trưa, đánh dấu sự tương phùng kỳ quái giữa nghĩa huynh và nghĩa muội. Trong lúc chờ dọn món, Thu Thủy tháo kẹp tóc cho mái tóc thè ngang vai của cô xỏa ra, ôm khuôn mặt tròn với đôi môi tô son hồng nhạt và má đánh phấn trắng hồng. Thúy Trân rất ghét sự diễm trang này, không phải vì tính nhi nữ của nó mà cô còn cho rằng đàn ông không đáng hưởng cái đẹp nếu họ không nhận thấy được cái đẹp thô mộc và tự nhiên nhiên như cô. Đã vậy Thu Thủy còn xức nước hoa thơm gắt. Hôm nay Thu Thủy khác hẳn, một mỹ nhân khác với Thu Thủy ngày thường. Rồi thỉnh thoảng cô vừa nhìn Long Đạt, vừa lấy tay vén vài lọn tóc trước trán để làm duyên. Thúy Trân nghĩ thầm, chắc hẳn Thu Thủy đã có một tình ý rung động nào đó với Long Đạt và cố làm cho ông chú ý. Trái lại với mái tóc tém kiểu con trai, Thúy Trân không mất công với sự điệu dàng ấy.

Khi các món hải sản dọn ra, họ vừa ăn, vừa trao đổi vài câu chuyện ngắn; họ còn nghe được tiếng sóng từ cửa biển chạy va vào bờ kè rì rào đều đặn, rất vui tai. Từ trong nhà hàng, họ có thể thấy trời nước bao la một màu xanh thẳm. Trên không trung, một vài đám mây đi dạo trên biển; mộ vài cánh chim bay lượn dưới trời nắng nhẹ. Có một lúc trên cái nền trong xanh của trời và biển ấy, Long Đạt nhìn Trân một lúc lâu không chớp mắt. Nhân lúc Thu Thủy vào toilette rửa mặt, Long Đạt tranh thủ hỏi Trân,

-“Sau ngày mai, khi nào anh lại gặp lại em?”

-“Em không chắc gặp lại anh vì có thể nhận nhiệm sở ở một bệnh viện miền tây hoặc miền trung.”

-“Dù thế nào anh vẫn luôn thương nhớ về em và chờ đợi em.”

-“Anh không cần phải chờ đợi em đâu.”

-“Vậy em có yêu anh không?”

-“Thật sự em không dám.”

-“Sao vậy?”

-“Vì anh là linh mục.”

Đổi thoại chấm dứt tại đó vì Thu Thủy đã trở lại và Trân phải công nhận cô ta rất khả ái trong chiếc áo đầm trang nhã, cùng lúc đó thức ăn đã dọn ra và họ bắt đầu ăn và trao đổi vài câu chuyện linh tinh không liên hệ gì với nhau và với họ. Cuối bữa ăn đến lượt Long Đạt vào toilette, Trân liền nói với Thủy.

-“Sau này có lẽ chị ít đến đây, nên chị nhờ em một việc.”

-“Tại sao chị lại nhờ em mà việc gì vậy chị?”

-“Vì em có vẻ ngây thơ, hiền thực và có lòng đạo mà chị thấy mình còn thiếu sót; vả lại việc chị nhờ em là thỉnh thoảng em đến gặp cha và chăm sóc, động viên cha trong công việc cai quản giáo xứ khi em có dịp.”

-“Có cần thế không chị Trân?”

-“Cần chứ: chị thấy cách giảng đạo đối đầu với đời sống cụ thể của giáo dân và cách sống xuề xòa của cha sẽ làm cha thành một người lạc lõng trong chính giáo xứ và giữa đồng nghiệp của ngài. Lúc đó cha cần một người đồng cảm với cha.”

-“Vâng em hiểu ý chị.”

Lúc đó, Long Đạt trở lại, giục mọi người ra về. Bên ngoài trời nắng chang chang đúng Ngọ.

&

Buổi tối, ngồi ăn cơm chiều với Trân do chị Ngát dọn ra, Long Đạt nói lên những cảm nghĩ của ông khi vào thăm Dinh Cô và về những cặp vợ chồng thần linh trong Ấn giáo. Thúy Trân nhận xét rằng như thế chư thần của Ấn giáo cũng giống với chư thần trong đất nước Hy Lạp và phải chăng người Ấn cũng đang chờ một tôn giáo độc thần đến để như Ki-tô giáo đã đến để dẫn đưa Hy Lạp về một thần linh tối cao duy nhất cùng với một tôn giáo độc thần. Sau cùng cô đưa ra một kết luận để mĩa mai người đối thoại,

-“Em thấy với chức thánh, anh cũng sắp thành một thần linh rồi đấy!”

-“Em của anh thật là quý quái.” Long Đạt cười nói rồi đứng lên chúc Trân ngủ ngon, định ra khỏi phòng.

-“Tôi nay anh đến với em chứ; em sẽ đợi anh,” cô nắm lấy cánh tay ông và nói.

-“Không, anh phải để em ngủ yên giấc ngày mai còn về Sài Gòn. Và lại đường quốc lộ đang thi công mở rộng, chuyển đi về sẽ vất vả đó.”

-“Em không quan tâm đến việc đi đường; nhưng nếu anh không đến, em sẽ thức suốt đêm.”

-“Thôi được, anh sẽ đến,” vừa nói ông vừa nghĩ bụng, “cô bé này đáng sợ thật, nhưng mình đã chẳng thắng cô bé trong cuộc đấu vật sao?” Rồi ông cười một mình khi ra khỏi phòng ăn.

Đúng mười giờ, ông băng qua màn đêm yên lặng, tỉnh mạch với vài tiếng quạ kêu, đến phòng Trân, hai người ngồi trên giường trao đổi vài câu nói, rồi sau khi bịt mắt Trân, hai người quấn vào nhau, lả lơi, quần thảo, vờn chụp. Nhìn Trân cong mình uốn éo dưới ánh đèn hồng ông thêm hứng thú. Sau một lúc Long Đạt đã trườn lên mình cô ẩn sâu vào cô tới lui nhịp nhàng với động tác phi ngựa theo tiếng rên đều đặn của Trân. Tàn cuộc Đạt cởi khăn bịt mắt vất xuống đất cạnh cái áo lụa xanh lá của Trân rồi họ nằm ôm nhau ngủ. Khoảng hai giờ sau, Đạt thức giấc ngồi ngấm thân xác mỹ miều của cô, nhất là khuôn mặt thanh tú với đôi vành mi cong, đôi môi sắc cạnh. Ông định về lại nhà xứ thì Trân bất chợt mở mắt nhìn ông vờ gọi, nắm cổ tay ông đặt lên bộ ngực ngồn ngộn của cô. Lần này không có sẵn cái khăn lụa đen, cũng không tắt đèn, ông chiếm hữu cô từ sau lưng trong lúc cô nằm sấp vùi đôi mắt nhắm hờ xuống nệm giường. Lại rộn ràng lả lơi là một tới một lui, trong tiếng rên mà ga giường làm cho trầm xuống. Giữa những tiếng rên rĩ ấy và giữa cuộc truy hoan, hai lần Trân kêu lên, “Ôi thần linh tuyệt vời của em: thần linh mà em không dám nhìn mặt.” Đáp lại, Long Đạt chồm tới sau một cái ẩn sâu, thềm thào vào tai cô, “Trân ơi, nữ thần quá quắt của anh!” Hơn một giờ sau, Long Đạt mới tắt đèn ra khỏi phòng lúc đó ngoài đường có vài tiếng xe máy chở hàng hóa ra chợ. Bận hàng đưa cá mắm và rau quả từ Xóm Quạ ra chợ Long Hải hoặc xa hơn ra Phước Tỉnh. Về đến phòng mình Long Đạt ngã lưng xuống trên giường ông; ông không ngủ lại mà chỉ cảm nhận dư vị lạc thú còn rung động trong thân xác ông. Ông tỉnh thức và chờ đến giờ cử hành lễ ban mai trong giáo xứ.

&

Hôm sau, khoảng một giờ trưa, Thúy Trân về đến nhà; cô gặp ngay bà Hạc mẹ cô đang ngồi xem ti-vi sau bữa ăn trưa. Thấy con gái về, xách khê nệ quà cáp mà Long Đạt gửi cho nghĩa-mẫu: trái cây, bánh gai, bánh ngọt, mực tươi sống, cá thu ướp muối, cá khô và mực khô. Những món quà này Long Đạt đã nhờ Thu Thủy chuẩn bị và trao cho Trân khi chở Trân ra bến xe ca bằng xe gắn máy. Bà Hạc liền hỏi,

-“Con về cùng Thục chứ, sao không kêu bạn vào chơi?”

-“Con đi xe hơi của nhà Thục nên sau khi cho con xuống đầu ngõ, bạn ấy về luôn.” Trân nói dối vì sau khi xuống bến xe ca, cô đón xích lô về đầu ngõ. Bà Hạc lại nói tiếp,

-“Bạn con vào một tí rồi về có sao đâu.” Bà Hạc nói thế vì đã có sẵn một câu hỏi dành cho Thục đại loại như, “Cháu thấy thế nào, có phải một linh mục công giáo còn hơn một nho quan ngày xưa: các ngài vừa nhân hậu, vừa thanh lịch mà còn cao cả nữa. Đó là tấm gương phản ảnh hình tượng của Chúa cho các tín hữu phải tôn kính, noi theo v.v...”

-“Thôi mà mẹ, mẹ cứ lễ nghĩa như thế làm gì, hôm nào Thục sẽ qua cho mẹ gặp.” Trân giả vờ cáu kỉnh rồi nói tiếp, “Bây giờ con tắm rửa và đi ngủ đây, đến chiều mẹ hãy gọi con dậy đi lễ.”

-“Thế cũng được nhưng con đã ăn gì chưa?”

“Con ăn rồi mẹ ạ.” Nói xong cô leo lên cầu thang để đến phòng mình. Cô đã ăn nhiều trong bữa điếm tâm sáng nay trước lúc ra về.

Cô nhớ lúc ngồi trên xe, nhìn lại những ngọn núi thấp nhô lên làm bức phong nền xanh thắm cho các ruộng lúa, thỉnh thoảng giữa một cánh đồng xuất hiện một nghĩa trang với thánh giá cao ở trung tâm và các ngôi mộ ốp gạch men và những hàng thánh giá xếp thẳng hàng, cô thầm nói ba lần câu “vĩnh biệt anh yêu!”. Phải chăng cô muốn chạy trốn mãi mãi những kỷ niệm kỳ lạ tuyệt vời đã đến với cô như một tiếng sét chợt đến chợt tàn. Chỉ ít chúng đã làm cho lòng cô như một cái bình sứ trân quý từ nay mang theo dấu vết một bàn tay khó nhìn thấy được đã từng ve vuốt nước men sứ bóng lộn của nó.

NGÃ RỄ ĐƯỜNG ĐỜI

Bà Hạc nhận thấy sau chuyến đi chơi miền biển tại giáo xứ Phúc Châu trở về, Trân có vẻ ngoan đạo và cũng ít nói. Bà đơn giản nghĩ rằng có lẽ nhờ lời giáo huấn của nghĩa huynh và nhất là gương sáng mà Trân thấy được nơi vị linh mục mới ngoài ba mươi tuổi đã phần nào đánh động cô. Trong tuần Thục cũng đã đến thăm bà Hạc và đôi bạn cùng trường Trân-Thục đi uống nước và mua sắm cả buổi. Chủ yếu là Thục đi mua sắm chuẩn bị theo chồng Việt kiều qua Mỹ. Trong quán Điểm Hẹn, Thục đã xin lỗi Trân khi lặng lẽ bỏ đi để Trân một mình ở lại Phúc Châu. Cô đã theo Triệu Vũ ra Vũng Tàu và trải qua một đêm tâm trạng bão bùng khi nằm trơ trơ cho Vũ vầy vọc trong một khách sạn sang trọng. Sau cùng Thục nói lời chia tay với Trân và hứa sẽ về thăm khi có dịp, nước mắt lưng tròng cô nói,

-“Trân ơi, Thục sẽ yêu Trân mãi mãi và sẽ nhớ Trân nhiều. Chỉ với Trân, Thục mới có tình yêu dịu dàng và đậm thắm nhất. Một tình yêu không nhằm chiếm hữu và không chút thô bạo của bò còn giữ lại cái không gian của điều màu nhiệm...”

Những lời nói của Thục hẳn đã có một phần sự thật khiến Trân cũng trào lệ cảm, vài giọt nước mắt đã rơi xuống mặt bàn nơi đặt hai ly cà phê sữa đá đã uống được một nửa.

Vâng, Thục đã ra đi tìm kiếm “giấc mơ Mỹ quốc” khi chấp nhận kết hôn cùng Vũ. Và cô đã để cho Vũ tha hồ tận hưởng lạc thú khi tâm trạng cô giống với câu thơ: *Mặc người mưa Sở, mây Tần/ Những mình nào biết có xuân là gì*. Than ôi giấc mộng đó sẽ đã chóng tàn. Ngay sau khi qua Mỹ, bố mẹ chồng cô giao cho cô làm chủ một siêu thị nhỏ. Sau một thời gian ngắn ở bên

chạnh cô, Triệu Vũ lại lao vào việc làm giàu và chạy theo việc thành công kinh tế khi cha mẹ chồng cô giao cho anh quản lý bốn siêu thị ở bang Washington. Họ thường xuyên xa nhau, thỉnh thoảng mới gặp nhau. Tình cảm phai nhạt dần đã dẫn cô về lối xưa trong cõi nhớ. Cô phải lòng một nữ nhân viên bán hàng gốc Chàm quê ở Ninh Thuận tên Trâu. Nhưng mối tình thay thế này dù sao cũng là một câu chuyện khác. Nó chấm dứt giấc mơ Mỹ quốc của Thục đã từng làm điên đảo cả Thúc và Trân.

Qua tuần, các sinh viên khoa điều dưỡng đến trường nhận nhiệm sở. Trân gặp lại Đan Phương nhưng không gặp Thục. Cô này đã ra khỏi Việt Nam trong chuyến bay mười giờ tối hôm trước. Đan Phương sẽ về bệnh viện tỉnh Long An; Thúy Trân sẽ về bệnh viện Vũng Tàu phụ trách khu điều dưỡng mà những thông tin ban đầu Trân nhận được là sẽ được tách rời thành một bệnh viện riêng.

Nhận được nhiệm sở họ lên đường sau một tuần và sẽ tìm cách liên lạc lại sau này. Đan Phương rất tiếc nuối không về làm cùng một bệnh viện với cô. Cô đã áp ủ một mối tình thầm kín với Trân và phải xa Trân trong khi biết Trân đã chia tay với Thục. Phải, cô có một lời tỏ tình mà cô chưa kịp nói cùng Trân. Về phần Trân sau khi chia tay với Thục cô khổ đau và hụt hẫng, những kỷ niệm xưa cứ mãi quấn quýt bên cô và trong đầu óc cô. Để quên Thục, cô nghĩ, cô phải mất nhiều thời gian, trong khi với Long Đạt, cô coi những vướng mắc với ông như một rũi ro, một sự cố bất ngờ ngoài ý muốn cộng thêm những phút bốc đồng nên cô đã quên ông nhanh chóng, vì thế khi mẹ cô, bà Hạc đề nghị cô tranh thủ những ngày nghỉ đến thăm ông, cô đã đáp lại,

-“Mẹ ơi, tuy trong cùng một tỉnh nhưng mỗi lần đi từ bệnh viện con làm qua Phước Hải phải đi hai chặng đường mất gần một giờ. Có lẽ thỉnh thoảng con mới qua được còn để thời giờ nghỉ ngơi nữa.”

Tuy nói “thỉnh thoảng” nhưng sau đó cô hầu như không nghĩ đến việc đến thăm Long Đạt mặc dù ông đã để lại trong cô dấu ấn thuyết phục. Và lại, giáo luật và chức thánh vẫn còn là những rào cản kiên cố trong cô; mặt khác cô không muốn thừa nhận có lần cô đã thua Long Đạt trong một trận đấu. Vì thế những ngày cuối tuần cô về phòng mình trong khu dành cho bác sĩ, nhìn biển khơi nhạt nhòa dần trong buổi hoàng hôn hoặc ra biển bơi lội cùng một vài cô y tá. Công việc tuy không nặng nhọc lắm nhưng một năm đầu cô phải nỗ lực để thích nghi. Trước hết là với mùi thuốc men, mùi hôi hám cũng như về đau khổ chán chường của các bệnh nhân, các cụ ông cụ bà, các cán bộ về hưu, các thanh niên với những bệnh bẩm sinh và rối loạn chức năng của họ. Đúng như lời Đức Phật nói là sinh, lão, bệnh, tử mà bệnh tử đã chiếm phần lớn cuộc đời họ. Bây giờ Trân mới hiểu vì sao Đức Phật không cười, cũng thế trước những cảnh bệnh tật não lòng và thương tâm ấy, Trân luôn tự hỏi trước bấy nhiêu đau khổ, mình làm sao còn yêu đời được, còn lạc quan vui sống dù sức sống trẻ trung trong huyết quản cô đôi khi réo gọi, đòi thỏa mãn. Có lần chợt nhớ một câu thơ cổ: “*Mỹ nhân tự cổ như khanh tướng/ Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu*” (Xưa nay người đẹp như khanh tướng/ Không hứa cho người đời thấy đầu tóc bạc), cô đắc ý thán phục sự tinh tế của thi nhân vì khi bạc đầu là lúc bệnh tật và mọi sự xấu xí sẽ đến với thân thể và dung nhan. Tối hôm đó cô nằm mộng thấy mình đầu bạc như tuyết, chưa kịp hoảng sợ thì ngay

sau đó mái tóc cô dài ra hơn một mét, đổi sang một màu đỏ đậm như một vệt máu dài... Trong việc chăm sóc bệnh nhân, cô đặc biệt quan tâm đến các bệnh nhân nữ và đây việc chăm sóc các bệnh nhân nam cho các cô y tá, đồng thời cảnh báo các cô này phải coi chừng sự sàm sỡ bất ngờ của họ.

Cuối năm đó, bà Hào nhắc lại việc Trân có bốn phen phải ghé thăm linh mục Long Đạt, chỉ ít cha có thể cầu nguyện cho cô tìm được một tấm chồng; cô uể oải nói,

-“Con sẽ không đi thăm nghĩa huynh đâu; một mình mẹ đi là đủ nhưng khi mệt mẹ đừng cố.” Sở dĩ cô nói thế vì dạo này bà Hạc bị chứng đau khớp.

-“Con không có thời gian rảnh hay sao?”

-“Không hẳn thế, nhưng con sợ các bà lắm chuyện trong giáo xứ đặt điều bậy bạ, vả lại nếu cha Đạt có đủ sức quyền rũ làm con phải lòng thì sao?”

Câu nói của Trân làm bà Hạc hoảng hốt, bà nhớ lại sự yếu lòng của bà ngày xưa trước ông Long Đình. Rõ ràng lòng mẹ thương con trong mọi hoàn cảnh làm bà luôn có thái độ tự kỷ ái mộ (narcicisme) qua Long Đạt, một phần máu thịt của bà, nhất là trong một nền văn hóa mà người mẹ được tôn vinh qua người con trai bà sinh ra để nối dõi tông đường. Chính thái độ đó đã ngăn không cho bà thấy những góc tối của Long Đạt, đặc biệt từ khi nhờ Đan phụ Pedro cầu nguyện mà Long Đạt đã tỉnh ngộ, vượt qua được sự cám dỗ của Kim Mão. Tuy nhiên, nghe câu nói thẳng thừng và trắng trợn ấy của con gái, từ đó bà Hạc không còn nhắc Trân phải đến thăm nghĩa huynh của cô nữa.

Hai năm trời trôi qua như thế: trong nỗi cô đơn buồn chán và nhiều nỗ lực. Vâng ngoài nỗ lực trong nhiệm vụ của một bác sĩ, còn có nỗ lực vượt qua nỗi quạnh hiu buồn chán. Và như nhiều thiếu nữ ở xứ này phải tất bật bươn chải với cơm áo gạo tiền, với cuộc sống mỗi ngày, không còn thời gian để nghĩ về chuyện lứa đôi và hạnh phúc bản thân, chợt một hôm thấy mình đã quá lứa lỡ thì, đã cô đơn hiu quạnh và sẽ còn như thế mãi. Nỗi lòng này không ai biết được trừ anh chàng Mạnh Hào đã thường xuyên đến bệnh viện chăm sóc cho mẹ anh suốt ba tháng dài. Hào đã gần bốn mươi nhưng vẫn sống độc thân, anh chỉ học được hai năm đại học rồi bỏ học đi làm. Có lần mẹ anh đã nói với Trân,

-“Thằng Hào con bác biết ơn cháu đã chăm sóc bác, nó lại có lòng mến cháu và bác nói thật với cháu điều này, nếu cháu không chê Hào bác sẽ cưới cháu về làm vợ Hào và con dâu nhà bác.”

Thực đánh giá cao lời ngỏ ý ấy, nhưng cô đã khéo léo từ chối và vẫn cho rằng rồi anh Hào sẽ gặp được một ý trung nhân giỏi giang, hiền thực và nhất là trẻ đẹp hơn cô. Dù vậy trước khi mẹ mình xuất viện, Hào đã viết tặng cho Trân một bài thơ để bày tỏ lòng biết ơn và đánh dấu sự gặp gỡ của họ. Bài thơ có nhan đề: Nữ Bác Sĩ xin ghi lại như sau:

NỮ BÁC SĨ

Tặng Bác sĩ Thúy Trân.

Em bước đi trên đôi chân mạnh mẽ
Giữa những bức tường sạch sẽ,
Ốp gạch men bong loáng,
Giữa những bệnh nhân buồn chán,
Giữa những cơn đau nổi chìm.
Nơi đây sống chết rất gần nhau,
Dưới những lớp băng gạc trắng tinh,
Những vết thương lặng thính còn há miệng,
Cuộc quyết đấu giữa tử và sinh,
Làm đổ bao mồ hôi và máu
Bao giọt lệ sinh ly tử biệt;
Có mồ hôi và tuổi xuân em châu báu.
Em bước đi bình tĩnh
Giữa những tiếng rên la,
Luôn hiền dịu thiết tha nhân hậu,
Yên lặng giấu cho riêng mình,
Một vết thương sâu,
Một cái giảm đau tưởng chừng như vô hại,
Lâu rồi còn nằm lại
Dưới chiều sâu của trái tim buồn.
Bên ngoài khuôn viên thoảng mùi hoa cỏ,
Màu xanh sóng biển, màu của vĩnh hằng;
Màu xanh hàng cây, màu của siêu thăng:
Thiên nhiên ở đây dường như không chết;
Thiên nhiên ở đây chia sẻ nỗi niềm.

Trân không khỏi cảm động khi nhận bài thơ này như một quà tặng của Hảo. Cô mơ hồ thấy một vài hình ảnh trong thơ có vẻ là các trực giác có tính tiên tri. Và cô đã giữ kỹ bài thơ ấy trong một bao nhựa trong như một kỷ niệm trong nghề.

Đến năm thứ ba của Trân trong nghề y, sở y tế Bà Rịa-Vũng Tàu xây thêm một bệnh viện điều dưỡng cho các phụ lão và cán bộ lão thành và các thành phần khác mắc các bệnh mãn tính phải nằm viện lâu ngày. Trân được điều về bệnh viện này làm khoa trưởng khoa bệnh người già. Trong bệnh viện mới này có một khu điều trị bệnh nhân bị sida và giúp họ cai nghiện. Trưởng khoa của khu này chính là Đan Phương từ bệnh viện Long An được điều ra. Trong buổi họp tất cả các khoa, hai người bạn học cũ đã gặp lại nhau. Đan Phương cũng nhận được một phòng trong khu dành cho các bác sĩ ở xa. Khu này ở sâu trong bệnh viện gần với các dãy nhà dành cho các bệnh nhân sida. Thúy Trân ở một phòng ở khu gần cổng chính. Và ngay tối hôm đó sau bữa cơm chiều, đôi bạn ngồi bên nhau rất lâu trong một góc căn tin dành cho các bác sĩ nhắc lại những kỷ niệm ngày xưa và chia sẻ những vui buồn sau gần ba năm xa cách.

CHÂU VỀ HỢP PHỐ.

Dĩ nhiên, với vóc người mảnh mai, tóc dài, ngực thấp, mông thẳng thiếu những đường cong ấn tượng, Đan Phương không quên nhắc lại kỷ niệm của hai người trong quán Hương Xưa, trong khi hai người cùng đi thực tập. Đan Phương cũng không quên kể lại câu chuyện mẹ cô bị cưỡng hôn khi mới tuổi dậy thì. Đó là nỗi ám ảnh dai dẳng suốt cuộc đời cô. Nó làm cho cô thấy đời sống này thật vô nghĩa không còn đáng sống nữa. Chỉ sau này, khi trở thành người tình của Trân thay cho Thục, Phương mới tìm lại chút tâm trạng vui tươi trong cuộc sống.

Mỗi lần kể lại câu chuyện buồn của mẹ mình, Phương đều rung rung nước mắt. Khi Trân lấy tay lau một giọt nước mắt trên má Phương, cô này nắm lấy bàn tay bạn và hỏi,

-“Bây giờ Thục đã qua Mỹ làm vợ Việt kiều rồi, liệu Trân có muốn viết lại câu chuyện tình ấy với Phương không?”

Trân nhìn một lúc vào khuôn mặt sàu muộn, đôi mắt u buồn còn ngấn lệ của Phương, một nỗi thương cảm trào dâng: thương cảm cho cảnh ngộ của Phương và thân phận phụ nữ của cả hai người. Rồi Trân khẽ gật đầu ưng thuận. Với tín hiệu ấy, Đan Phương chồm người ôm chầm vai Trân, nói nhỏ vào tai bạn, “Phương yêu Trân vô hạn; mấy năm nay Phương nhớ thương Trân nhiều lắm.” Đáp lại Trân đáp, “Vui lại đi em, đừng buồn nữa.” Cảnh tượng này làm một chị phục vụ trong căn-tin hơi kinh ngạc dù không biết một chuyện tình yêu đang được bắt đầu.

Cuối tuần đó, họ cùng đi chơi suối nước nóng Bình Châu cùng một vài cô y tá. Họ ăn trưa với các món thịt rừng. Có một lúc họ dắt tay nhau đi vào khu rừng thưa, ở đó họ đã hôn nhau âu yếm. Trong lúc lung túng, Phương làm rơi ra khỏi xách tay một bình xịt phòng thân, Trân hỏi,

-“Phương mang theo cái đó chi vậy, hôm nay mình đi chơi tập thể mà?”

-“À Phương vẫn bỏ trong giỏ khi đi thăm bệnh; sáng nay đi vội quên bỏ lại phòng.”

-“Khi đi thăm bệnh sao?”

-“Vì có những bệnh nhân nam lấu cá có thể bắt chọt tấn công các cô y tá hoặc bác sĩ, nhất là những khi phê thuốc.”

-“Còn có chuyện phê thuốc sao?”

-“Vì có vài thân nhân còn lén mua xì-ke cho bệnh nhân.”

-“À thì ra thế.” Trân nói rồi nắm lấy đôi bàn tay trắng xanh của Phương, gượng cười thông cảm.

Buổi chiều trên chuyến xe từ Bình Châu về lại bệnh viện, ngồi trên cùng băng ghế, Trân nắm bàn tay của Phương âu yếm nói,

-“Sau này Phương không phải mang theo bình xịt phòng thân nữa, Trân sẽ dạy cho Phương môn võ nhu đạo những ngày cuối tuần. Ta sẽ tập trong phòng đánh bóng bàn trong khu Trân ở.”

-“Thế thì hay quá, mỗi cuối tuần mình sẽ gặp nhau.” Phương vui mừng nói. Và dĩ nhiên ngoài việc học võ, họ sẽ có nguyên tối thứ bảy bên nhau để âu yếm, tận hưởng lạc thú xác thịt mà họ trao tặng cho nhau dịu dàng và say đắm. Đối với Phương, giờ đây hạnh phúc đã thật sự trở lại, nỗi buồn cô đơn nói lời chia biệt và ám ảnh về các đau buồn thầm kín của mẹ cô lắng dịu.

Những năm sau đó họ là đôi bạn tình bí mật và đồng điệu, đồng cảm trong mọi sự. Đó là thời gian hạnh phúc nhất đời Phương. Có lẽ Trân cũng cảm thấy an vui, nhưng đôi lúc Trân vẫn cảm thấy thiếu một cái gì đó tuy không ảnh hưởng gì đến hạnh phúc hiện tại. Một cái gì đó mơ hồ, một bóng hình, một kỷ niệm, một vết xước nhẹ như khi một trẻ nhỏ chơi đùa tự gây ra cho mình, không chảy máu, không thành tiếng khóc mà chỉ thấy đau.

&

Một buổi sáng trong phòng khám, cô y tá đưa cho Trân sổ bệnh một bà cụ do một người nhà đưa tới. Người nhà này là một nữ tu đang ngồi chờ ngoài hành lang. Sau khi khám tổng quát với ống nghe và bắt mạch, Trân thấy bà cụ bị bệnh sung phổi khá nặng, vì thế phải có thêm các xét nghiệm về máu và siêu âm. Trân viết phiếu đề nghị rồi nói với cô y tá, “Em kêu người nhà bà cụ vào để chị dặn dò việc đưa đi xét nghiệm.” Chị nữ tu mặc áo ngắn dài tay màu xám xanh đeo thánh giá trước ngực xuất hiện, và thật ngạc nhiên là chính Thu Thủy. Cô này phải mất mấy giây mới nhận ra nghĩa muội của cha Long Đạt. Sau khi nghe qua lời dặn dò đưa bà cụ đi xét nghiệm, Thủy hỏi,

-“Xin lỗi, có phải bác sĩ là cô Thúy Trân?”

-“Phải, còn bà cụ là gì của Thủy vậy?”

-“Dạ, là mẹ em ở giáo xứ bà thường được gọi là bà chánh Cường.”

-“Thôi được, lấy số điện thoại của chị, nếu cần gì cứ gọi.” Nói xong, Trân ghi số điện thoại của cô vào một mảnh giấy nhỏ đưa cho Thủy. Sau đó Thủy dẫn mẹ ra ngoài đi qua khu xét nghiệm. Đầu giờ chiều với kết quả xét nghiệm trong tay, Thúy Trân quyết định cho bà chánh Cường nhập viện để theo dõi vì ngoài chứng sung phổi, bà còn bị siêu vi gan có dấu hiệu ung thư. Khi nhận toa lấy thuốc, Thu Thủy nói,

-“Sau giờ làm việc, em gặp cô được không?”

-“Dĩ nhiên là được, nhưng có gì quan trọng không?”

-“Em muốn kể chuyện của em và của giáo xứ Phúc Châu mấy năm qua...”

-“Ừ cũng được, bảy giờ tối chị sẽ gặp em trước cửa căn tin.” Cuối cùng Trân nói sau một phút đắn đo ngần ngại.

Sở dĩ cô ngần ngại vì cô muốn quên mọi kỷ niệm ngày trước ở nơi ấy. Cô càng muốn quên thì lạ thay dấu ấn nó càng sâu đậm dưới bề mặt có vẻ nhạt nhòa, khó thấy. Và thực tế cô đã quên được hay tưởng mình đã quên được thế nhưng giờ đây nó trở về lòng lộng như muốn thách thức một kẻ “thua cuộc” sau chỉ một lần quyết đấu. Dù sao một thiếu nữ xinh xắn, con nhà giàu như Thủy trở thành nữ tu cũng là chuyện đáng để nghe. Đó là suy nghĩ sau cùng của Trân khi thu xếp hồ sơ mấy phút sau cùng của một ngày làm việc.

Lúc bảy giờ tối, Trân và Thủy đưa nhau ra một quán nước bên ngoài bệnh viện trên dãy phố bên kia đường. Sau khi gọi thức uống, Thủy bắt đầu kể lại câu chuyện của cô. Đại khái là từ chuyến đi chơi đảo Long Sơn trở về, cô thấy mình có ơn gọi đi tu. Khi bày tỏ ý định đó với cha cô, ông trùm chánh trong giáo xứ, ông vui mừng vì còn gì đẹp ý Chúa hơn khi được dâng một người con mình cho Chúa. Ông khuyên cô nên gặp cha Long Đạt để nhờ cha hướng dẫn những bước đầu tiên trong con đường thánh hiến. Trong suốt một năm trước ngày vào nhà tập dòng

Thiên Hương, cha là người hướng dẫn Thủy về tu đức và thần học; ngược lại Thủy cũng an ủi cha rất nhiều.

-“Em an ủi cha như lời chị nhờ cậy em, hẳn cha có những khi lo nghĩ, buồn bực?” Trân tò mò ngắt lời Thủy và hỏi.

-“Cha nhiều khi buồn bực vì công việc và bất mãn vì đời sống nhân bản của giáo dân lúc nào cũng ở mức trung bình theo sự đánh giá của cha. Và lại sau này cha chỉ tập trung giảng đạo đức chung chung, theo sách vở trong chủng viện và không đụng gì đến đời sống hàng ngày của giáo dân. Có lẽ nhờ vậy mà giáo dân đi lễ đông đúc, hăng say đóng góp làm việc bác ái nên nay Phúc Châu đã trở thành một giáo xứ, giàu và ‘đạo đức’ nhất trong hạt. Đặc biệt là khi làm từ thiện, mấy anh chị em phụ trách theo lời dạy của cha sở không phân biệt lương giáo, bác nam; có mấy lần anh chị em còn làm từ thiện chung với một nhóm của chùa Linh Nghiệm.”

-“Như vậy chắc là cha sẽ rất tự hào và vui mừng, bên cạnh niềm vui được em an ủi?” Trân lại hỏi.

-“Dù vậy cha vẫn có một nỗi buồn không tên và để tìm hiểu nỗi buồn ấy em phải nhờ sự thân tình và tín nhiệm mới khám phá ra được.”

-“Nỗi buồn gì?”

-“Nỗi buồn nhớ chị đấy.” Thu Thủy chậm rãi nói cách nghiêm trang làm Trân bỗng xao xuyến trong lòng. Dù vậy cô muốn gạt bỏ điều đó.

-“Thủy nhầm rồi, làm gì có điều đó khi bên cạnh cha lúc nào cũng có em an ủi với lòng hy sinh và tận tụy.” Trân nói và lại xoáy vào hai từ ‘an ủi’.

-“Có đây chị vì năm nào bà cố Hạc đều ra đây thăm cha. Mỗi khi bà đến cha đều hỏi tin tức của chị. Khi bà về thì cha đau khổ thở than: ‘Một lần nữa cô ấy đã không đến thăm cha, đã vậy hình như cô ấy còn dặn mẹ giấu nơi cô ấy làm việc.’ Một lần nọ em hỏi: ‘Cô ấy là ai?’ Cha thở dài nói: ‘Thúy Trân!’ rồi đuổi em về vì lúc đó đã khuya. Một tuần sau em vào nhà tập. Từ đó đến nay đã ba năm, em không gặp lại cha, nhưng em nghĩ cha vẫn không quên chị, mặc dù ngài có thể đã quên em.”

Trân không hỏi nữa và cũng không muốn tin vào lời Thủy nói: hãy để cho nước chảy qua cầu không quay trở lại. Lúc đó Thủy nói tiếp:

-“Hôm nào chị thu xếp về thăm cha một chuyến chị nhé; em cũng mời chị đến thăm tu viện của em nữa.”

-“Chị hứa đi.”

-“Vâng chị hứa.” Trân nghĩ mình hứa cho qua chuyện.

Sau đó họ nói qua câu chuyện bệnh tình của bà chánh Cường, rồi cùng trở về bệnh viện.

Khuya hôm đó, Trân thấy một giấc mộng lạ lùng: Cô thấy trên không trung từ phía chân trời hướng Bắc xuất hiện hai con rồng đen, dường như rồng cha và rồng con nhưng chỉ một mình rồng con đến gần Trân. Trân thấy trên cổ nó có đeo một cây thập giá bằng vàng. Con rồng này phun ra một ngọn lửa tím xanh bao trùm lấy cô nhưng không thiêu đốt chỉ làm cô lâng lâng khoái trá, rồi nó cuộn thân nó xung quanh cô. Khi nó bay vút lên để trở lại với rồng cha. Lúc đó những vẩy đen bóng như hạt huyền của nó dính chặt vào vải áo của Trân, vì thế khi nó gần khuất dạng, Trân kinh hoàng thấy mình trần trụi và cô thức giấc. Giấc mộng ấy làm cô trần trọc

đến sáng, nhưng chỉ sau một ngày, cô hoàn toàn quên nó bởi một lễ đơn giản cô không hiểu nó có ý nghĩa gì. Cùng với giấc mộng ấy, cô tưởng cũng quên những gì Thủy đã kể cô nghe. Chỉ còn đọng lại trong cô một nghi vấn: dường như từ ngữ “an ủi” mà Thủy sử dụng có một hàm ý còn đậm ám, mặn mà, đằm say hơn thế.

&

Bà chánh Cường nằm lại trong bệnh viện đã được ba ngày, chiều hôm thứ ba sau khi đến khám tại giường bà, quay ra, Trân gặp Thủy từ hành lang vội chạy vào giữ Trân dừng lại: sau Thủy dẫm bước Long Đạt xuất hiện, lúc đó Thủy đã nói,

-“Cha sở đến thăm mẹ em, muốn gặp chị một lúc.”

Khi Trân còn cách Long Đạt ba bước chân, cô chào,

-“Chào nghĩa huynh, lâu rồi mới gặp.”

-“Cả thế kỷ rồi chứ... Tí nữa anh gặp riêng em được không?”

-“Được chứ, nửa giờ nữa trong căn-tin em sẽ đến.”

Rồi quay lại nói vài câu dặn dò Thủy, Trân tiếp tục việc thăm bệnh cho các bệnh nhân trong các phòng bên cạnh.

Nửa giờ sau Thủy dẫn Long Đạt vào căn-tin rồi quay về chăm sóc mẹ. Ông Đạt ngồi chờ hơn một khắc sau mới thấy Trân xuất hiện trong bộ áo bờ-lu trắng vẫn còn giữ được những đường nét mượt mà; cô nhìn về mặt đăm chiêu và mặt mũi của Long Đạt rồi nói,

-“Em xin lỗi đã đến trễ bắt anh phải chờ vì có mấy ca bệnh em phải khám lại hơi lâu.”

-“Xin lỗi không chưa đủ, phải đền mới được,” Long Đạt cười nói làm hiện ra một vài nếp nhăn trên trán và hai bên khóe mắt.

-“Đền gì em cũng chịu.”

-“Đơn giản thôi, em hứa từ nay phải thỉnh thoảng đến giáo xứ thăm anh.”

-“Được em sẽ tranh thủ đến khi rỗi việc,” nói rồi cô ngồi xuống đối diện với ông qua mặt bàn kính hình vuông. Rồi ngay sau khi kêu nước uống, họ bắt đầu câu chuyện. Ông Đạt hỏi Trân trước đây ông đã có gì không tốt khiến cô không đến thăm ông và giáo xứ. Cô nói cô bận và sợ phiền hà đến ông. Ông nói sự phiền hà lớn nhất là cô không đến, nó làm cho lòng ông bất an và trống vắng. Ông nói,

-“Nhiều lúc anh nhớ Trân da diết mà không có niềm an ủi nào khả lấp được...”

-“Chẳng phải anh luôn có niềm an ủi tốt nhất của Thủy hay sao?”

-“Không phải thế, không có gì có thể thay thế sự hiện diện của em. Nó vừa cao ngạo vừa dịu dàng, vừa thách thức vừa quy thuận. Nó đặc biệt quá anh sẽ không bao giờ quên được...”

Lời nói ấy làm Trân rung động, xao xuyến. Và lại ông nói thật lòng mình vì ngay cả khi làm tình trên lưng Thủy theo ý muốn cô này, ông đã nhỏ lệ khóc nhớ Trân, và Thủy tưởng đó là mồ hôi của đối tác. Sở dĩ có chuyện này vì trước khi vào dòng nhiều tháng, Thủy đã phải-lòng ông và nhiều lần muốn hiến thân cho ông, nhưng với tư cách một người linh hướng, ông đều đã tìm cách thoái thác. Lần ấy vài tháng trước khi vào nhà tập, và đã biết được mối ẩn tình của ông với Thúy Trân nên Thủy đã nói khích ông rằng Trân đã quên ông, đã lấy chồng đẹp trai và giàu có vân vân... khiến ông trong một phút hờn ghen đã mượn thân xác của Thủy để tìm về kỷ niệm. Những lần như thế trong hoan lạc, Thủy rất mãn nguyện ngất ngây. Cô sẽ giấu kín điều này

như một dấu ấn may mắn của đời tu, một hành trang trước ngày cô bước vào cuộc sống lẻ loi và khổ hạnh trọn đời trong tu viện dưới sự hướng dẫn của các mẹ bề trên khó tính. Thật vậy, sự cố ấy không làm quyết tâm đi tu của Thủy yếu đi trái lại còn làm nó mạnh mẽ hơn. Đường như sự chung đụng, ân ái với Long Đạt đã khai ngộ cô bước vào con đường giải thoát, giống như trong câu chuyện thiền kể về một nữ tu thiền tông hồi tục khi xuống núi về nhà bị một bọn cướp cưỡng dâm đã *hốt nhiên đốn ngộ* để rồi ngay trong lúc đó nhận chân ra đời sống chỉ là vô thường, khổ não và vô ngã. Có lẽ trong khoảnh khắc bị cưỡng dâm, tấm thân trong trắng của thiền nữ thành một khối ô uế, nhưng trên cái nền tối tăm, như nhuộm ấy, “Chân-tâm” lại được tỏ rạng như sao mai và được nắm bắt như một cái gì thường hằng vô nhiễm. Và lại đối với Thu Thủy từ ngày ấy, ngoài lý do “ơn gọi”, có một lý do rất thực tế để Thủy đi tu, là nếu còn sống ngoài đời, Thủy không thể cưới Long Đạt và hơn thế nữa không còn có thể yêu một người nào khác, lúc đó tình yêu một chiều của cô sẽ trở thành dây oan trái: Quả thật cổ nhân đã rất có lý khi nói rằng “*tu là cội phúc, tình là dây oan*”.

Dù tin những lời Long Đạt nói là thật, nhưng Trân vẫn cố ý hỏi lại,

-“Anh nói thật hay chỉ muốn nói nịnh em đây?”

-“Em biết là anh nói thật mà.”

Sau đó Trân nói sang chuyện khác khi hỏi về giáo xứ. Long Đạt cũng kể lại những thành tích của giáo xứ nhưng không phải để tự hào vì ông nói tiếp, “Thật ra anh chẳng có công lênh gì; tất cả là nhờ tinh thần ganh đua giữa các đoàn thể và các giáo xứ cũng như thói trọng hình thức của giáo dân. Anh sẽ có dịp nói rõ hơn...”

Họ nói thêm vài câu chuyện khác rồi chia tay. Ông Đạt không quên nhắc lại lời Trân hứa đến thăm ông và mong cô sớm thực hiện. Ít phút sau các bác sĩ và y tá kéo nhau đến căn tin để dùng bữa ăn cơm chiều của họ.

TRỜI ĐẸP CUỐI TUẦN

Hai tuần sau, một ngày cuối tuần, trong khi Đan Phương về Sài Gòn để đưa mẹ cô đi khám phổi và lãnh thuốc trị lao, vì mười năm sau ngày cha cô mất, rồi cậu cô và hai đứa em trai vượt biên mất tích trong cơn bão, bà phải vất vả nhiều để nuôi cô con gái út ăn học trong nỗi buồn bã và cô đơn dai dẳng mà hậu quả là bà bị lao phổi. Sáng hôm ấy, sau bữa điễm tâm, Trân đón taxi đến giáo xứ Phúc Châu mà gần mười năm qua Long Đạt đã làm chánh xứ. Mười giờ sáng cô xuống xe trước cổng nhà thờ mới tân trang rất hoành tráng. Cô đi bộ vào trên sân lát đá và hồi hộp lo âu khi bước lên thềm nhà-xứ, có lẽ cô lo sợ vì đã từng thua cuộc ở đây. Nhưng ngay lúc đó, chị Ngát từ nhà bếp bước ra cười nói đón chào,

-“Ôi cô Thúy Trân đây mà, lâu lắm rồi cô mới ra chơi. Bà cố Hạc mới ra tuần trước và về được mấy hôm nói cô vẫn khỏe.”

-“Vâng tôi vẫn khỏe, còn chị?”

-“Thưa cô, tôi vẫn khỏe và vẫn còn có thể phục vụ cho cha và giáo xứ.”

Sau đó chị Ngát dẫn Trân vào phòng khách và bảo cô đợi cha trong khi rót nước trà từ một cái bình giữ nóng mời Trân. Trang trí trong phòng đã thay đổi rất nhiều so với khi xưa. Bộ xa-lông mà cô đang ngồi bằng gỗ quý màu đất nung bóng lộn. Ở một góc phòng có một bàn giấy chân quỳ khảm sà cừ, với một cái đèn ba tắc, cái ghế dựa cũng khảm sà cừ, trên mặt ghế đặt một cái nệm gối bằng nhung đen. Khi đi vòng qua bàn để sờ tay vào thành ghế, Trân thấy một khung ảnh sát tường lộng một bức ảnh chụp ba người: Long Đạt với áo chùng thâm ở giữa, một bên là bà Hạc, mẹ cô mặc áo dài và một bên là chính cô quần Jeans áo kiểu. Bây giờ cô mới nhớ họ đã chụp bức hình này trong lần mừng bốn năm chúc thánh trước hang Lộ Đức, trong vườn cây cỏ thụ.

Bây giờ khi nhìn lại chính cô trong hình vào thời kỳ mà cô còn trẻ đẹp hơn bây giờ, cả một chuỗi hoài niệm từ trong quên lãng kéo về. Cô nhớ lại lúc đó mẹ cô bảo cô nên mặc áo dài cho kín đáo nhưng cô không nghe vì từ ngày yêu mến Thục, cô đã chuyển sang mặc đầm và quần Jeans, chỉ còn một bộ áo dài trắng đồng phục trong giáo xứ. Có lần Thục đã khen cô rất hấp dẫn trong cái quần Jeans bó sát làm nổi rõ các đường cong bên dưới thắt lưng cô. Lần đó cô thẹn đỏ mặt và đã khen lại Thục một câu tương tự. Cô nghĩ mẹ cô hơi cổ hủ và cũng không màng một sự khen chê nào của Long Đạt. Dù sao cô cũng cảm động khi thấy Long Đạt còn để hình cô và mẹ cô trước mắt trên bàn giấy. Liệu ông có thấy một sự hấp dẫn nào đó của cô không? Giữa bàn bên phía ghế ngồi, một cuốn sách dày đang mở ra với mảnh giấy in một câu châm ngôn chặn trang sách đang đọc dở. Cô cầm mảnh giấy in lên và đọc được câu châm ngôn: “Khi sức-mạnh-yêu-thương vượt xa hơn lòng yêu-thương-sức-mạnh, lúc đó thế giới sẽ có được hòa bình.” Ở từ ngữ “sức mạnh”, ông Đạt vạch một mũi tên ra bên lề trắng viết một chữ “quyền lực” có lẽ để chú thích theo một ý nghĩa mà ông tâm đắc. Thúy Trân chưa vội đặt mảnh giấy in vào giữa hai trang sách, cô còn muốn biết Long Đạt đang đọc sách gì. Cô nhìn vào trang sách và thấy xuất hiện hai câu của thánh Phao-lô. Một câu trích từ thư Rôma: “Lề luật đến để sự phạm pháp gia tăng; nhưng ở đâu tội lỗi gia tăng thì ân sủng lại càng dồi dào gấp bội.” Câu kia trích từ thư Côrinthô thứ nhất: “Khi thân hư nát này mặc lấy sự bất hoại, thân hay chết này trở nên bất tử, lúc ấy Kinh Thánh sẽ được ứng nghiệm: ‘Sự chết đã bị tiêu diệt trong chiến thắng!’ *Hỡi sự chết, chiến thắng của mi ở đâu? Hỡi sự chết nọc độc của mi ở đâu?*” Câu này khiến Trân hơi sợ, cô gài mảnh giấy in vào trang sách rồi về ngồi lại cái ghế bành gỗ lim bóng lộn; lúc đó Long Đạt trong áo sơ mi trắng, quần tây đen xuất. Thấy Trân ông nói, “Trân đấy à,” rồi ông lại ôm lấy hai vai cô, nói tiếp, “Cơn gió nào hôm nay đưa em đến vậy?” Trái với phản ứng bình thường, cô không đẩy ông ra, cô còn tì cái cằm thon thanh tú trên vai ông, đáp lại như đùa, “Cơn gió nhẹ vô thường...” Lúc đó ông nắm hai vai cô đẩy ra hỏi lại, “Vô thường hay phi thường?” rồi ông cười không chờ câu đáp lại và cả hai cùng ngồi xuống. Ông nói ông mới đi xúc dầu cho kẻ liệt về, hỏi cô về chuyến đi và một vài chuyện khác. Rồi ông dẫn cô qua nhà khách vào chính căn phòng mà Trân và Thục từng ở lại. Sau khi nhìn kỹ cô trong áo kiểu, quần Jeans với sự thán phục, ông nói, “Em cứ nghỉ ngơi một lúc đi, đúng mười một giờ, ra chỗ núi Lộ Đức ta sẽ nói chuyện tiếp đúng mười hai giờ rưỡi ăn cơm, còn buổi chiều sẽ tính sau.” Nói xong ông ra khỏi phòng về lại nhà xứ.

&

Một mình trong phòng, Trân ngả lưng xuống nệm giường một lúc, sau đó cô ra cửa sổ ngắm những hoa mười giờ, hoa cúc dại, hoa hướng dương trong bồn hoa viền bằng những viên đá xanh hình hộp của nhà khách. Và khi đứng trước tấm gương soi của tủ áo, một nỗi cô đơn bỗng tràn ngập lòng cô. Vâng, đó là nỗi cô đơn “nguyên thủy”, nỗi cô đơn của Adam trong vườn Địa đàng khi Eva chưa được tạo dựng từ xương sườn của Adam, khi Adam chưa có bạn tình, mặc dù ông luôn có Đức Chúa bên cạnh. Trân cố gắng vượt qua nỗi cô đơn kỳ lạ này với việc chiêm ngưỡng chính cô trong gương, từ khuôn mặt ngây ngô lúc này mà hơn một người nói là khả ái, đến bộ ngực cao như hai ngọn núi đôi dần xuống một bình nguyên hẹp chỗ cái eo thanh mảnh, giữa là cái rốn mỡ miều như một cái ao nhỏ đến một gò nhỏ hình tam giác mẩy mượt như một miếng ngọc đen chìm trong cẩm thạch trắng trên đôi chân dài như trụ đá hoa cương của đền thiêng. Bất chợt cô giật dữ với chính hình ảnh cô trong gương, đúng hơn với cái nữ tính của nó, cái nữ tính mà cô cho là luôn bị chà đạp trong mọi nền văn hóa. Cô quay lại giường cầm lấy cái gối ôm đập túi bụi vào gương, mắt ứa lệ, miệng làu bàu, “Ta ghét mi, ta hận mi!” Lúc đó, tiếng đồng hồ treo tường báo mười một giờ, giờ hẹn với Long Đạt trong vườn cây.

Trân buông cái gối màu nâu xuống sàn nhà, mặc vội chiếc áo đầm lụa màu tím, vuốt lại mái tóc cắt ngắn, đi ra khỏi phòng. Đến trong vườn cây, cô đã thấy Long Đạt ngồi đợi cô trên một băng ghế đá bên tay phải hang Lộ Đức. Cô nhẹ nhàng ngồi xuống đầu băng ghế đá kế bên và câu chuyện bắt đầu đúng hơn lại tiếp tục sau một lời ông khen cái áo đầm đẹp. Ông nói thời gian qua, ông đã không còn tập môn võ quyền anh nữa vì nhóm thanh niên lêu lạo du côn không dùng bạo lực kiểu đánh đấm mà dùng khủng bố kiểu xịt nước bắn vào ông với một xy-lanh to của thú y khi nào trong bài giảng, ông chỉ trích thói làm ăn bất lương của họ. Ông trở nên chán nản và khi nhớ lại lời khuyên: “Đừng ôm rơm cho nặng bụng” của nghĩa muội, ông trở lại cách làm mục vụ như nhiều cha sở khác: giảng đạo đức chung chung, lý thuyết có sẵn trong các sách giảng kinh và đi theo sát sự hướng dẫn bằng chữ đỏ trong sách lễ. Một cách nào đó ông trở thành một công chức uể oải nhưng cần mẫn cho giáo hội. Ông luôn chiều theo ý kiến hội đồng giáo xứ nâng gác chuông cao thêm năm mét, trang trí nhà thờ bằng các hoa văn đắp nổi cầu kỳ, thực hiện các nghi lễ hoành tráng, phô trương nặng hình thức, từ đó ông được lòng giáo dân, còn họ thì cứ mãi sống đạo trên con đường mòn vẹt của thói quen vị lợi, hoặc thói quen sợ hãi và trong lòng không thiếu sự ganh tị và bè phái.

Sự nhượng bộ này khiến Long Đạt nhận ra rằng, ông không còn theo đúng ơn gọi ban đầu khi còn trong chủng viện là làm giáo dân thẳng tiến cả đạo lẫn đời, cả tinh thần lẫn vật chất; điều này làm ông chua xót. Tâm trạng này có lẽ giống tâm trạng cô Thúy Kiều “*Khi tỉnh rượu lúc tàn canh/ Giật mình mình lại thương mình xót xa.*” Dưới bộ tu phục và mặt nạ chức thánh, ông muốn tìm lại các lý tưởng phục vụ ban đầu. Từ đó ông tìm đọc các sách lịch sử đạo đời viết về Giáo Hội, và ông rùng mình sợ hãi khi biết giáo hội cơ cấu đã từng cho phép cuộc Thập tự chinh tiêu diệt Hồi giáo, và còn là đồng phạm của tôn-giáo-pháp-đình (inquisition), tất cả những bóng tối ấy của giáo hội cơ cấu đã đem lại cho ông ý tưởng viết một luận văn dài 40 trang với nhan đề là: “*Giã từ cơ chế, tìm lại tự do.*” Ông coi nó như một nhật ký tâm linh cho riêng ông; mặt khác có viết ra ông mới thấy nhẹ lòng. Và lại biểu hiện cao cả nhất của tự do là

yêu thương đúng nghĩa như Chúa yêu chúng ta. Như lời Phúc âm thứ tư đã viết *Thiên Chúa là tình yêu* hoặc như lời thánh Augúttinô đã viết: *Hãy yêu thương rồi làm điều con muốn.*”

Ngồi nhìn Long Đạt từ một góc nghiêng, Trân thấy khuôn mặt ông thể hiện những đường nét chân phương một chiến binh La Mã đầy nghị lực. Suốt thời gian này, Trân im lặng, chấp tay trên đùi lắng nghe cái bi kịch nội tâm của một cha xứ, có thể nói như vậy: Chúa mời gọi người ta đi theo Ngài nhưng nào ai biết được đường đi sẽ ra sao và cả những viên chức gác đường đầy quyền lực trong Giáo Hội. Sau cùng cô nhìn Long Đạt ưu tư hỏi,

-“Anh làm vậy có còn đúng với yêu cầu của chức thánh không?”

-“Vậy em nói anh nghe thử em nghĩ gì về bí tích truyền chức.” Long Đạt hỏi lại thay vì trả lời cô.

-“Em là người của khoa học, trong ngành y nên em không tin một điều trái tự nhiên như việc giữ đời độc thân khiết tịnh làm nên bí tích được. Như thế bí tích sẽ thành một thứ phù phép mà thôi. Đó là chưa nói điều trái tự nhiên ấy dễ gây ra những tâm lý mất quân bình.”

-“Thời gian gần đây anh cũng nghĩ như em vậy.”

Sau đó hai người im lặng, trong buổi trưa nắng nhẹ nhờ những đám mây như những khối bông trắng khổng lồ trên bầu trời, tiếng ve sâu vẫn không ngừng râm ran trong các cành cây. Giữa khoảng lặng này, Trân chợt thấy rằng suốt thời gian xa nhau, Long Đạt đã có nhiều chuyển biến nội tâm, đã xét lại giá trị tuyệt đối của bí tích mà cô thường dùng như một cái cớ lìa xa anh và ông đã tạo cho mình một nhân sinh quan của một linh mục cấp tiến. Mặt khác nỗi sợ vô thức nam giới trong cô hôm nay cũng đã giảm đi rất nhiều. Có lẽ những kỷ niệm trước đây với Long Đạt mà cô tưởng đã quên vẫn không ngừng làm nỗi sợ ấy xói mòn.

Lúc đó tháp chuông reo vang báo hiệu mười hai giờ, Long Đạt mời Trân đứng lên để cùng đọc kinh Truyền tin với ông, một việc mà chưa bao giờ cô làm. Đọc kinh xong, hai người theo nhau về phòng ăn, họ cũng đã thống nhất buổi chiều sẽ nhờ xe ô-tô của nhà khách để tham quan suối nước nóng Bình Châu.

Có lẽ, phòng ăn là nơi ít có sự thay đổi, vì vẫn giữ lại các món trang trí cũ ngoại trừ một bình hoa vải khá to để kê bên bàn nước. Và ở cửa sổ không còn treo đôi găng tay tập quyền anh nữa. Trong lúc dùng bữa, Long Đạt đưa Trân xem cuốn cẩm nang sống của ông: *Giã từ cơ chế, tìm lại tự do*. Mặc dù chỉ là bản thảo như lời ông nói, nhưng bốn mươi trang viết đã được đánh máy vi tính và đóng lại thành tập trong một cặp bìa giấy cứng màu xanh lam với một ruột gà nhựa màu xanh lá. Trân lật từng trang để xem lướt qua vì Long Đạt nói sẽ chấp bút lại vài chỗ trong văn bản và sẽ thực hiện hai bản chính một cho ông và một cho cô. Không có một bản thứ ba nào cả, kể cả cái tệp tin trong máy vi tính khi nào xong sẽ bị xóa bỏ. Trong lúc cô lướt mắt trên các trang giấy, Long Đạt nhìn vào trán cô với rèm mi hạ thấp để xem cô có biểu lộ cảm tưởng gì trên khuôn mặt. Có hai lần cô cau mày suy nghĩ trước hai tiêu mục viết chữ đậm: Một là *Mối lương duyên Thần-Thế: Constantin, người chủ hôn* ở đây cô đọc thấy sự gắn kết của hai quyền bính: thần quyền và thế quyền từ khi hoàng đế Constantin nhận Ki-tô giáo làm quốc giáo cho đế quốc Rôma. Xem ra mối “lương duyên” này vẫn trường tồn, cho dù Napoléon đã muốn tách rời chúng bằng những sắc lệnh “chia loan rẽ thụy” của ông. Hai là *Một món súp thập cẩm: giáo huấn nguyên thủy của Đức Kitô với ngẫu tượng giáo La Mã-Hy Lạp* ở đây cô đọc thấy sự xâm

thực của văn hóa đa thần giáo La-Hy vào nội dung đức tin ban đầu. Những dòng cuối cùng là một lời cầu nguyện; đó là lời cầu xin cho Giáo Hội được nên thánh, nhất là trong thời đại hôm nay khi con người đã hóa ra ích kỷ, chai đá, khi xã hội đã bị tục hóa với thuyết tương đối và thuyết vô thần. Có như thế Giáo Hội mới xứng đáng là dân thánh của Thiên Chúa. Đến đây, Trân gấp sách lại và hỏi,

-“Liệu em khô đạo như ngồi lại còn xác thịt nặng nề có còn là dân thánh không anh?”

-“Còn chứ nếu em vẫn luôn tin. Em hãy nhớ chúng ta được cứu bởi chỉ đức tin chứ không phải vì công nghiệp, thánh Phaolô đã nói rõ điều này.”

-“Dù sao em vẫn luôn tin đúng hơn luôn cố gắng tin anh ạ,” rồi cô nói tiếp, “Em sẽ đọc kỹ hơn tập luận đề này sau khi anh sẽ cho em một bản gốc. Lúc đó nếu cần anh giải thích, em sẽ hỏi anh.”

Rồi họ ăn món tráng miệng mà chị Ngát mang đến. Trước khi mang vào và khi lui ra chị ngừng lại ngoài cửa nghe ngóng. Một mối hồ nghi đã nảy sinh trong lòng chị Ngát. “Sao họ tình tứ đến thế?” Và để thử xem sự hiệu nghiệm của bùa chú mà chị thường dùng cho chồng chị lúc gần đây đã trở nên đổ đốn, lang chạ nên chiều hôm đó chị đã lén vào phòng hai người để dưới vạt giường của họ hai gói bùa yêu mà chị vừa mới chuộc về. Thật vậy, chiều hôm đó lúc hai giờ, Long Đạt và Thúy Trân lên xe ô tô đến Bình Châu thăm thú. Sau khi ăn tối tại nhà hàng ở đó, họ mới quay về.

BA SINH HUƠNG LỬA

Thật ra họ chỉ đi một vòng trong khu du lịch rồi vào nhà hàng ăn tối sau đó ra về vì lúc đi khi còn cách Bình Châu hai cây số, xe bị mất điện và họ phải chờ bác tài sửa chữa gần một giờ mới đi tiếp. Trong thời gian đó Long Đạt và Trân đi loanh quanh vào một xóm quê gần đường lớn. Đi được một đoạn dưới bóng các cây dừa, Trân thấy sau một hàng cây rậm một cái miếu ngũ hành, cô nắm tay Đạt kéo vào trước một cái khám lớn xây bằng gạch có mái gạch men giả ngói, một bức màn màu hồng che phía trước khám thờ. Qua một khe nhỏ bên hông, Trân thấy một bộ năm tượng nhỏ bằng các búp bê mặt tròn, da trắng giống hệt nhau như năm cô gái song sinh; họ mặc năm cái áo dài với năm màu khác nhau mà người ta gọi là năm bà ngũ hành hoặc ngũ hành nương nương. Các tượng ấy được xếp thành một hàng ngang sau một bát hương to và hai chân đèn cao chưa gắn nến, chỉ có một cái đèn dầu nhỏ bóng hột vịt màu đỏ thấp leo lét. Sẵn có một cái băng ngồi bằng đá mài, hai người ngồi xuống nghỉ chân. Sau mấy phút có một phụ nữ lông mày vẽ đậm, môi thoa son đỏ, quần lụa xanh lá, áo tím than từ căn nhà lụp xụp phía sau khám thờ ra chào và hỏi,

-“Hai nam nữ đi dạo chơi gần đây?”

Long Đạt giải thích rằng xe họ bị hỏng chờ sửa. Người phụ nữ quay vào trong với dáng đi nhún nhẩy rồi trở ra với hai ly nước. Cả hai đều uống một ngụm nhỏ vì không quen mùi lá dứa và gừng. Khi chào người phụ nữ để quay lại chỗ đậu xe, người phụ nữ cầm một bao nhựa trong có

hai trái táo Mỹ và một hộp bánh nhỏ đưa cho Trân và vừa nhìn vào áo đầm hồng của Trân vừa nói,

-“Cái này tặng cho hồng nương nương, con gái của mẫu,”

-“Con gái của mẫu?” Trân vừa hỏi vừa nhìn Long Đạt để hội ý. Đạt ra hiệu cứ nhận quà, trong lúc người đàn bà nói tiếp.

-“Nữ này được mẫu cho biết trước,” rồi chị ta nhìn Long Đạt, “Còn người nam này đi với con-gái mẫu cũng là giống thần tiên.”

Cả hai phải kèm lại tiếng cười to, cảm ơn người phụ nữ rồi ra lại đường lớn sau đó tiếp tục cuộc hành trình. Trên xe ngồi kế bên bác tài, Long Đạt kể lại câu chuyện lạ lùng ấy cho bác tài nghe, rồi ông quay lại nói đùa với Trân,-“Em cẩn thận đấy, coi chừng trong táo và bánh có bùa ngải của hồng nương nương đó.” Trân cười nhưng lòng tự nhủ, “Hình như anh cũng là bùa mê của em rồi đó.”

&

Xe về đến cổng nhà thờ khoảng bảy giờ tối, nhà thờ như một khối gạch đá đứng im lìm trong một không gian vắng vẻ. Khi cùng bước bên nhau vào nhà xứ, Long Đạt chúc Trân ngủ ngon. Lúc đó họ đã đến cổng sau nhà khách giáp khuôn viên nhà thờ, Trân nắm lấy cổ tay Long Đạt nói,

-“Lát nữa anh đến với em nhé: em **cần** anh...”

-“Em cần anh sao?”

-“Vâng em cần tình yêu của anh để vượt qua chính mình, để nam tính của anh làm cho nữ tính của em được cân bằng và trọn vẹn...” Rồi quay ngang để đối diện với ông, cô hỏi, “Anh đến được không?”

-“Được, anh sẽ đến.”

-“Em sẽ đợi,” nói xong Trân buông hai bàn tay Long Đạt, quay bước về phòng.

Sau khi tắm rửa, Trân thay đồ ngủ rồi lên nằm trên giường hồi tưởng lại câu chuyện lạ tại miếu ngũ hành mặc dù cô đã vứt trái táo và bánh vào sọt rác, rồi khi đọc một bài báo về du lịch trong tờ báo có sẵn ở bàn đèn ngủ, đôi mí mắt nặng sắp chìm vào giấc ngủ thì Long Đạt bước vào qua cửa phòng không khóa. Dưới ánh đèn ngủ, ông khẽ kêu tên cô trong lúc chiêm ngưỡng những đường cong của thân thể cô lung linh huyền ảo dưới bộ áo ngủ mềm mại, mỏng manh làm nổi rõ những đường cong quyến rũ. Cô tỉnh giấc nói,

-“Anh đến rồi à, nằm ôm em đi.”

-“Có tắt đèn không em?”

-“Không cần đâu anh.”

Đạt nằm xuống, cẩn trọng như cử hành một nghi thức. Hai người nằm nghiêng ôm nhau nhìn nhau một lúc nói những lời yêu đương trước khi những nụ hôn mở màn cuộc quần thảo với bàn tay và môi Đạt ráo riết lướt nhẹ nhàng trên da thịt Trân từ cặp đùi cô lảng mướt đi ngược lên cao, dừng lại lâu trên ngực trần mẩy mướt của cô. Sau đó khi cả hai trần trụi, Đạt ấn sâu vào cô gọn gàng, khít khao với động tác lui tới nhịp nhàng. Trân rên rỉ và quần quai mãi cho đến lúc những cái ấn mạnh và dứt khoát sau cùng của Long Đạt làm cô kêu lên thảng thốt. Đạt vừa phi ngựa vừa ngấm khuôn mặt ngây ngất và xuất thần của Trân như một cánh hoa rung rinh trong

gió mạnh, như tiếng vĩ cầm vang lên khi thanh vĩ lướt qua. Sau đó họ cùng ôm nhau đi vào giấc ngủ.

Khi gần sáng một cơn mưa đêm với tiếng sét rất to trong bầu trời làm họ tỉnh giấc trong đêm mưa to gió lớn. Họ lại rút vào nhau quần thảo và ngấu nghiến bữa tiệc liên hoan của tình yêu đã tìm lại được sau một thời gian dài quên lãng.

Sau thánh lễ buổi sáng, Trân từ nhà thờ bước ra như còn say ngủ, đứng đợi linh mục chủ tế ngoài cửa phòng áo. Một lúc sau ông gọi cô vào lúc chỉ còn hai người, ông quỳ gối xuống trước mặt cô đưa lên một hộp giấy đỏ trong đó trong gắn một cái nhẫn kim cương đã làm phép. Sáng hôm đó trước khi Trân về lại bệnh viện, ông đã ngỏ lời cầu hôn cô và kể từ đó cuối mỗi tháng họ đều gặp nhau. Mọi quan hệ bí ẩn ấy hầu như không ai biết suốt mấy năm liền trừ chị Ngát, đóng vai người ngoài cuộc.

Trong thánh lễ sáng sớm hôm đó, chị ngồi trong nhà thờ cùng dãy ghế với Trân, nhìn khuôn mặt đẹp đẽ dần của Trân sau một đêm yêu đương đắm đuối chị Ngát biết là lá bùa chị dùng gắn kết hai người đã có tác dụng. Chị càng tin thế khi linh mục chủ sự đọc lời truyền phép, chị thấy Trân vừa quỳ vừa ngủ gật. Rồi không như mọi ngày khác, sau thánh lễ chị thường vội vã về nhà nấu cơm để chồng chị ăn sáng và mang theo đi làm: Anh và các thợ bạn trong đó có hai thợ mới vừa nhận đóng một chiếc ghe chài dài mười hai mét. Sáng hôm đó, chị chần chừ ở lại núp sau một cột gỗ để theo dõi Trân; và sau một bức bình phong, chị đã chứng kiến cảnh Long Đạt trao nhẫn cho Trân. Vô hình trung chị là người chứng hôn duy nhất cho hai người. Chị liền vội vã rút lui và về nhà thật nhanh để lo cơm nước cho anh chồng phóng túng mà chị phải hết lòng chiều chuộng.

Đọc đường chị luôn xuýt xoa vì cái nhẫn ấy giá không dưới mười triệu bạc, chị nghĩ bụng, “ông cha này giàu quá, nhưng với cô em kết nghĩa này như thế mới đáng, vì cô này trí thức, xinh đẹp và lịch sự hơn Kim Mão cả ngàn lần.”

Chị Ngát không phải cố gắng lắm để giữ kín việc này, vì chị nghĩ nó liên quan đến việc chị dùng bùa ngãi trái luật đạo. Và lại chị không muốn mất cái chân nấu ăn cho cha sở vì sau một tuần chị được thu gom các nguyên liệu nấu bếp còn thừa mà nhà chị đủ dùng trong tuần sau đó. Trong hai thợ mới của chồng Ngát, anh thợ còn đang học việc lại chính là con thứ ba của bà Suát, người hái trà ngày xưa đã ở chung với bà Hạc trong căn lều dưới chân đồi suốt thời gian bà này chờ ngày sinh nở. Thỉnh thoảng bà Suát ra thăm con và ngủ lại đêm tại nhà vợ chồng Ngát, tức là nhà ông thầy dạy nghề cho con bà. Những ngày ấy bà Suát tham dự thánh lễ tại nhà thờ Phúc Châu. Một hôm sau giờ thánh lễ, khi ra khỏi nhà thờ bà Suát thấy một bà trông rất quen mặc áo dài nhung xanh đen, khuôn mặt còn giữ những nét đẹp thời trẻ; bà Suát nghĩ trước đây đã gặp bà này ở đâu rồi. Bà Suát cố nhớ lại cái tên nhưng không nhớ được, bà quay lại tìm chị Ngát cũng vừa ra khỏi nhà thờ và hỏi,

-“Bà mặc áo dài gấm xanh đen kia tên gì vậy, chị Ngát?”

-“Đó là bà có-hai tên Hạc,” rồi chị hỏi lại, “Bà có quen biết bà có?”

-“Không, chỉ tại tôi thấy cái áo dài ấy may khéo quá. Hẳn bà ấy là người trong giáo xứ này?”

-“Không, bà có-hai ở Sài-gòn hay ra đây trong các ngày lễ trọng để thăm cha sở. Và lại hôm nay là ngày lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời, bà quên rồi sao?”

-“Vâng tôi hiểu?”

Rồi trên đường về nhà để thay áo ngắn đi nấu ăn, chị Ngát còn kể cho bà Suất nghe bà cố-một Thanh Gấm ở Đức Trọng, rằng hai bà cố ít gặp nhau cũng chẳng ưa nhau vì có con chung là cha sở. Chị không hề nói gì về Trân đưa con gái của bà cố-hai, vì có liên quan đến việc chị dùng bùa ngãi, một tội mà ngày xưa có thể bị pháp đình tôn giáo thiêu sống.

Qua tháng sau, khoảng cuối tháng, bà Suất lại ra thăm con và lần này sau thánh lễ, bà thấy một cô ngoài ba mươi tuổi có khuôn mặt đẹp và giống như bà Hạc ngày xưa. Lần này bà Suất hỏi một bà trung niên đi cạnh bà khi ra khỏi nhà thờ sau thánh lễ,

-“Bà ơi, có phải cô mặc đầm kia là người ở nơi khác đến?”

-“Đúng đây bà, cô ấy là bác sĩ Trân, em gái của cha sở ra thăm cha.”

-“Cô ấy có đi chung với bà cố không?”

-“Hầu như họ không đi chung với nhau...”

-“Thế à, cảm ơn bà.” Bà Suất nói xong vội bước về nhà chị Ngát. Trên đường về bà biết ngay cô Trân ấy chính là con gái của bà Hạc vì bà cố-một chỉ có một trai duy nhất là cha sở, nhưng tại sao bà Hạc nhận cha sở làm nghĩa tử còn cho con gái ra đây một mình. Rồi bà tự nhủ, “Chiều nay mình về lại Bảo Lộc, mình phải hỏi cô Cán, chị họ của Hạc cho ra lẽ. Hẳn phải có sự khuất tất gì ở đây: nhìn khuôn mặt cô Trân ấy no đầy mãn nguyện của người đang yêu và được yêu mình không nghĩ ngờ sao được.”

Trở lại công việc thường nhật ở vườn trà, những lúc ngồi lựa và phân loại lá trà hái được, bà Suất đã dò hỏi cô Cán về đứa con mà Hạc đã sinh ra hiện ở đâu và thế nào, cô Cán đều trả lời không biết. Sau cùng bà Suất phải bịa ra câu chuyện bà tình cờ gặp được bà Hạc đang bệnh nặng. Bà này rất muốn biết con trai bà hiện nay ở đâu sau hơn ba mươi năm xa cách để bà gặp mặt một lần cuối cùng trước khi chết. Cô Cán cảm động hoàn cảnh của em họ nên sau cùng phải nói:

-“Khi chị Hạc sinh xong, bố mẹ chị ấy bảo mẹ em đem thằng bé cho một cặp vợ chồng hiếm muộn họ Hoàng ở Đức Trọng, bà vợ tên Thanh Gấm, nghe nói sau này cậu ta đi tu làm linh mục ở Bà Rịa, không biết thuộc giáo xứ nào. Muốn biết phải đến Đức Trọng, hỏi bà cố Gấm ở giáo xứ Sơn Hà, bà cố nay bị liệt phải ngồi xe lăn.”

Hai tuần sau có việc đến Đức Trọng, bà Suất đã dò biết tên của linh mục ấy là Hoàng Long Đạt ở giáo xứ Phúc Hậu. Như vậy bà Hạc đã tìm được con trai bà lâu rồi, nhưng không dám nhận con nên phải xin người con được làm nghĩa mẫu, vì thế bà cũng đã không cho cô gái út Thúy Trân biết sự thật về người anh cùng mẹ với Trân. Và bà Suất quyết định sẽ cho Trân biết sự thật ấy để tránh những sự trái luân thường có thể xảy ra. Bà sẽ thực hiện quyết tâm đó trong lần tới ra Phúc Châu thăm con trai út, trong lúc chờ đợi bà không quên cầu nguyện cho bà Hạc và các con bà ấy đặc biệt người con đang là linh mục ở Phúc Hậu.

SỰ THẬT NẢO NÈ

Sau lần Trân và Long Đạt gặp lại nhau bốn tháng, và cũng bốn lần hẹn hò cuối tháng, Đan Phương khám phá mỗi quan hệ bí ẩn ấy của Trân, có lẽ qua mùi da thịt, cách ăn mặc và lời nói hoặc một sự khác thường nào đó, và Phương đã ám ức, đã nổi điên. Cô thật sự bất mãn và thất vọng. Một hôm, sau giờ ăn tối, Đan Phương kéo Trân ra sau hành lang nhà nghỉ, ném trả cái kẹp tóc mà Trân đã mua cho. Trân ngạc nhiên hỏi,

-“Sao vậy Phương?”

Và trong ghen ngào tức tưởi, Phương nói,

-“Minh biết bạn đã chán mình, bạn đã bỏ rơi mình để chạy theo sự quyến rũ của một thầy tu dâm bôn hiếu sắc và để hấn cường đoạt...”

-“Khoan đã, Phương nói về ai vậy?” Trân cố gắng kèm chế cơn giận dữ ghen tuông của Phương. Công bằng mà nói chính Trân đã quyến rũ Đạt, và chính cô mới dâm bôn, ham muốn dục tình vì cô luôn cho rằng tình yêu phải luôn dẫn đến hành vi tình dục, không thể thiếu. Trong một mức độ, đối với một phụ nữ có võ nghệ như cô đó là cách chết cho người mình yêu.

-“Vậy ai là cha sở ở Phúc Hậu đã bắt chấp giáo luật, xé rào tìm đến bạn?” Phương vặn lại.

Biết không thể nóng vội, Trân kéo Phương ngồi xuống thành một bồn hoa và tìm lời giải thích với cách xưng hô quy ước của họ: Phương xưng ‘mình’ còn Trân xưng ‘ta’ như trong câu thơ: *Mình với ta tuy hai mà một/ Ta với mình tuy một mà hai*. Trân quàng tay vuốt ve một bên vai của Phương và nói

-“Ta nói cho mình nghe để hiểu cho ta với...” Rồi Trân nói cha sở ấy là nghĩa tử của mẹ cô và như thế cô trở thành nghĩa muội của ông ấy. Trong một lần bực tức Nghiêm Thực, Trân đã thách đấu với ông ấy và vì thua cuộc nên theo giao ước Trân phải an ủi nỗi cô đơn trong đời tu xem ra không mấy suông sẻ của bên thắng cuộc. Sau cùng Trân dịu dàng nói với Phương,

-“Minh thấy có bao giờ ta thôi yêu mình không. Một tháng có bốn cuối tuần ta đã dành cho mình ba cuối tuần, vừa dạy nhu đạo vừa an ủi yêu thương mình, còn với thầy tu ấy, ta chỉ dành một cuối tuần vào cuối tháng cho ông ấy.” Nói xong Trân kéo Phương vào lòng cô, hôn lên mái tóc cô.

-“Có thật Trân không bỏ rơi mình sao?” Đan Phương ngược mặt lên hỏi

-“Không bao giờ ta bỏ rơi mình nên mình đừng nghĩ quẩn nữa. Và lại một cuối tuần xa nhau tạo nên khoảng lặng càng làm cho sự thương yêu giữa ta và mình càng thêm đậm thắm.”

-“Quả thật có lúc mình nghĩ quẩn: mình nghĩ mất tình yêu, mình sẽ tự tử cho Trân phải ân hận suốt đời.”

-“Ta cảm mình nghĩ đến chuyện đó nữa.” Trân gần giọng nói.

Lúc đó ánh đèn trong các hành lang, các lối đi và phòng bệnh được thấp sáng. Sau bức tường cao, Trân ôm Phương mảnh khảnh trong vòng tay và hôn vào môi Phương cách đắm say ráo riết khiến Phương phải nghiêng người dựa lưng vào một cột bê tông của hành lang. Khi ấy đôi môi của Trân vẫn chòm tới đùa chơi trên bộ ngực hơi lép của Đan Phương, trong lúc một bàn tay của Trân đã đưa thấp xuống sờ soạng một bên mông, rồi lần ra phía trước bên dưới rốn của

Phương; Phương kêu lên hoan hỉ. Sau mười phút âu yếm bên nhau Phương về lại khu si-đa mà cái bóng của cả khu nhà nhìn từ xa như một cỗ máy hồng nằm dài buồn bã trong đêm.

&

Rồi ngày bà Suát ra Phúc Châu thăm con trai đóng thuyền cũng đến. Trước khi đi, bà mua cho con một cái chăn và ít quần áo cũ. Bà cũng mua mút mật, nước cốt dâu để làm quà cho vài người quen.

Ra đến nơi, chị Ngát cho bà biết mẹ chồng chị đang nằm trong bệnh viện và chị nhờ bà giúp một tay chuẩn bị trước bữa cơm chiều cho cha sở để buổi chiều, họ cùng đến bệnh viện thăm mẹ chồng chị. Bà Suát biết Thúy Trân làm việc trong bệnh viện đó nên sau lúc gặp mẹ chị Ngát, bà nói còn phải đi thăm một người quen khác đang được điều trị ở đó. Bà đến phòng trực nói bà là người nhà của bác sĩ Trân, có việc gấp cần gặp. Các nhân viên chỉ cho bà khu vực và dãy phòng mà Trân đang phụ trách. Mười phút sau, bà Suát bước vào phòng của Trân, lúc cô đang trò chuyện với một y tá, bà nói với Trân,

-“Tôi có câu chuyện riêng muốn nói với cô nếu cô cho phép.”

-“Được, bà nói đi,” Trân nghĩ người đối thoại là người nhà một bệnh nhân.

Lúc đó bà Suát đề nghị ra ngoài hành lang nơi đặt một băng ghế gỗ cho bệnh nhân nhưng lúc đó không có ai ngồi. Khi đã ngồi xuống, bà đưa cho Trân một cái túi trong có hộp mút mật và chai nước cốt dâu cho Trân và nói,

-“Bác là bạn cũ ngày xưa của bà Hạc, mẹ cháu, sau khi mẹ cháu đi lấy chồng một thời gian ngắn, bác mất liên lạc với mẹ cháu đã ba mươi năm. Vừa rồi tình cờ bác biết cháu là gái út của bà Hạc nên nhờ cháu chuyển món quà nhỏ này về cho mẹ cháu để nhớ lại tình bạn ngày xưa. Cháu giúp bác chứ?”

-“Vâng, có gì đâu mà bác bận lòng.”

-“Bác cảm ơn cháu trước...”

Rồi với vẻ mặt thoải mái tự nhiên, bà Suát khen mẹ Trân có một trai đầu lòng là Long Đạt là một cha xứ tài giỏi ở giáo xứ Phúc Châu. Bà còn nhắc lại kỷ niệm bà từng chăm sóc cho bà Hạc lúc sanh Long Đạt.

-“Xin lỗi bác, hình như bác nhìn lầm mẹ cháu với người khác,” Trân ngắt lời.

-“Không lầm đâu: ngày xưa mẹ cháu cũng đẹp và giống hệt cháu bây giờ.”

-“Bác có chắc là mẹ cháu không?”

-“Bác chắc chắn là mẹ cháu; bác còn biết tên chị cháu là Thúy Hằng và bố cháu là ông giáo Đổ. Cháu cứ nói mẹ cháu tên bác là bà Suát, mẹ cháu sẽ nhớ lại ngay. Thế nhé.”

Nói xong rồi làm ra vẻ vội vàng, bà Suát chào và đi mất. Thúy Trân ngồi lại thần thờ nhìn gói quà rồi tự nhủ, “Nếu bà Suát nói đúng thì Long Đạt là anh cùng mẹ của mình. Một bí mật kinh khủng mà mẹ mình đã giữ kín. Dù sao mình cũng phải hỏi cho ra lẽ.”

Khi Trân vừa cất gói quà vào tủ, cô y tá lúc nãy quay vào rồi cô đi ăn trưa ở căn-tin.

Ngày lễ lớn hai tháng chín, Trân được nghỉ bốn ngày trong đó có hai ngày cuối tuần. Cô phải về nhà và khi đến nhà cô mới biết mẹ cô đã ra Phúc Châu lần thứ ba trong năm và mới về được mấy ngày. Chị Thúy Hằng ở Miền Tây cũng dẫn hai con chị đưa mười tuổi, đưa mười hai về thăm ông bà ngoại. Ông giáo Đổ lúc này lại tìm đọc kinh Phật và thuyết phục Trân rằng dân tộc

Việt Nam xưa là tác giả Kinh Dịch, cuốn sách nền tảng của văn minh Đông Á, còn hơn cả việc Hippocrate là ông tổ của ngành y. Trong tâm trạng rối bời từ hôm gặp bà Suát, Trân nhắm mắt tán đồng và tán thán,

-“Dân tộc mình tuyệt vời quá bố nhỉ.”

Trong khung cảnh phấn khởi kỳ lạ đó, Trân không dám nói với mẹ món quà bà Suát gửi. Phải đợi đến ngày thứ ba trước ngày cô về lại bệnh viện, khi chị Hằng dẫn hai cháu đi chơi Đầm Sen và bố Trân dúm đầu vào cuốn kinh Phật mà mấy năm nay ông đã thay cho chuỗi Mân cô, cô kéo bà Hạc lên lầu rồi sau khi trao quà và kể lại những lời bà Suát đã nói, Trân nói với mẹ một lời trách móc,

-“Một chuyện lớn lao như thế mà mẹ lại giấu con và anh Đạt bao năm nay đến nỗi có lúc bọn con tưởng đã yêu nhau như người dung khác họ. May mà chức thánh đã ngăn chúng con lại.”

Những lời Trân nói làm bà Hạc nức nở thôn thức; vừa đau khổ vừa sợ hãi bà xin lỗi con đồng thời kể lại chuyện bà đã sinh Long Đạt trong một vườn trà như thế nào, rồi phải để ông bà ngoại Trân đem con bà cho người khác ra sao. Sau cùng bà nói với Trân,

-“Mẹ xin lỗi con nhiều nhưng mẹ xin con hãy quên ngay mối tình ngang trái với anh Đạt con. Đừng tìm cách gặp lại anh con và hãy chôn vùi kỷ niệm về anh con trong tro tàn dĩ vãng. Kinh nghiệm của đời mẹ cho thấy rằng yêu linh mục chỉ rước vào mình đau khổ và sỉ nhục. Mặt khác con phải để anh con trả món nợ mà anh con đã vay của Giáo Hội trong thời gian tu học là phải trở thành một viên chức sống gương mẫu trong việc tu hành.”

-“Ý mẹ muốn nói là gì con không hiểu.”

-“Mẹ muốn nói anh con không còn là một ‘cá nhân’ nữa mà là một thành viên của một cơ cấu rất to lớn, đầy đủ uy quyền.”

Câu nói này không làm Trân sợ hãi mà chỉ dấy lên trong lòng cô một nỗi thương tâm vô hạn. Dù vậy cô vẫn gạt đầu rồi sau một phút lau nước mắt cho bà Hạc, cô nói,

-“Con cũng xin mẹ một điều là gặp lại anh Đạt một lần cuối cùng, nói cho anh ấy biết sự thật rồi mẹ sẽ không đi thăm anh ấy nữa.”

-“Nhiều lần mẹ muốn nói nhưng mẹ không dám làm.”

-“Mẹ phải làm nhân danh quyền làm mẹ và cả sự thật nữa để cả mẹ và anh ấy được nhẹ lòng.”

Câu chuyện chấm dứt ở đó vì ở nhà dưới, tiếng cười đùa của hai đứa con chị Hằng vang lên: chúng mới trở về từ Đầm Sen và chắc chắn chúng sẽ tìm bà ngoại để kể lại chuyện đi chơi thú vị của chúng.

Sáng ngày thứ ba, Trân cùng bà Hạc tham dự thánh lễ lúc bốn giờ rưỡi sáng. Trên đường đi bộ đến nhà thờ, bà Hạc nói,

-“Hay là mẹ sẽ nhờ người mai mối cho con một đám tốt nghĩa là một cậu trai có kiến thức dù không học cao như con và gia đình khá giả hơn mình vài bậc.”

-“Yêu cầu đó của mẹ không khó lắm, nhưng con không cần đâu mẹ.”

Quả thật Trân không cần cái “kế hoạch lâu dài” của mẹ cô cho cuộc đời cô, vì đôi lúc cô có cảm tưởng lạ lùng cô chỉ đi qua cuộc đời này trong phút chốc.

Sau thánh lễ trên đường về nhà, mẹ cô nhắc lại cô đừng bao giờ gặp lại Long Đạt, phần bà bà sẽ tìm cách cho Long Đạt biết chính bà là người mẹ đã sinh ra anh. Trước khi đến nhà, họ ghé

vào một quán phở để ăn sáng. Có một lúc trong khi ăn, cô nhìn mẹ cô với lòng trĩu mến và thần phục: chẳng phải những khoảnh khắc hạnh phúc mà cô đã tận hưởng với Long Đạt đều có suối nguồn từ cung lòng mẫu tử của bà hay sao. Đúng tám giờ, cô xách túi vải đón taxi ra xa cảng Miền Đông, mua vé đi Vũng Tàu.

Sở dĩ bà Hạc đã không gay gắt nặng lời với Trân khi biết được tình yêu mà bà nghĩ là thầm kín giữa Trân và Đạt. Bà cũng không đưa ra một lời hăm dọa đại khái như “cám dỗ một linh mục là một tội trọng, sa hỏa ngục đời đời đầy con v.v...” vì bà có chỗ cậy trông là lời cầu nguyện của đan phụ Pedro. Lần trước nhờ lời cha Pedro cầu nguyện mà cô Kim Mão đã biến mất khỏi giáo xứ trả lại cho Long Đạt sự bình an trong sạch không còn bị dục tình khuấy nhiễu. Sau đó bà đã đến dòng Xi-tô để tạ ơn vị đan phụ lành thánh ấy. Và để can thiệp kịp thời những việc vi phạm sự thanh khiết đời tu của Long Đạt, thỉnh thoảng bà điện thoại cho chị Ngát vào giờ cha sở nghỉ trưa để dò xét tình hình. Nói chung mọi việc đều ổn. Mấy năm liền chị Ngát không thấy Trân lui tới, còn năm vừa qua vì việc chị dùng bữa-yêu nên chị phải giấu kín bà Hạc chuyện tình của họ mỗi khi bà Hạc gọi điện thoại cho chị để dò hỏi. Từ những suy nghĩ ấy, bà Hạc quyết định khi Thúy Hằng và các cháu ngoại của bà về lại Miền Tây, bà sẽ ra dòng Xi-tô để xin đan sĩ Pedro cầu nguyện cho “*một cha sở giữ tròn giới răn khiết tịnh và một cô gái không phải sa vào một tình yêu bất chính*” Quyết định này làm cho bà tìm lại sự bình an thường nhật.

MẠNH HƠN SỰ CHẾT

Tình yêu thì mạnh hơn sự chết (Kinh Thánh)

Trên chuyến xe về bệnh viện, ngồi cạnh một thiếu phụ ôm một đứa bé trong tay, con bé đã ngủ yên ngay khi xe chạy đến khu du lịch Suối Tiên, Trân miên man suy nghĩ. Có một lúc, cô ngừng dòng suy tưởng để ngắm đứa bé gái đẹp và thơ ngây như một thiên thần. Vâng, cô đã từng mơ ước có con với Long Đạt và sẽ trở thành một bà mẹ độc thân, sẽ chăm lo nuôi dưỡng và săn sóc cho hoa trái tình yêu của cô với Long Đạt. Giờ đây mơ ước ấy sẽ không thành.

Nhớ lại những lời mẹ cô nói hôm qua, cô ngạc nhiên nhận thấy thái độ ôn hòa của bà: bà không dùng hình phạt hỏa ngục đời đời để răn đe cô. Mặt khác bà có vẻ tự tin của một người luôn làm chủ tình thế; vì thế Trân không chắc bà sẽ nói sự thật cho Long Đạt biết anh là con ruột của bà với linh mục Long Đình vừa mới qua đời. Vì thế khi xe đến thiền viện Đại Tùng Lâm, cô quyết định chính cô là người sẽ nói sự thật ấy cho Long Đạt, trả lại cái nhẫn kim cương mà cô cất kín trong túi xách những ngày ở Sài Gòn và đồng thời nói với ông một lời chia tay vĩnh viễn. Điều này quả thật làm cô ray rứt, sầu muộn vì dù sao tình yêu của cô đối với Long Đạt ngày càng sâu đậm. Đành phải nói lời chia tay thôi; xem ra cô không còn chọn lựa nào khác theo luân lý tự nhiên. Vậy nên Trân đã xuống xe ngay trước chợ Bà Rịa và đón xe lam đi Long Hải.

Khi đến giáo xứ Phúc Châu, Trân gặp ngay chị Ngát, chị nói cha sở đi vắng và mời cô vào phòng khách chờ cha. Lúc đầu cô ngồi vào bàn giấy, ngắm lại bức hình cô chụp chung với Long Đạt và

bà Hạc. Và cô đọc thấy trong cuốn Kinh Thánh mở sẵn nơi một trang của sách Diễm Ca mấy câu đầu của chương năm:

*Này em gái của anh, người yêu anh sắp cưới,
Vườn của anh, anh đã vào rồi,
Đã hái cỏ thơm và mộc dược,
Đã uống sữa, rượu mê hồn
Em dành sẵn cho anh.*

Và cô tưởng tượng Long Đạt đã vừa đọc khổ thơ ấy vừa hướng cái nhìn đắm đuối của anh vào cô. Có lẽ không chỉ một lần mà rất nhiều lần.

Sau đó, Trân trở lại bộ ghế xa-lông, uể oải tựa vào thành ghế mơ màng như ngủ thiếp. Khi Long Đạt trở về đung nhẹ vào vai cô, cô mở mắt hỏi,

-“Anh mới về?”

-“Ừ, mình qua nhà khách lấy phòng đi.”

-“Không cần đâu anh; em có một chuyện quan trọng muốn nói với anh rồi đi ngay.”

-“Đi ngay cũng phải ăn trưa rồi đi. Nhưng chuyện gì quan trọng? Nếu chuyện vui thì nói trong bữa ăn; còn chuyện buồn thì nói sau.”

-“Em cũng không biết là vui hay buồn, chỉ biết là quan trọng và rất khó nói. Thôi để mình ăn cơm xong rồi em nói.”

Trong bữa cơm, Trân cố gắng ăn một chén và nửa bát canh, cô không thấy thích thú và ngon miệng. Có những lúc cô nhìn anh đắm đuối như nuối tiếc không muốn rời. Chẳng phải họ đã có những lúc ngồi ăn bên nhau như trong một gia đình, như đôi vợ chồng son ngồi ăn bên nhau và cùng tâm sự. Mọi hạnh phúc như vậy phải chấm dứt hay sao?

Sau bữa ăn, hai người trở lại phòng khách, ngồi trước tách nước và Trân phải rất cố gắng để kể lại câu chuyện môi dây huyết thống giữa bà Hạc và Long Đạt, lý do bà Hạc phải để người thân đem con cho vợ chồng bà Thanh Gấm. Rồi cô kết luận,

-“Em và anh là hai anh em cùng mẹ. Trước định mệnh nghiệt ngã này, em nghĩ đã đến lúc chúng ta phải nói lời chia biệt và cũng đừng vì thế mà oán trách lẫn nhau. Từ nay có nhớ nhau, anh và em chỉ còn cách tìm vào giấc mộng...”

Trong lúc lắng nghe, Long Đạt nhấm nháp, cau mày rồi lấy tay bóp trán, cúi đầu. Khoảnh khắc im lặng sau những lời Trân nói sao mà dài quá và nặng nề quá. Một dòng lệ đã âm thầm chảy trên đôi má cô. Sau khoảnh khắc im lặng ấy, Long Đạt nói lên suy nghĩ của ông,

-“Một người hoài nghi có thể sẽ không tin những gì em nói là thật vì những điều này đã bị chôn vùi quá lâu, những bằng chứng hiển nhiên không còn nữa; nhưng vì đó là lời xác nhận của mẹ em nên anh cũng tạm tin là thật. Thế nhưng với tính cách một ‘hiện sinh tự do’, anh không coi nó như một tất định tiêu cực để nó hủy bỏ tình yêu anh dành cho em, một tình yêu trải qua bao biến cố mà anh coi như một định mệnh của mình: chúng ta sinh ra là để dành cho nhau. Những gì anh chọn, anh đã chọn rồi và anh tiếp tục muốn điều anh đã muốn. Anh đã không chọn lựa giữa lẽ luật và tình yêu, mà đã chọn em trong lịch sử hiện sinh của đời mình, một lịch sử được hình thành, tác tạo bởi ý thức tự do, bất biến và vĩnh cửu. Nếu em nói lời ly biệt, và lại em có quyền và có lý do chính đáng để làm thế, anh sẽ không buồn giận em và để em thanh thản ra đi. Lúc đó em sẽ trả anh về những năm tháng trước đây với nỗi buồn cô đơn thẳm lặng, nỗi nhớ không nguôi của một tình yêu đơn phương, vô vọng mà anh không thể nào quên được. Phần anh, anh không thể khước từ tình yêu này vì như thế là anh chối bỏ chính mình ở điều sâu xa nhất. Có thể chúng ta yêu nhau trái luân thường nhưng chính tình yêu này sẽ giúp chúng ta từ thân phận đốn

hèn cùng cực vươn lên một bản thể viên mãn nhất. Hẳn em đã biết Henry Thoreau có một câu rất hay: *Phương thuốc duy nhất của tình yêu là hãy yêu nhau nhiều hơn...* Trân ơi, cuộc hành trình trần thế của anh không thể thiếu em... Em hãy ở lại trong tình yêu của anh và đừng nói chia ly; em sẽ không làm thế phải không?”

Những lời mạnh mẽ của Long Đạt làm Trân bất ngờ và xúc động đặt trái tim cô trước một quyết định khó khăn. Sau cùng cô nói,

-“Em thật sự bối rối trước những lời chân thành của anh. Em sẽ suy nghĩ thêm và hứa sẽ sớm cho anh biết quyết định sau cùng của em.”

Rồi Trân đứng lên, chuẩn bị về bệnh viện. Trong lúc cô vào toilette rửa mặt cho tỉnh táo trước khi đi, một cơn mưa bất chợt đổ xuống cùng với gió giạt; cơn mưa mỗi lúc một to và kéo dài. Long Đạt bảo cô vào giường ông nghỉ trong lúc chờ mưa tạnh; phần ông, ông lấy cây dù đội mưa đi làm một vài công việc của nhà thờ. Khi đội cơn mưa tầm tã trắng xóa và mờ mịt không gian trở về, ông bỏ cây dù ngoài hành lang, vội bước vào phòng. Dưới ánh đèn nê-ông, một sự bất thường xảy ra trước mắt ông. Trên giường Trân nằm thẳng tuột, cứng đơ, hơi thở mệt nhọc và đau đớn, hay tay và hai chân đặt thẳng dọc theo thân nhưng run lên bần bật như bị một cơn động kinh nhẹ. Long Đạt nắm lấy tay cô thấy nó lạnh ngắt trong lúc trán cô ướt đầm mồ hôi, ông vội buông ra lấy chăn len đắp người cô tới tận cằm sau đó ông chạy ra ngoài sai người đi gọi một bác sĩ già đã nghỉ hưu trong giáo xứ. Hai mươi phút sau bác sĩ đến lúc đó Trân không run nữa nhưng hơi thở còn rất mệt nhọc; ông đo huyết áp, lấy nhiệt độ và bắt mạch cho Trân. Sau đó ông quay ra nói với Long Đạt,

-“Cô em của cha vừa lên cơn sốt rét nhẹ.”

-“Sốt rét?”

-“Cha biết đấy vì cô ấy là bác sĩ nên đã bị bội nhiễm từ bệnh nhân. Và lại việc này khó tránh. Bây giờ tôi cho toa mua thuốc, trong đó có một thứ thuốc chích. Cha cho người đi mua ngay trong lúc tôi tiếp tục theo dõi các triệu chứng. Nếu không có gì biến chứng nào khác thì sau khi chích thuốc tôi sẽ về.”

Long Đạt sai người lợi mưa đi mua thuốc. Khi bác sĩ già chích thuốc xong và chị Ngát bung vào phòng hai tô cháo thịt, đồng hồ chỉ bảy giờ rưỡi tối. Ăn cháo xong Long Đạt dìu cô vào giường bảo cô ngủ. Rồi ông mang gối mềm ra ngủ trên ghế sofa. Cứ cách một giờ ông vào thăm chừng Trân rồi về lại ghế sofa. Khoảng mười giờ ông bước vào thăm chừng Trân thấy cô đang ngủ yên, rèm mi cong hạ thấp, hơi thở đều đặn, khuôn mặt không còn căng thẳng nữa. Nhưng khi nhìn Trân nằm ngủ bất động và thình lặn chịu tác động liên tục âm thầm của quy luật tự nhiên, giữ trong lòng mình và trong nỗi cô đơn nguyên thủy của A-đam khi Thiên Chúa chưa tạo dựng Eva, trong những nỗi niềm riêng, những vui buồn đã trải qua trong cuộc sống, dường như có cả sự bất lực thừa thãi. Những suy nghĩ ấy làm trào lên trong lòng Long Đạt một nỗi thương tâm, bi mẫn. Sau khi nhìn ngắm cô một lúc, ông lui ra. Đến hơn một giờ sáng, Long Đạt lại vào thăm chừng cô lần nữa; ông ngồi trên mép giường nhìn cô, lắng nghe cô thở. Và khi ông đứng dậy để lui ra, ông thấy tay ông bị bàn tay cô giữ lại, với giọng nói nhẹ nhàng, “Nằm với em đi anh...” Vậy nên ông đã ở lại ôm cô, và theo yêu cầu của cô, họ đã vuốt ve, âu yếm và làm tình trong sự rên rỉ man dại của cô. Như mọi khi Long Đạt dạo đầu với động tác để môi ông đậu lại, đùa giỡn

trên hai đầu vú của cô còn nhóp nhép mỗ hôi mà con sót đã để lại, như một trẻ nhỏ khát sữa vùi đầu vào hai vú mẹ căng tròn. Kế đó những thổi thốc và buông lời nói tiếp nhịp nhàng của ông làm làn sóng cảm khoái tràn ngập hai thân xác, và cứ thế họ ráo riết gắn chặt vào nhau mỗi lúc một mạnh hơn, một sâu hơn để nên một. Cô tưởng mình bị động kinh thêm một lần nữa, nhưng không, cô bị sóng tình lay lắt đê mê.

Sau khi tàn cuộc, Trân rút đầu vào ngực trần của Long Đạt nói,

-“Chúng mình vẫn yêu nhau và yêu nhiều hơn anh nhé. Em sẽ không bao giờ nói lời chia biệt nữa và để mặc cho số phận dẫn đưa. Em cũng xin lỗi anh vì những lời hôm qua em đã nói với anh trong cơn bối rối.”

Như thế, Trân đã khẳng định quyết tâm tiếp tục tình yêu với Đạt bằng một hành động làm tình với mọi nghi thức trân trọng của nó. Đáp lại lời cô, Long Đạt nói,

-“Không sao đâu em; giữa tính duy lý của luân thường và lịch sử, anh sẽ luôn chọn lịch sử; hãy để người chết chôn xác kẻ chết còn chúng mình sẽ tiếp tục yêu nhau”

Sáng hôm sau trong lúc Trân lên xe ô tô của nhà khách về bệnh viện, chị Ngát chạy ra xe đưa cho cô một chục cam và một chai cao sâm cao-ly nói của Long Đạt cho cô để bồi dưỡng. Rồi xe lăn bánh; trước đó cô đã gặp ông sau thánh lễ đầu ngày và đã hứa cuối mỗi tháng sẽ đến cùng ông. Đó là thời gian cô dành cho việc thực hành tình yêu của họ.

Hai tháng sau trước ngày lễ Nô-en, bà Hạc mang quà Giáng sinh ra thăm Long Đạt. Và tất nhiên bà cương quyết giữ kín mối liên hệ mẹ con giữa bà với cha sở, vì thế Long Đạt phải đợi đến lúc bà sắp lên xe về lại Sài-gòn để nói ra cho cả hai bên đều thanh thản, nhẹ lòng. Ông nói lúc bà đến nói lời chào,

-“Thưa bà, vừa rồi khi mẹ con ở Đức Trọng ngã bệnh và lo lắng không biết khi nào Chúa rước về thiên đàng, nên đã tiết lộ với con một sự thật rất quan trọng có liên quan với bà và con.”

-“Sự thật gì mà lại còn quan trọng nữa?” Bà Hạc tái mặt lo lắng hỏi.

-“Bà cố Thanh Gấm nói bà chính là mẹ ruột đã sinh ra con, trước khi bà cố nhận về nuôi... Đúng không mẹ?”

Bà Hạc gật đầu thẫn thức, hai dòng lệ trào ra. Long Đạt lấy khăn tay lau khuôn mặt đẫm lệ của bà rồi nói,

-“Nếu sự thật là thế thì từ hôm nay con nhận mẹ là mẹ ruột con.” Nói rồi Long Đạt ôm chầm lấy bà gục đầu vào vai bà nói tiếp, “Con biết mẹ luôn yêu con. Từ nay con cũng sẽ yêu mẹ thật nhiều để báo đáp.”

-“Phải, con thấy đó, mẹ luôn yêu con.”

-“Vâng con đã luôn ngạc nhiên và trân trọng tình thương của mẹ.”

Rồi Long Đạt hứa sẽ chủ động về Sài-gòn thăm mẹ khi có những dịp thuận tiện trong năm, để mẹ ông đã già khỏi phải vất vả đi đường xa ra giáo xứ Phúc Châu.

Long Đạt không đề cập đến chuyện tình của ông và Thúy Trân cho mẹ Hạc. Mỗi liên hệ vừa ẩn kín vừa thần bí này tiếp tục những năm sau đó mà bà Hạc không hay biết, và lại cũng không cần phải biết. Mối quan tâm lớn nhất của bà nửa đời người về sau là được Long Đạt nhận bà là mẹ ruột và hôm nay bà đã được toại nguyện.

HỒI KẾT CỦA SỐ PHẬN

Hai năm sau đó, Thúy Trân bị sảy thai đứa con mà cô rất muốn có với Long Đạt. Trước đó Đan Phương nói sẽ cùng chăm lo cho nó khi được sinh ra. Tám tháng sau một giám đốc mới đến thay thế giám đốc cũ và tìm cách cơ cấu lại nhân sự. Để làm việc này giám đốc mới cho thực hiện việc tổng kiểm tra sức khỏe các nhân viên tại sở y tế tỉnh. Chương trình tổng kiểm tra chia làm hai đợt, đợt đầu các bác sĩ; đợt sau cho các y tá và lao công tạp dịch.

Một buổi sáng âm u sau một đêm mưa bão do áp thấp nhiệt đới, Thúy Trân và Đan Phương chờ nhau xe máy đến sở y tế nhận kết quả kiểm tra tổng quát sức khỏe. Khi nói tên họ cho cô thư ký trực văn phòng, cô này nhìn vào cuốn sổ rồi nói,

-“Bà Bác sĩ Vân Trang muốn gặp riêng hai bác sĩ vì có việc cần hỏi.”

Rồi cô thư ký dẫn hai người đến phòng bác sĩ Vân Trang, phó giám đốc sở y tế, một bà ngoài năm mươi tuổi và chỉ còn vài năm nữa, bà sẽ về hưu; bà ngồi sau một bàn giấy trải vải nhựa xanh. Đợi hai bác sĩ trẻ ngồi xuống, bà Vân Trang nói,

-“Kiểm tra sức khỏe của hai em có vấn đề nên tôi muốn gặp riêng.” Bà vừa nói vừa lấy một bàn tay bóp trán.

-“Có vấn đề gì, thưa bác sĩ?” Đan Phương thắc mắc.

-“Đúng là có vấn đề bội nhiễm y tế vì hai em dương tính với si-đa. Theo nguyên tắc không đối xử phân biệt, nếu hai em còn đủ sức khỏe thì bệnh viện vẫn tiếp tục sử dụng hai em cho đến khi bệnh phát nặng hoặc khi hai em xin nghỉ việc để trị bệnh. Dĩ nhiên giám đốc bệnh viện phải tuyệt đối giữ kín tình trạng này của hai em.”

-“Với các bác sĩ khác, em nghĩ khó mà giữ kín và bọn em có thể sẽ không được hành nghề nữa?” Trân rụt rè nói.

-“Không phải thế. Ví dụ chị có thể tuyên dụng hai em cho hai cơ sở y tế tư của chị: một phòng khám đa khoa và một trung tâm cai nghiện và điều trị siđa của chị.”

Nói rồi bà Vân Trang đưa cho Trân và Phương hai danh thiếp của bà rồi với thái độ dịu dàng pha chút tình cảm mến thương, bà nói,

-“Chị nói thế để hai em yên lòng, và lại nghề nào cũng có những rủi ro của nó. Khi nào cần hai em gọi điện cho chị.”

Hai người bạn chào bà Vân Trang rồi lui ra. Họ không về bệnh viện ngay vì biến cố này làm họ hụt hẫng và choáng váng. Nó bất ngờ và chua xót quá. Để lấy lại bình tĩnh ngõ hầu đánh giá đúng hoàn cảnh, họ chờ nhau vào công viên thành phố. Thúy Trân tưởng mình không thể nào lái nổi chiếc xe máy. Đến công viên, Trân dựng xe dọc theo một bồn cỏ rồi cả hai lê chân đến ngồi trên một băng đá, dưới những tàn cây còn đầm ướt bởi cơn mưa dầm tối qua và bầu trời vẫn còn u ám. Lúc đó Đan Phương nắm lấy bàn tay Trân gục đầu vào vai Trân khóc nức nở, cô nói,

-“Mình xin lỗi Trân vì chắc chắn Trân bị thế này là do Phương lây qua. Trân tha thứ cho mình nha. Thà mình chết một mình còn hơn thấy Trân cũng bị bệnh.”

-“Thôi Phương đừng nói nữa, đã chết đâu mà bi thảm thế, và lại Phương không có lỗi gì, đừng tự trách và dằn vặt mình như thế.”

Dù vậy, Phương vẫn khóc thôn thức, cô nói,

-“Phương không biết phải báo tin này cho mẹ mình thế nào. Từ thừa dậy thì bà đã trải qua quá nhiều đau khổ. Sau khi bố mình chết vì thương hàn, bà giao chiếc xe ca cho cậu mình khai thác được mấy năm, cậu mình bàn với mẹ mình bán xe để lấy ít vàng dẫn hai em trai mình đi vượt biên. Than ôi, chiếc thuyền chở ba cậu cháu gặp bão ngoài khơi và họ đã đều đã chết, bỏ xác lại trong lòng biển. Khi ấy mẹ mình bị khủng hoảng phải đóng cửa tiệm may một tháng: trong nhà chỉ còn mình và em gái út. Ít lâu sau, không biết có ai chỉ bảo, mẹ mình đã nhờ một đan phụ dòng Cát Minh cầu nguyện mà lấy lại được bình tĩnh. Nỗi đau buồn dù đã được chôn chặt nhưng chắc gì đã tiêu tan. Nay nếu biết mình bị nhiễm bệnh sida, và sau này trong nhà sẽ chỉ còn mẹ già và con gái út làm sao mẹ mình chịu nổi...” Nói rồi Đan Phương lại khóc to, nức nở.

-“Thôi đừng khóc nữa, chiều thứ sáu này chúng ta sẽ đi gặp đan phụ Pedro để xin ngài cầu nguyện cho hai đứa mình và hai gia đình mình nữa,”

Và khi thấy Đan Phương ngừng khóc, Trân nói qua việc khác, “Đề nghị của bà Vân Trang cũng tốt đấy. Có lẽ chúng ta sẽ qua làm cho bà ấy để tránh những ánh mắt nghi ngại của đồng nghiệp mình trong bệnh viện.”

-“Nhưng chúng mình chưa biết bệnh viện tư của bác sĩ Vân Trang như thế nào?”

-“Ta sẽ xin phép chị Trang cho đến tham quan xem thế nào,” rồi Trân nói tiếp, “Hai tuần nữa bệnh viện hiện tại sẽ tổ chức chuyên du lịch cho các bác sĩ và công nhân viên, ta đi chơi chuyên cuối cùng ấy rồi sau đó chúng mình sẽ liên lạc lại với bác sĩ Vân Trang, được không Phương?”

-“Ừ mình cứ làm thế đi.” Phương nói. Mấy phút sau đó, họ lấy xe chở nhau về. Phần Trân, cô tự nhủ, “Anh Đạt thật đáng thương, làm sao anh ấy sống nổi khi biết mình sẽ sớm bỏ anh ấy để trở về cùng cát bụi. Mình sẽ giấu kín việc này và lặng lẽ ra đi”. Thế nên hai cuối tuần liền sau đó, cô

đã đến gặp Long Đạt để cùng ông tận hưởng những hạnh phúc nhỏ bé nhưng cuồng nhiệt, như một lời hẹn ước cho một thế giới khác tốt đẹp hơn. Lạc thú yêu đương cũng cho cô sức mạnh để đương đầu với thử thách nghiệt ngã đã đến với cô: cái chết được định trước của một căn bệnh quái ác. Các ngày cuối tuần ấy, ngoài thời gian Long Đạt làm mục vụ, họ dành hết thời gian cho nhau kể cả thời gian nghỉ trưa để làm tình. Dĩ nhiên Trân đã mua cho ông Long Đạt một hộp condom để tránh cho ông không bị lây nhiễm các bệnh mà cô không nói rõ là bệnh gì. Trân thật sự no đầy khoái cảm, khuôn mặt cô rạng rỡ hân hoan; và có lúc cô ước chi cô chết đi ngay trong lúc làm tình trong vòng tay ông với khuôn mặt xuất thần, thay vì sau này phải chết với bộ dạng xương bọc da ở giai đoạn cuối cùng của bệnh liệt kháng.

Hai tuần sau, trong chuyến đi nghỉ ở miền Trung, chiếc xe thứ ba của đoàn du lịch gồm bốn chiếc trên đường về bị mất lái đâm vào cột cây số sau đó rơi xuống vực sát biển trên những gành đá. Tất cả những người trên xe số ba ấy đều đã tử vong. Khi kéo xác các nạn nhân ra khỏi xe, những nhân viên cứu hộ ngạc nhiên vì có hai nữ bác sĩ ôm nhau khi chết, khuôn mặt bê bết máu của họ lại có vẻ hân hoan. Đó chính là Thúy Trân và Đan Phương. Thần chết của tai nạn giao thông đã đến trước thần chết của bệnh sida vô tình giúp họ được chết cùng ngày để họ lại được bên nhau trong một cảnh giới khác ở đó tình yêu sẽ vượt qua giới tính.

Mười giờ sau khi xác được đưa về đến nhà, bà Hạc ôm lấy xác con khóc lóc thảm thương. Hai giờ sau linh mục Long Đạt nhận được hung tin qua điện thoại do ông giáo Đỗ gọi ra. Ông vào phòng kín vừa hôn ảnh Thúy Trân, vừa khóc nức nở. Dù vậy một giờ sau ông cũng chỉnh tề bước vào cung thánh dâng lễ chiều cũng là thánh lễ đưa chân cho người phụ nữ tuyệt vời ông đã, đang và sẽ còn yêu mãi mãi. Vâng chính tình yêu làm cho đời sau và thiên đàng hiện hữu. Thánh lễ ấy cũng để đưa chân cho Đan Phương và mọi người trong chiếc xe ‘định mệnh’ ấy.

Bữa cơm tối, ông rán ăn một chén cơm, ông cũng báo cho chị Ngát biết “em Trân” của ông đã chết trong một tai nạn giao thông. Nhìn nước mắt ông rơm rớm, chị Ngát tự nhủ: “Họ yêu nhau đến thế sao?!” Bất chợt, chị rùng mình sợ hãi nghĩ mình có tội nặng khi dùng bùa ngãi cột hai người lại với nhau trong một mối tình bất chính. Sáng hôm sau, khi dâng thánh lễ xong, Long Đạt đón xe về Sài Gòn và qua lớp mica của nắp quan tài, ông còn nhìn thấy Trân nhắm mắt, mãn nguyện như những lần cô ngủ sau lúc hoan lạc cùng ông và đôi môi phơn phớt lớp son hồng như đang chờ đợi thêm một nụ hôn khác trong cuộc đời sau. Ông đã khóc và đã kêu than với những lời yêu thương thấm thiết, cho tới lúc Bà Hạc kéo ông ra. Lúc đó ông nói với bà một câu trong miệng mà chắc hẳn bà cũng nghe thấy, “Mẹ ơi chúng con vẫn luôn yêu nhau đó mẹ.”

Khi ngồi bên cạnh bà Hạc, tóc muối tiêu rũ rượi, khóc sướt mướt trên vai ông, Long Đạt nói cùng bà những câu an ủi, ông chợt khám phá sự uẩn khúc của lòng ông: khát vọng yêu thương mà ông hướng về Thúy Trân chính là hình chiếu cái khát vọng tình mẫu tử mà ông đã bị tước đoạt không lâu sau ngày ông chào đời. Khát vọng ấy đã cho ông sức mạnh hạ gục Thúy Trân có trình độ cao về nhu đạo trong lần ông bị thách đấu. Có thể nói nó là một định mệnh mà mọi phép tắc trong đời không hiểu được cũng khó mà thắng được.

Sáng hôm sau, Thúy Trân được đưa đi an táng trong đất thánh của giáo xứ Nam Hòa. Long Đạt là người chủ sự thánh lễ an tang ấy. Một cụ ông trong họ nội người quá cố bình phẩm: “Nhà này hay thật, con gái lớn vu quy y về nhà chồng; con gái nhỏ vu quy về với Chúa cũng do một ông cha này làm lễ.”

HỖ VỌNG VƯỢT TRÊN MỌI HỖ VỌNG

Sáu tháng sau ngày Thúy Trân mất, những triệu chứng đầu tiên của bệnh liệt kháng xuất hiện nơi Long Đạt. Có lẽ những đề phòng mà Trân đã chuẩn bị cho họ không đủ trong khi những lần sau cùng họ đến với nhau là những giờ phút họ sống ngụp lặn giữa đam mê cuồng nhiệt. Triệu chứng ấy xuất hiện với những cơn đau quặn ở vùng bụng kèm theo những rối loạn trong đường ruột. Lúc đó ông vui mừng vì ngày gặp lại Thúy Trân đã đến gần. Dù ông nghĩ vậy, ông sẽ còn phải lưu lại cõi đời ô trọc này gần mười năm nữa.

Ngay sau khi thấy các triệu chứng và nhận được xét nghiệm dương tính, Long Đạt đưa đơn lên tòa giám mục xin nghỉ việc để chữa bệnh. Sau khi bàn giao mọi việc cho cha xứ mới, ông lặng lẽ rời khỏi giáo xứ và đến ở trong bệnh xá của cộng đoàn Nadarét, một dòng tu địa phương nơi các tu sĩ chuyên chăm sóc các bệnh nhân bằng y học cổ truyền. Cha bề trên là linh mục Phaolô Bát Phúc, ông được một giám mục em ruột ông phong chức khi đã ngoài năm mươi tuổi vì phải có chức linh mục Nhà nước mới cho phép ông duy trì và phát triển dòng tu. Tính ông xuề xòa cởi mở đặc chất nông dân; ông yêu cầu bạn bè gọi ông là cha Tám hoặc thân mật hơn anh Tám. Sau vài tháng điều trị, cha Tám biết Long Đạt giống như con ngựa chứng chạy hay nên đã giao cho Đạt làm cha giáo tập. Mỗi lần vào lớp một tập sinh đặt trên bàn trước mặt ông một ly cối nước thuốc thảo dược. Và ông dạy các tập sinh cái lý tưởng đời tu mà ông đã không thực hiện khi làm cha xứ ở Phúc Hậu. Có lần ông hỏi các tập sinh,

-“Các bạn phải lấy ai để làm gương soi trong mọi lúc.”

Theo thói quen một em nói là lấy “cha xứ”, một em khác nói lấy thầy hoặc ma xơ dạy giáo lý; một em khác nữa nói lấy cha bề trên cộng đoàn làm gương soi, Long Đạt đều lắc đầu, sau một lúc im lặng, ông nói,

-“Không cha xứ, thầy xơ gì hết: các bạn hãy lấy chính Chúa Giê-su làm gương soi mỗi lúc cho mình,” rồi ông nói tiếp, “Cũng đừng lấy cha giáo tập này làm gương vì tấm gương này đã ố màu và chức linh mục nay đã hết ‘**linh**’ mà đang ‘**mục**’ nát đấy.” Ông chơi chữ nói về ông với hai từ ‘linh-mục’.

Sau đó một cánh tay rụt rè giơ lên,

-“Nhưng thưa cha, Chúa Giêsu là Ngôi Hai Thiên Chúa, cao sang và xa vời quá làm sao thành gương soi được.”

-“Cao sang ư, xa vời ư... Đó là do bạn thích đi xuống dốc trơn tru đầy hoa thơm trái ngọt và tránh xa Ngài thay vì cố gắng ở lại bên Ngài, cùng Ngài leo lên núi thánh. Than ôi, Ngài luôn

muốn ở gần bạn nhưng bạn lại xa lánh Ngài nên bạn và ngài đã mỗi ngày một xa. Hãy tự trách mình về điểm này.”

Cả lớp im lặng đến nỗi một con ruồi bay qua có thể nghe thấy. Sau cùng một tập sinh lớn tuổi trong lớp hỏi,

-“Nếu xưa rày con đã lỡ xa Ngài, muốn trở về gần phải làm sao?”

-“Trước hết phải phục hồi nhân tính của Ngài, là bản tính mà chúng ta thường bỏ quên. Rồi từ nhân tính ấy chúng ta tiếp cận thần tính của ngài, nói cách khác phải đối xử với Ngài như một Đấng cụ-thể-phổ-quát. Điều này tôi sẽ đề cập trong những lần khác vì không thể nói hết trong một lần.” Và Long Đạt kết thúc buổi học, ông cũng vừa uống xong ly nước thuốc.

Về lịch sử và giáo luật, Long Đạt không giới hạn mình trong các sử gia – đúng hơn phải nói là các ‘sử quan’ – của giáo hội mà còn tham khảo đối chiếu các sử gia, các bộ luật ngoài đời. Ông cũng không tránh né việc trình bày Pháp đình tôn giáo (inquisition) của Giáo Hội, ông thường nói,

-“Đừng nên lấy màn đen che bóng tối mà phải soi ánh sáng vào bóng tối để tránh sai lầm về sau.” Khi nói điều này ông thương cảm mẹ ông, bà Hạc, cứ che đậy mãi bóng tối thời con gái của bà lúc đan dứ với linh mục Long Đình, thay vì phải nhìn thẳng vào nó và cho ông và Thúy Trân sớm biết sự thật.

Trong quan hệ với tha nhân, ông khuyên các tập sinh đừng quá chú trọng đến cái đúng hay cái sai của mình hoặc người đối thoại mà hãy tập trung vào chính tương quan giữa hai người để làm cho nó thành một tương quan yêu thương và đồng cảm, thay vì cạnh tranh, ganh tị để rồi gây sỉ nhục tổn thương. Ông khuyên như thế vì trước đây trong giáo xứ Phúc Châu, ông thấy yêu thương thì ít, ganh ghét thì nhiều, lại còn có nhiều lòng tự ti mặc cảm khiến người ta có lúc oán người giận mình lại còn dễ lên cơn cuồng nộ.

Trong một buổi học khác, khi các tập sinh đã đọc kinh *Sáng Soi* và đã ngồi xuống ổn định, Long Đạt nói,

-“Anh chị em hãy nhớ mình được Chúa ban cho ơn gọi là để lên đường chiến đấu giống như ông Giosuê tuyển những người lính đang uống nước suối để dẫn họ ra trận đánh lại quân thù. Đừng nên hiểu ơn-gọi cách rất sai lầm là đi tu để hưởng phúc ngay từ cuộc đời này như một câu thơ trong truyện Kiều: *Tu là cội phúc, tình là dây oan*.” Nếu ai mà có tư tưởng cầu phúc, hưởng phúc ấy hoặc muốn đi tu cho gia tộc được vinh hiển thì nên xin phép rời tu viện về nhà thực hiện câu ca dao mà các anh chị đã biết: *“Tu đâu cho bằng tu nhà/ Yêu già mến trẻ hơn là đi tu”*. Và lại lòng mến hay tình yêu không có chỗ tận cùng, nên cả đời dù ở nơi nào cũng tu không hết.

Lúc đó, anh tập sinh trưởng lớp muốn lái câu chuyện ra khỏi việc tu hành vì hầu hết tập sinh đều ít nhiều có chỗ vướng mắc với “ơn gọi”, nên đứng lên hỏi, “Cha có thường cầu nguyện theo kinh Lạy Cha không?” Và ông đã trả lời,

-“ Dĩ nhiên là có. Ngoài kinh Lạy Cha mà Chúa Giêsu truyền dạy, tôi còn đọc thêm một kinh của chính tôi khi thấy ở xứ ta, nhân phẩm và nhân quyền, đặc biệt của phụ nữ và trẻ em bị coi nhẹ nếu không nói là bị chà đạp.” Ông đáp đồng thời nghĩ đến các phụ nữ thân cận như mẹ con bà Hạc, hoặc mẹ con Đan Phương...

-“Cha giáo có thể cho con xin bản kinh đó được không?” anh trưởng lớp hỏi.

-“Được chứ,” rồi ông mở cuốn cẩm nang *Giả từ cơ chế, tìm lại tự do* ông cầm trong tay lấy bản kinh viết trên một tờ giấy trắng đưa cho tập sinh ấy. Lời kinh như sau:

“Lạy Nhân Phẩm ở trên trời; chúng con nguyện Nhân Phẩm cả sáng, nước Nhân Phẩm thể hiện dưới đất cũng như trên trời.”

“Xin Cha cho chúng con hôm nay thần lương hàng ngày và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha thứ kẻ xúc phạm chúng con. Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ. Amen.”

Cậu tập sinh đọc xong, trở mắt hỏi,

-“Cầu nguyện thế này được không cha?”

-“Được chứ. Chẳng phải là tôn trọng nhân phẩm, nhân quyền là cách sống đức tin của chúng ta hôm nay, đồng thời chúng ta phải giải trừ mọi điều xấu của văn hóa đặc biệt đối với nữ giới và trẻ nhỏ trong cách sống đức tin của mình hay sao?”

-“Vâng em hiểu.”

Một tuần sau đó, linh mục phụ trách tín lý của giáo phận từ tòa giám mục đến giám sát cộng đoàn Nadarét. Trong buổi làm việc, căn cứ vào dư luận đồn đại về cộng đoàn, ông cảnh cáo sự giảng dạy tại đây có chiều hướng không tốt khi không theo sát huấn quyền của giáo hội ví dụ như ở đây Thần học tín lý có màu sắc hiện sinh, áp dụng phương pháp quy nạp coi nhẹ phương pháp diễn dịch. Đặc biệt ông cảnh cáo linh mục Long Đạt đã không làm đúng vai trò một cha giáo khi có quan niệm phi truyền thống về đời sống đức tin.

Trước khi về lại tòa Giám mục, cha tín lý được cộng đoàn mời dùng bữa cơm trưa. Và ngẫu nhiên cha tín lý ngồi ăn cùng bàn với cha bề trên và Long Đạt. Biết mặt người ông đã kích, cha tín lý giả vờ cười vui vẻ với cha Tám bề trên, rồi còn hách dịch nói,

-“Nếu tôi là cha, tôi đã cho cha Đạt nghỉ dạy từ lâu rồi.”

-“Không, không thể cho cha Đạt nghỉ được vì dạy sống đức tin cho bệnh nhân sắp chết cha Đạt là nhất đấy,” cha Tám bề trên bình thản đáp lại.

-“Nhất sao?” cha tín lý vờ hỏi.

-“Cha không nghe người ta thường nói: ‘*Con chim sắp chết, tiếng kêu ai oán, con người sắp chết nói lời nói phải.*’ Cha Đạt đây là nghĩa đệ của tôi cũng là người sắp chết đó cha.”

-“Thế à, hôm nay tôi mới biết,” cha tín lý giả lả nói.

Thật vậy, cho tới lúc Long Đạt trút hơi thở cuối cùng trong tay cha Tám, cha Tám luôn yêu quý ông như một em trai kết nghĩa.

&

Hai hôm sau, bà Nữ một bà mẹ có con trai tên Được bị sởi đang trị bệnh tại bệnh xá của dòng đến thăm con. Gia đình bà vốn theo đạo Phật nhưng nghe con nói về cha Long Đạt, một đồng bệnh của con mình, nên lần thăm bệnh này bà cũng mang theo ít trái cây, sữa và bánh ngọt để làm quà cho Long Đạt. Trong lúc ngồi nói chuyện, bà Nữ nói,

- “Thằng Được con tôi nói cha luôn chăm sóc an ủi nó nên tôi rất biết ơn cha. Tôi cũng xin cha cầu nguyện ơn trên cho nó chịu đau bệnh cho nên với tâm thanh tịnh, không oán Trời, không trách người mà coi đó là cái như-thị thường hằng của nhân quả, để trả nghiệp cho nên.”

-“Bác đừng bận tâm vì cầu nguyện cho người khác và cho em Được là nhiệm vụ của cháu, một kẻ tu hành.” Long Đạt từ tốn nói.

-“Bác cảm ơn nhiều. Vả lại gia đình bác chỉ có mình thằng Được là hư hỏng thế này thôi. Chị hai nó ngoài năm mươi tuổi đã vào chùa tu từ năm mười sáu, sang năm sẽ lên làm sư bà cai quản một ngôi chùa lớn.”

-“Thế thì tốt quá.” Long Đạt kêu lên.

Bà mẹ ngồi trầm ngâm nhìn Được vài phút, rồi nói với Long Đạt,

-“Vừa rồi sư cô con gái tôi muốn gọi vài đệ tử tìm hiểu giáo lý đạo Chúa liệu cha có thể giúp được việc này không?”

-“Dĩ nhiên là được, nhưng tôi phải có một lời trình qua cha Tám biết và sẽ gọi điện thoại báo cho bà biết sau.”

Lúc ra về, đến đường trái sồi dẫn ra xa lộ, bà mẹ dừng lại hỏi Long Đạt,

-“Tại sao cha không ngại khi giúp đỡ cho người khác đạo, nhất là người theo đạo Phật.”

-“Tôi chỉ nghĩ đơn giản rằng đã là người, hết thầy đều là con cái Đức Chúa Trời, nghĩa là chúng ta đều huynh đệ tì muội của nhau, là anh chị em cùng một nhà. Thế thôi.”

-“Mô Phật, thật vậy sao. Cha thật là tốt bụng.”

Nói xong bà hoan hỉ ra về, dọc đường bà cứ niệm mãi câu: “*Nam-mô A-Di-Đà-Phật*”.

Ba tuần sau được phép của cha Tám, Long Đạt nhận dạy ba ni cô được chùa Long Tuyền gọi tới hai buổi một tuần. Từ đó cộng đoàn Nadarét và chùa Long Tuyền đã trở thành hai cơ sở tu hành và bác ái kết nghĩa với nhau. Ông Long Đạt đã dùng một cuốn giáo lý của các sinh viên công giáo Đức để hướng dẫn họ vào niềm tin của Chúa Thánh Thần, ngôi ba Thiên Chúa và là một Thiên Chúa đã bị bỏ quên. Cha Tám bề trên rất hài lòng với cách hướng dẫn của Long Đạt. Đúng là “*Thiện tai, thiện tai*” như lời trong kinh Phật.

&

Tin Long Đạt vào cộng đoàn Nadarét trị bệnh bằng đông y của cha Tám đến với đan phụ Pedro hơi muộn vì đan viện của ông ở sâu trong núi Thị Vải. Ông thở dài buồn bã và định bụng sẽ thu xếp để đến thăm Long Đạt. Một buổi chiều, sau khi dâng thánh lễ trong nhà nguyện, ông vừa đi bách bộ trong khu nội vi, vừa lần chuỗi Mân Côi thì nghe được tiếng trẻ nhỏ con cái mấy gia đình di dân đến khu đất sát bìa rừng làm nương rẫy hát một bài bài đồng dao rất lạ:

Khi con cất tiếng hát/ Mẹ tấm tắc vỗ tay/ Vang dội cả xóm làng

Khi cây dù rộng mở/ Mưa nắng trước khi che/ Nó che ngay cái cán/ Không ngăn ngại e dè.

Đan phụ Pedro gọi chúng lại gần hàng rào hỏi chúng ai đã dạy chúng bài đồng dao ấy; chúng đều đáp do một thiên thần mặt chuột có đôi cánh màu đen dạy chúng. Nhưng khi đan phụ hỏi kỹ xem thiên thần ấy có đuôi như chuột không, đứa thì nói có, đứa lại nói không. Buổi tối hôm ấy, ông trần trọc không ngủ được, sau cùng ông quyết định sẽ xuống thăm Long Đạt sớm hơn. Ông sẽ mang lại cho Long Đạt sự che chở như của một bà mẹ mà Long Đạt rất cần trong cơn hoạn nạn. Bởi lẽ hơn ai hết, đan phụ biết rõ câu danh ngôn tiếng Pháp: “Quyền bính tự bản chất làm người ta hư hỏng” [l’*autorité corrompt par essence*]. Tuy nhiên cũng khó có thể trách giáo hội trao quá nhiều quyền bính cho linh mục trên giáo dân trong giáo xứ khiến ông dễ trở thành ngạo mạn lộng quyền.

Tuần sau đó, đan phụ Pedro đến thăm cha Long Đạt và nghe ông này xưng tội. Lần xưng tội với người bạn thân quen này kéo dài gần một giờ. Khi việc xưng tội đã xong, đan phụ Pedro và Long Đạt cùng đến ngồi trên băng đá dưới mấy cây dầu cổ thụ. Lúc này đan phụ Pedro nói với Long Đạt không phải như với một hồi nhân nhưng như một người bạn, ông nói,

-“Chúa đã rất quảng đại thương xót cậu, khi để cho cậu cuối đời có đủ thời gian hối cải. Và lại trước đây Chúa cũng đã tránh cho cậu những sự dữ nhãn tiền đó là tự tôn vinh mình lên làm ngẫu tượng.”

-“Có bao giờ con làm như thế đâu?”

-“Có đấy. Lần đầu cậu nghĩ mình phải biến đổi các giáo dân chỉ ít với một mô hình sống đạo lý tưởng mà chắc chắn họ không thể làm được trong một sớm một chiều, do bị ảnh hưởng thâm sâu của văn hóa Nho-Phật trong nếp nghĩ và nếp sống của họ. Lúc ấy cậu đúc tượng mình bằng cẩm thạch. Rồi lần thứ hai, trong thất vọng ê chề, thấy giáo hội có nhiều bóng tối, cậu trở về làm một

linh-mục-công-chức chiều theo ý thích tự nhiên phù phiếm của giáo dân để lấy lòng họ và được yên thân. Lúc ấy cậu đúc tượng mình bằng đồng đen trong cô đơn và lạc lõng. Lẽ ra con phải làm điều đối nghịch với điều ấy là sống cái “*Kenosis*” hủy mình ra không...”

-“Vâng con đã có những lúc hoang tưởng mình như thế, nhưng con đã luôn nghĩ mình là một tội nhân.”

-“Đúng vậy bởi Chúa đã run rủi cho cậu gặp gỡ một người nữ vốn không coi cậu như một ngẫu tượng tuyệt đối, mà coi cậu như một người nam bình thường, có thể đến gần mời gọi cậu bước vào một quan hệ yêu thương rất trần tục, rất nhân bản. Cô ấy đã trả lại cho ngẫu tượng cảm thạch hoặc đồng đen của cậu cái chất xương thịt của con người mà dường như xương thịt của cô ấy đã được dẫn xuất từ xương thịt của cậu như trường hợp xương thịt của Eva được rút ra từ xương thịt của Adam, tuy lần này với cậu, không phải trong vườn địa đàng nhưng trong khu vườn thế gian đầy gai góc, và đã bạc màu này. Đồng thời tình yêu đam mê ấy đã cho cậu “ngộ” ra mình là sự khiếm-khuyết-hữu-thể, trái ngược hẳn với ảo tưởng mình là một “hữu thể viên mãn” mà thời kỳ tu học trong chủng viện đúng hơn quan niệm giáo sĩ trị đã bơm vào đầu óc cậu... Thế nên con dường như phong thần, trở thành ngẫu tượng tuyệt đối của cậu đã bị ngăn lại đúng lúc.”

-“Cha đang muốn nói về Thúy Trân phải không?” Long Đạt hỏi, đôi mắt rung rung ngán lệ.

-“Ta nói thế không đúng sao... Và cùng với xương thịt được phục hồi, với con tim thổn thức rộn ràng, cậu mới biết mình chỉ là cát bụi, đúng không?” Đan phụ Pedro hỏi lại.

Bây giờ thì lệ nóng đã chảy thành dòng trên đôi má gầy xanh xao của Long Đạt cùng với những tiếng nấc nghẹn ngào,

-“Con vẫn luôn yêu cô ấy cha ạ và tình yêu này sinh hoa trái cho con theo một cách khác... cụ thể con đã khám phá tình huynh đệ phổ quát của hết thảy mọi người có chung một Cha duy nhất trên trời và cố gắng sống tình huynh đệ ấy một cách viên mãn.”

-“Ta biết chứ, dù không chính đáng, chính khi yêu cô ấy con đã thật sự sống tình yêu của Phúc Âm, lúc đó tình yêu hay bác ái không còn là những từ ngữ với âm thanh rỗng rỗng trong các sách thần học luân lý hoặc sách tu đức nhưng đã được sống cụ thể và trần trụi với cô ấy. Đó là bước đầu giúp con khám phá ra tình huynh đệ phổ quát với mọi người. Và lại Chúa đã nói rồi: *‘Ai yêu nhiều sẽ được tha thứ nhiều’* để con không mất đi lòng trông cậy”

Câu nói này của đan phụ Pedro kết thúc câu chuyện của hai người. Họ ngồi yên lặng bên nhau một lúc lâu khi buổi chiều dần xuống. Sau đó đan phụ Pedro phải trở về đan viện sâu trong núi Thị Vải và Long Đạt tiễn ông ra đến cổng tu viện. Trong khi ngồi sau một trợ sĩ chờ ông bằng xe gắn máy, Viện phụ Pedro tự nhủ như một lời nguyện gẫm, thân thưa cùng Chúa, “Lạy Chúa, hôm nay con đã trao ban ơn tha thứ của Ngài cho Long Đạt để sau khi đã hối hận về những nỗi đam mê nghiệt ngã của mình, anh ấy tìm lại sự bình an cuối đời, sự bình an mà anh ấy không có

được từ rất sớm, trước cả khi có ơn gọi thánh chức. Con và anh ấy cảm ơn lòng thương xót vô biên của Ngài...” Lúc đó, chiếc xe vẫn chạy vào núi trong ánh sáng nhạt dần của buổi chiều tàn.

Khi quay về khu nhà của cộng đoàn, những lời sau cùng của đan phụ Pedro còn vang vọng trong lòng Long Đạt. Vâng, đan phụ đã mượn một câu của thánh Phaolô rằng: “*Mọi sự đều mang lại lợi ích cho người có lòng mến Chúa...*” để khuyên ông đừng tự dày vò bản thân bởi các yêu sách nghiêm khắc của lề luật, nhưng trước hết trong những ngày sau cùng này phải sống yêu thương như Chúa đã yêu thương mọi người với một tình yêu hy sinh và tận hiến.